

Số:/...../TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

Dự thảo
Ngày /5/2025

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung Thông tư 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế, Thông tư số 40/2021/TT-BTC ngày 01 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Thông tư số 40/2021/TT-BTC ngày 01 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thuế;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19

tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế, Thông tư số 40/2021/TT-BTC ngày 01 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh,

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 27 Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ Tài chính như sau:

“2. Trách nhiệm tiếp nhận và giải quyết hồ sơ hoàn thuế theo quy định của pháp luật về thuế

a) ~~Cục Thuế¹~~ **Cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế²** có trách nhiệm tiếp nhận và giải quyết hồ sơ hoàn thuế nêu tại khoản 1 Điều này (trừ trường hợp quy định tại điểm b, c khoản này). ~~đối với người nộp thuế do Cục Thuế quản lý trực tiếp và người nộp thuế do Chi cục Thuế quản lý trực tiếp.~~

~~Riêng các Cục Thuế thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Cục trưởng Cục Thuế có thể phân công cho Chi cục Thuế tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế giá trị gia tăng của người nộp thuế do Chi cục Thuế quản lý trực tiếp và thực hiện giải quyết hồ sơ hoàn thuế của người nộp thuế, bao gồm: phân loại hồ sơ hoàn thuế thuộc diện hoàn thuế trước hoặc thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế; xác định số thuế được hoàn; xác định số tiền thuế nợ, tiền phạt, tiền chậm nộp phải bù trừ với số thuế được hoàn; dự thảo Quyết định hoàn thuế hoặc Quyết định hoàn thuế kiêm bù trừ thu ngân sách nhà nước hoặc Thông báo về việc không được hoàn thuế (nếu có); sau đó Chi cục Thuế chuyển toàn bộ hồ sơ cho Cục Thuế để tiếp tục thực hiện hoàn thuế theo quy định tại Thông tư này.”~~

Điều 2. Bãi bỏ một số khoản, Điều của Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ Tài chính

1. Khoản 3 Điều 36.

~~“3. Chi cục Thuế được phân công tiếp nhận và giải quyết theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 27 Thông tư này chuyển toàn bộ hồ sơ giải quyết hoàn thuế theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này cho Cục Thuế để xem xét ban hành Quyết định hoàn thuế. Cục Thuế ban hành Quyết định hoàn thuế theo mẫu số 01/QĐHT trong trường hợp người nộp thuế không còn tiền thuế nợ hoặc Quyết định hoàn kiêm bù trừ Khoản thu ngân sách nhà nước theo mẫu số 02/QĐHT, Phụ lục số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt phải nộp được bù trừ theo mẫu số 01/PL-BT (nếu có) trong trường hợp người nộp thuế còn nợ tiền thuế nợ hoặc người nộp thuế đề nghị bù trừ số thuế được hoàn trả với Khoản nợ, Khoản thu phát sinh của người nộp thuế khác, hoặc Quyết định thanh toán cho ngân hàng là đại lý hoàn thuế giá trị gia tăng theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày~~

¹ Chữ gạch ngang là nội dung bỏ đi so với hiện hành

² Chữ đậm nghiêng là nội dung bổ sung so với hiện hành

~~30/5/2014 của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 15 Điều 1 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 của Bộ Tài chính đối với hoàn thuế cho ngân hàng là đại lý hoàn thuế giá trị gia tăng, Thông báo về việc không được hoàn thuế mẫu số 04/TB-HT ban hành kèm theo phụ lục I Thông tư này. Cục Thuế chịu trách nhiệm về quyết định hoàn thuế theo quy định của pháp luật.”~~

2. Khoản 2 Điều 38.

~~“2. Trường hợp Cục Thuế ban hành Quyết định hoàn thuế hoặc Quyết định hoàn thuế kiêm bù trừ thu ngân sách nhà nước hoặc Quyết định thanh toán cho ngân hàng là đại lý hoàn thuế giá trị gia tăng đối với người nộp thuế do Chi cục Thuế quản lý thì Cục Thuế gửi Quyết định cho Chi cục Thuế để theo dõi nghĩa vụ của người nộp thuế.”~~

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung các mẫu biểu ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ Tài chính, Thông tư số 40/2021/TT-BTC ngày 01 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài chính để thực thi các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2025 (ngày ký).

2. Quy định chuyển tiếp

a) Đối với các Chi cục Thuế (nay là Đội Thuế cấp huyện) thuộc 4 Cục Thuế tỉnh/thành phố: Hà Nội (nay là Chi cục Thuế khu vực I), Hồ Chí Minh (nay là Chi cục Thuế khu vực II), Bình Dương (nay là Chi cục Thuế khu vực XVI), Đồng Nai (nay là Chi cục Thuế khu vực XV) đã tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế giá trị gia tăng của người nộp thuế do Chi cục Thuế (nay là Đội Thuế cấp huyện) quản lý trực tiếp trước ngày 01/01/2025 nhưng đến ngày Luật số 56/2024/QH15 có hiệu lực thi hành, Chi cục Thuế (nay là Đội Thuế cấp huyện) chưa chuyển hồ sơ cho Cục Thuế (nay là Chi cục Thuế khu vực) thì Chi cục Thuế (nay là Đội Thuế cấp huyện) tiếp tục thực hiện giải quyết hoàn thuế cho người nộp thuế theo quy định.

b) Đối với các hồ sơ đề nghị hoàn thuế của người nộp thuế do Chi cục Thuế (nay là Đội Thuế cấp huyện) quản lý trực tiếp, trừ 4 Cục Thuế tỉnh/thành phố: Hà Nội (nay là Chi cục Thuế khu vực I), Hồ Chí Minh (nay là Chi cục Thuế khu vực II), Bình Dương (nay là Chi cục Thuế khu vực XVI), Đồng Nai (nay là Chi cục Thuế khu vực XV) quy định tại điểm a khoản này) được Cục Thuế (nay là Chi cục Thuế khu vực) tiếp nhận trước ngày 01/01/2025 nhưng đến ngày Luật số 56/2024/QH15 có hiệu lực thi hành, Cục Thuế (nay là Chi cục Thuế khu vực) chưa ban hành Quyết định hoàn thuế hoặc Quyết định hoàn kiêm bù trừ thu ngân sách nhà nước hoặc Thông báo về việc không hoàn thuế (nếu có) thì Cục Thuế (nay là Chi cục Thuế khu vực) tiếp tục thực hiện các bước công việc chưa hoàn thành theo

trình tự, thủ tục quy định tại Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ Tài chính để giải quyết hoàn thuế cho người nộp thuế.

3. Khi các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo các văn bản mới đó.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ,
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Sở Tài chính, Chi cục Thuế, Kho bạc Nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính; Website Cục Thuế;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, CT (VT, CS (b)).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Cao Anh Tuấn

PHỤ LỤC

Sửa đổi, bổ sung một số mẫu biểu ban hành kèm theo
Thông tư số 40/2021/TT-BTC và Thông tư số 80/2021/TT-BTC
(Kèm theo Thông tư số / /TT-BTC ngày tháng năm
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Mẫu số	Tên mẫu biểu
I. Mẫu biểu ban hành kèm theo Thông tư số 40/2021/TT-BTC		
1	01/CNKD	Tờ khai thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh
2	01/TTS	Tờ khai đối với hoạt động cho thuê tài sản (Áp dụng đối với cá nhân có hoạt động cho thuê tài sản trực tiếp khai thuế với cơ quan thuế và tổ chức khai thuế thay cho cá nhân)
3	01-1/BK-TTS	Phụ lục bảng kê chi tiết hợp đồng cho thuê tài sản (Áp dụng đối với cá nhân có hoạt động cho thuê tài sản trực tiếp khai thuế với cơ quan thuế nếu là lần khai thuế đầu tiên của Hợp đồng hoặc Phụ lục hợp đồng)
4	01-1/BK-XSBHĐC	Bảng kê chi tiết cá nhân có phát sinh doanh thu từ hoạt động đại lý xổ số, đại lý bảo hiểm, bán hàng đa cấp (Kèm theo Tờ khai 01/KK-XSBHĐC kê khai vào hồ sơ khai thuế của tháng/quý cuối cùng trong năm tính thuế)
5	01/TKN-CNKD	Tờ khai thuế năm (Áp dụng đối với cá nhân trực tiếp ký hợp đồng làm đại lý xổ số, bảo hiểm, bán hàng đa cấp, hoạt động kinh doanh khác chưa khấu trừ, nộp thuế trong năm)
II. Mẫu biểu ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC		
6	02/TNDN	Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp (áp dụng đối với hoạt động chuyên nhượng bất động sản theo từng lần phát sinh)
7	06/TNDN	Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp (áp dụng đối với hoạt động bán toàn bộ doanh nghiệp dưới hình thức chuyển nhượng vốn có gắn với bất động sản)
8	01-1/BK-XSBHĐC	Phụ lục bảng kê chi tiết cá nhân có phát sinh doanh thu từ hoạt động đại lý xổ số, đại lý bảo hiểm, bán

		hàng đa cấp (kê khai vào hồ sơ khai thuế của kỳ tháng/quý cuối cùng trong năm tính thuế)
9	02/KK-TNCN	Tờ khai thuế thu nhập cá nhân (áp dụng đối với cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công khai thuế trực tiếp với cơ quan thuế)
10	02/QTT-TNCN	Tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân (áp dụng đối với cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công)
11	02-1/BK-QTT-TNCN	Phụ lục bảng kê giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc
12	03/BDS-TNCN	Tờ khai thuế thu nhập cá nhân (áp dụng đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản; thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản)
13	04/CNV-TNCN	Tờ khai thuế thu nhập cá nhân (áp dụng đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng vốn góp, cá nhân chuyển nhượng chứng khoán khai trực tiếp với cơ quan thuế và tổ chức, cá nhân khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân)
14	04-1/CNV-TNCN	Phụ lục bảng kê chi tiết cá nhân chuyển nhượng vốn (áp dụng đối với tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cho nhiều cá nhân)
15	04/ĐTV-TNCN	Tờ khai thuế thu nhập cá nhân (áp dụng đối với cá nhân nhận cổ tức bằng chứng khoán, lợi tức ghi tăng vốn, chứng khoán thưởng cho cổ đông hiện hữu khi chuyển nhượng và tổ chức, cá nhân khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân)
16	04-1/ĐTV-TNCN	Phụ lục bảng kê chi tiết (áp dụng đối với tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cho nhiều cá nhân)
17	04/NNG-TNCN	Tờ khai thuế thu nhập cá nhân (áp dụng đối với cá nhân không cư trú có thu nhập từ kinh doanh, cá nhân có thu nhập từ đầu tư vốn, bản quyền, nhượng quyền thương mại, trúng thưởng được trả từ nước ngoài)
18	04/TKQT-TNCN	Tờ khai thuế thu nhập cá nhân (áp dụng đối với cá nhân nhận thừa kế, quà tặng không phải là bất động sản)
19	05-1/BK-QTT-TNCN	Phụ lục bảng kê chi tiết cá nhân thuộc diện tính thuế theo biểu lũy tiến từng phần
20	05-2/BK-QTT-TNCN	Phụ lục bảng kê chi tiết cá nhân thuộc diện tính thuế theo thuế suất toàn phần

21	05-3/BK-QTT-TNCN	Phụ lục bảng kê chi tiết người phụ thuộc giảm trừ gia cảnh
22	06-1/BK-TNCN	Phụ lục bảng kê chi tiết cá nhân có thu nhập trong năm tính thuế (kê khai vào hồ sơ khai thuế của tháng/quý cuối cùng trong năm tính thuế)
23	07/ĐK-NPT-TNCN	Bản đăng ký người phụ thuộc
24	07/XN-NPT-TNCN	Phụ lục bảng kê khai về người phải trực tiếp nuôi dưỡng
25	07/THĐK-NPT-TNCN	Phụ lục bảng tổng hợp đăng ký người phụ thuộc cho người giảm trừ gia cảnh (áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực hiện đăng ký giảm trừ người phụ thuộc cho người lao động)
26	01/TK-SDDPNN	Tờ khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân trừ chuyên nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất)
27	02/TK-SDDPNN	Tờ khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (áp dụng đối với tổ chức)
28	03/TKTH-SDDPNN	Tờ khai tổng hợp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân kê khai tổng hợp đất ở)
29	04/TK-SDDPNN	Tờ khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp chuyên nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất)
30	02/SDDNN	Tờ khai thuế sử dụng đất nông nghiệp (áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân có đất chịu thuế)
31	03/SDDNN	Tờ khai thuế sử dụng đất nông nghiệp (áp dụng đối với đất trồng cây lâu năm thu hoạch một lần)
32	01/TMĐN	Tờ khai tiền thuê đất, thuê mặt nước
33	01/LPTB	Tờ khai lệ phí trước bạ (áp dụng đối với nhà, đất)
34	02/LPTB	Tờ khai lệ phí trước bạ (áp dụng đối với tàu thuyền đánh cá, tàu thuyền vận tải thủy nội địa, tàu biển và tài sản khác trừ nhà, đất)
35	03/TNDN-DK	Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp (Áp dụng đối với thu nhập từ chuyên nhượng quyền lợi tham gia Hợp đồng dầu khí)
36	01/DNXLNT	Văn bản đề nghị xử lý số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa
37	01/HT	Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu ngân sách nhà

		nước
38	02/HT	Giấy đề nghị hoàn thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần và điều ước quốc tế khác
39	01/QĐHT	Quyết định về việc hoàn thuế
40	02/QĐHT	Quyết định về việc hoàn thuế kiêm bù trừ thu ngân sách nhà nước
41	01/MGTH	Văn bản đề nghị miễn (giảm thuế)
42	02/MGTH	Biên bản xác định mức độ, giá trị thiệt hại về tài sản
43	01/HTQT	Văn bản đề nghị miễn, giảm thuế theo Hiệp định thuế giữa Việt Nam và ... (tên Nước/Vùng lãnh thổ ký kết)
44	02/HTQT	Giấy đề nghị khấu trừ thuế đã nộp ở nước ngoài vào thuế phải nộp tại Việt Nam
45	01/TBH-TB	Hồ sơ dự kiến: Văn bản đề nghị miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Việt Nam và... (tên Nước/Vùng lãnh thổ ký kết) đối với các tổ chức nhận tái bảo hiểm nước ngoài có thu nhập từ kinh doanh, không thực hiện chế độ kế toán Việt Nam
46	02/TBH-TB	Hồ sơ chính thức: Văn bản đề nghị miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Việt Nam và ... (tên vùng, lãnh thổ ký kết) đối với các tổ chức nhận tái bảo hiểm nước ngoài có thu nhập từ kinh doanh không thực hiện chế độ kế toán Việt Nam
47	05/XOANO	Quyết định xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt của Cục Thuế
48	06/XOANO	Quyết định xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt của Bộ Tài chính
49	07/XOANO	Quyết định xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt của Thủ tướng Chính phủ
50	03/HTQT	Giấy đề nghị xác nhận số thuế đã nộp tại Việt Nam theo Hiệp định thuế giữa Việt Nam và ... (tên Nước/Vùng lãnh thổ ký kết)
51	04/HTQT	Giấy xác nhận thuế thu nhập đã nộp tại Việt Nam
52	05/HTQT	Giấy xác nhận thuế thu nhập đã nộp tại Việt Nam đối với thu nhập từ tiền lãi cổ phần, lãi tiền cho vay,

		tiền bản quyền, phí dịch vụ kỹ thuật
53	06/HTQT	Giấy đề nghị xác nhận cư trú của Việt Nam
54	02/KTT	Biên bản làm việc về việc giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu
55	07/KTT	Biên bản công bố quyết định kiểm tra
56	03/TTrT	Biên bản về việc công bố quyết định thanh tra
57	06/TTrT	Quyết định về việc tạm giữ tiền, đồ vật, giấy phép liên quan đến hành vi trốn thuế, gian lận thuế
58	07/TTrT	Biên bản về việc tạm giữ tiền, đồ vật, giấy phép liên quan đến hành vi trốn thuế, gian lận thuế
59	09/TTrT	Biên bản về việc trả lại tiền, đồ vật, giấy phép bị tạm giữ
60	10/TTrT	Quyết định về việc niêm phong tài liệu liên quan đến hành vi trốn thuế, gian lận thuế
61	11/TTrT	Biên bản về việc niêm phong tài liệu liên quan đến hành vi trốn thuế, gian lận thuế
62	13/TTrT	Quyết định về việc kiểm kê tài sản liên quan đến hoạt động thanh tra
63	14/TTrT	Biên bản về việc kiểm kê tài sản liên quan đến hoạt động thanh tra
64	15/TTrT	Quyết định về việc hủy bỏ kiểm kê tài sản

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH

- ☐ HKD, CNKD nộp thuế theo phương pháp khoán
☐ CNKD nộp thuế theo từng lần phát sinh
☐ Tổ chức, cá nhân khai thuế thay, nộp thuế thay
☐ HKD, CNKD nộp thuế theo phương pháp kê khai
☐ HKD, CNKD trong lĩnh vực ngành nghề có căn cứ xác định được doanh thu theo xác nhận của cơ quan chức năng
☐ Hộ khoán chuyển đổi phương pháp tính thuế

[01] Kỳ tính thuế: [01a] Năm(từ tháng.../... đến tháng.../...)
[01b] Tháng ...năm.....
[01c] Quý năm..... (Từ tháng.../... Đến tháng.../...)
[01d] Lần phát sinh: Ngày ... tháng....năm...

[02] Lần đầu: ☐ [03] Bổ sung lần thứ:....

[04] Người nộp thuế:.....

[05] Tên cửa hàng/thương hiệu:

[06] Tài khoản ngân hàng:.....

[07] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

 -

--	--	--

[08] Ngành nghề kinh doanh:..... [08a] Thay đổi thông tin ☐

[09] Diện tích kinh doanh: [09a] Đi thuê ☐

[10] Số lượng lao động sử dụng thường xuyên:

[11] Thời gian hoạt động trong ngày từ.....giờ đến.....giờ

[12] Địa chỉ kinh doanh:.....[12a] Thay đổi thông tin ☐

[12b] Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:.....

[12c] Phường/Xã/Thị trấn:.....

[12d] Quận/Huyện/Thị xã/ Thành phố thuộc tỉnh:.....

[12d] Tỉnh/Thành phố:.....

[12c] Kinh doanh tại chợ biên giới:..... ☐

[13] Địa chỉ cư trú:

[13a] Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:.....

[13b] Phường/Xã/Thị trấn:.....

[13c] Quận/Huyện/Thị xã/ Thành phố thuộc tỉnh:.....

[13d] Tỉnh/Thành phố:.....[14] Điện thoại:.....

[15] Fax:..... [16] Email:.....

[17] Văn bản uỷ quyền khai thuế (nếu có):ngày tháng.....năm.....

[18] Trường hợp cá nhân kinh doanh chưa đăng ký thuế thì khai thêm các thông tin sau:

[18a] Ngày sinh:...../...../..... [18b] Quốc tịch:

[18c] Số định danh cá nhân ~~CMND/CCCD~~:.....[18c.1] Ngày cấp:.....[18c.2]

Nơi cấp:.....

Trường hợp cá nhân kinh doanh thuộc đối tượng không có định danh cá nhân ~~CMND/CCCD~~ tại Việt Nam thì kê khai thông tin tại một trong các thông tin sau:

[18d] Số hộ chiếu:.....[18d.1] Ngày cấp:.....[18d.2] Nơi cấp:.....

[18đ] Số giấy thông hành (đối với thương nhân nước ngoài):

[18đ.1] Ngày cấp:.....[18đ.2] Nơi cấp:.....

[18e] Số CMND biên giới (đối với thương nhân nước ngoài):.....

[18e.1] Ngày cấp:.....[18e.2] Nơi cấp:.....

[18f] Số Giấy tờ chứng thực cá nhân khác:[18f.1] Ngày cấp:[18f.2] Nơi cấp:

[18g] Nơi đăng ký thường trú:

[18g.1] Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

[18g.2] Phường/xã/Thị trấn:.....

[18g.3] Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:.....

[18g.4] Tỉnh/Thành phố:

[18h] Chỗ ở hiện tại:

[18h.1] Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:.....

[18h.2] Phường/xã/Thị trấn:.....

[18h.3] Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:.....

[18h.4] Tỉnh/Thành phố:

[18i] Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (nếu có): Số:.....

[18i.1] Ngày cấp:.../.../... [18i.2] Cơ quan cấp:.....

[18k] Vốn kinh doanh (đồng):.....

[19] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[20] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

 -

--	--	--

[21] Hợp đồng đại lý thuế: Số:Ngày:.....

[22] Tên của tổ chức khai thay (nếu có):... ..

[23] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

 -

--	--	--

[24] Địa chỉ:

[25] Điện thoại: [26] Fax: [27] Email:

A. KÊ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (GTGT), THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN (TNCN)

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Nhóm ngành nghề	Mã chỉ tiêu	Thuế GTGT		Thuế TNCN	
			Doanh thu (a)	Số thuế (b)	Doanh thu (c)	Số thuế (d)
1	Phân phối, cung cấp hàng hóa	[28]				
2	Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu	[29]				
3	Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu	[30]				
4	Hoạt động kinh doanh khác	[31]				
	Tổng cộng:	[32]				

B. KÊ KHAI THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT (TTĐB)

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế TTĐB	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Doanh thu tính thuế TTĐB	Thuế suất	Số thuế
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)*(6)
1	Hàng hoá, dịch vụ A.....	[33a]				
2	Hàng hoá, dịch vụ B.....	[33b]				
3						
	Tổng cộng:	[33]				

C. KÊ KHAI THUẾ/PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG HOẶC THUẾ TÀI NGUYÊN

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tài nguyên, hàng hóa, sản phẩm	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Sản lượng/ Số lượng	Giá tính thuế tài nguyên/ mức thuế hoặc phí BVMT	Thuế suất	Số thuế
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Khai thuế tài nguyên						
1.1	Tài nguyên C.....	[34a]					(8)=(5)*(6)*(7)
1.2	Tài nguyên D.....	[34b]					
							
	Tổng cộng	[34]					

2	Khai thuế bảo vệ môi trường						
2.1	Hàng hoá E...	[35a]					(8)=(5)*(6)
2.2	Hàng hoá G...	[35b]					
							
	Tổng cộng	[35]					
3	Khai phí bảo vệ môi trường						
3.1	Hàng hoá H...	[36a]					(8)=(5)*(6)
3.2	Hàng hoá K...	[36b]					
							
	Tổng cộng	[36]					

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

Ghi chú:

- Chỉ tiêu [01] Kỳ tính thuế được áp dụng như sau:
 - + Chỉ tiêu [01a] chỉ khai đối với HKD, CNKD nộp thuế theo phương pháp khoán.
 - + Chỉ tiêu [01b] hoặc [01c] chỉ khai đối với HKD, CNKD nộp thuế theo phương pháp kê khai hoặc tổ chức, cá nhân khai thuế thay, nộp thuế thay khai thuế theo tháng hoặc quý.
 - + Chỉ tiêu [01d] khai đối với HKD, CNKD nộp thuế theo từng lần phát sinh.
- Chỉ tiêu [08a] chỉ đánh dấu khi thông tin tại chỉ tiêu [08] có thay đổi so với lần khai trước liền kề.
- Chỉ tiêu [12a] chỉ đánh dấu khi thông tin tại chỉ tiêu [12b], [12c], [12d], [12đ] có thay đổi so với lần khai trước liền kề.
- Tại chỉ tiêu doanh thu, sản lượng: Nếu là Hộ khoán thì kê khai doanh thu, sản lượng dự kiến trung bình 1 tháng trong năm; Nếu là cá nhân kinh doanh nộp thuế theo từng lần phát sinh thì kê khai doanh thu, sản lượng phát sinh theo từng lần phát sinh. Nếu là HKD, CNKD nộp thuế theo phương pháp kê khai hoặc tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay thì kê khai doanh thu, sản lượng theo tháng hoặc theo quý tương ứng với kỳ tháng hoặc quý.
- HKD, CNKD theo hình thức hợp tác kinh doanh với tổ chức thì tổ chức khai thay kèm theo Tờ khai 01/CNKD Phụ lục Bảng kê chi tiết hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo mẫu 01-1/BK-CNKD và không phải khai các chỉ tiêu từ [04] đến [18].
- Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp kê khai thì cá nhân khai kèm theo tờ khai 01/CNKD Phụ lục bảng kê hoạt động kinh doanh trong kỳ của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo mẫu 01-2/BK-HĐKD trừ trường hợp HKD, CNKD trong lĩnh vực ngành nghề có căn cứ xác định được doanh thu theo xác nhận của cơ quan chức năng.
- Phần C chỉ áp dụng đối với cá nhân được cấp phép khai thác tài nguyên khoáng sản.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CHO THUÊ TÀI SẢN

(Áp dụng đối với cá nhân có hoạt động cho thuê tài sản trực tiếp khai thuế với cơ quan thuế và tổ chức khai thay cho cá nhân)

Cá nhân cho thuê tài sản trực tiếp khai thuế/ Tổ chức, cá nhân khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân ủy quyền theo quy định của pháp luật dân sự: ☐

Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khai thuế thay, nộp thuế thay theo pháp luật thuế: ☐

[01] Kỳ tính thuế:

[01a] Năm ...

[01b] Kỳ thanh toán: từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...

[01c] Tháng ... năm ...

[01d] Quý ... năm ... (Từ tháng .../... đến tháng .../...)

[02] Lần đầu: ☐

[03] Bổ sung lần thứ: ...

[04] Người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế:.....

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[05A] Mã địa điểm kinh doanh:

[06] Địa chỉ liên hệ:

[07] Điện thoại:.....[08] Fax:..... [09] Email:.....

[10] Số định danh cá nhân CMND (trường hợp cá nhân quốc tịch Việt Nam):

[11] Hộ chiếu (trường hợp cá nhân không có quốc tịch Việt nam):

[12] Trường hợp cá nhân kinh doanh chưa đăng ký thuế thì khai thêm các thông tin sau:

[12a] Ngày sinh:...../...../..... [12b] Quốc tịch:

[12c] Số CMND/CCCD:.....[12c.1] Ngày cấp:[12c.2] Nơi cấp:

~~Trường hợp cá nhân kinh doanh thuộc đối tượng không có CMND/CCCD tại Việt Nam thì kê khai thông tin tại một trong các thông tin sau:~~

~~[12d] Số hộ chiếu:.....[12d.1] Ngày cấp:[12d.2] Nơi cấp:~~

~~[12d] Số giấy thông hành (đối với thương nhân nước ngoài):~~

~~[12d.1] Ngày cấp:.....[12d.2] nơi cấp:~~

~~[12e] Số CMND biên giới (đối với thương nhân nước ngoài):.....~~

~~[12e.1] Ngày cấp:.....[12e.2] Nơi cấp:~~

~~[12f] Số Giấy tờ chứng thực cá nhân khác:.....~~

~~[12f.1] Ngày cấp:[12f.2] Nơi cấp:~~

[12g] Nơi đăng ký thường trú:

[12g.1] Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

[12g.2] Phường/xã/Thị trấn:.....

[12g.3] Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:.....

[12g.4] Tỉnh/ Thành phố:

[12h] Chỗ ở hiện tại:

[12h.1] Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:.....

[12h.2] Phường/xã/Thị trấn:.....

[12h.3] Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:.....

[12h.4] Tỉnh/Thành phố:

[12i] Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (nếu có): Số:.....

[12i.1] Ngày cấp: .../.../... [12i.2] Cơ quan cấp:.....

[12k] Vốn kinh doanh (đồng):.....

[13] [12] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[14] [13] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[15] [14] Hợp đồng đại lý thuế: Số.....ngày...../...../.....

[16] [15] Tổ chức khai, nộp thuế thay (nếu có):.....

[17] [16] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[18] [17] Địa chỉ:

[19] [18] Điện thoại: [20] [19] Fax: [21] [20] Email:

[22] [21] Văn bản uỷ quyền (nếu có): Số.....ngày.....tháng.....năm.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
1	Tổng doanh thu phát sinh trong kỳ	[23] [22]	
2	Tổng doanh thu tính thuế	[24] [23]	
3	Tổng số thuế GTGT phải nộp	[25] [24]	
4	Tổng số thuế TNCN phát sinh trong kỳ	[26] [25]	
5	Tiền phạt, bồi thường mà bên cho thuê nhận được theo thoả thuận tại hợp đồng (nếu có)	[27] [26]	
6	Tổng số thuế TNCN phải nộp từ nhận tiền phạt, bồi thường (nếu có)	[28] [27]	
7	Tổng số thuế TNCN phải nộp [29]=[26]+[28] [28]=[25]+[27]	[29] [28]	

(TNCN: Thu nhập cá nhân; GTGT: Giá trị gia tăng)

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

Phụ lục

BẢNG KÊ CHI TIẾT HỢP ĐỒNG CHO THUÊ TÀI SẢN

(Kèm theo tờ khai 01/TTS áp dụng đối với cá nhân có hoạt động cho thuê tài sản

trực tiếp khai thuế với cơ quan thuế nếu là lần khai thuế đầu tiên của Hợp đồng hoặc Phụ lục hợp đồng)

[01] Kỳ tính thuế: [01a] Năm ...

[01b] Kỳ thanh toán: từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...

[02] Lần đầu: ☐

[03] Bổ sung lần thứ:...

[04] Người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

 -

--	--	--

[05A] Mã địa điểm kinh doanh:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Họ tên bên thuê tài sản	Mã số thuế bên thuê tài sản	Loại tài sản		Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Mục đích sử dụng tài sản thuê	Bên thuê có đầu tư xây dựng cơ bản	Địa chỉ bất động sản cho thuê	Diện tích sàn cho thuê	Kỳ thanh toán			Số tháng cho thuê của hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng	Doanh thu bình quân tháng của hợp đồng	Cá nhân thuộc diện phải nộp thuế	Doanh thu tính thuế trong kỳ	Số thuế GTGT phải nộp	Số thuế TNCN phải nộp
			Bất động sản	Động sản							Từ ngày/ tháng/ năm	Đến ngày/ tháng/ năm	Giá cho thuê 1 tháng đã bao gồm thuế							
[06]	[07]	[08]	[09]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]	[17]	[18]	[19]	[20]	[21]	[22]	[23]	[24]	[25]	[26]
1																	☐			
1.1	Kỳ thanh toán 1 của Hợp đồng 1																			
1.2	Kỳ thanh toán 2 của Hợp đồng 1																			
...	Kỳ thanh toán ... của Hợp đồng 1																			
1.n	Kỳ thanh toán cuối cùng của Hợp đồng 1																			
2																	☐			
2.1	Kỳ thanh toán 1 của Hợp đồng 2																			
2.2	Kỳ thanh toán 2 của Hợp đồng 2																			
...	Kỳ thanh toán ... của Hợp đồng 2																			
2.n	Kỳ thanh toán cuối cùng của Hợp đồng 2																			
...																	☐			

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

Phụ lục
BẢNG KÊ CHI TIẾT CÁ NHÂN CÓ PHÁT SINH DOANH THU TỪ
HOẠT ĐỘNG ĐẠI LÝ XỔ SỐ, ĐẠI LÝ BẢO HIỂM, BÁN HÀNG ĐA CẤP

Mẫu số: 01-1/BK-XSBHĐC
 (Ban hành kèm theo Thông tư số
 40/2021/TT-BTC ngày 01 tháng 6 năm
 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

(Kèm theo Tờ khai 01/XSBHĐC kê khai vào hồ sơ khai thuế của kỳ tháng/quý cuối cùng trong năm tính thuế)

[01] Kỳ tính thuế: Năm

[02] Lần đầu: ☐

[03] Bổ sung lần thứ: ...

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Họ tên cá nhân	Mã số thuế cá nhân (MST)	Số ĐDCN CMND/ CCCD/ Hộ chiếu (trường hợp cá nhân chưa có MST)	Doanh thu trong năm	Doanh thu thuộc diện khấu trừ thuế trong năm	Số thuế đã khấu trừ trong năm
[06]	[07]	[08]	[09]	[10]	[11]	[12]
I	Đối với hoạt động đại lý xổ số					
1						
2						
...						
II	Đối với hoạt động đại lý bảo hiểm					
1						
2						
...						
III	Đối với hoạt động trả phí tích lũy bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác					
1						
2						
...						
IV	Đối với hoạt động bán hàng đa cấp					
1						
2						
...						

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./

....., ngày tháng năm

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

[10h.3] Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:.....

[10h.4] Tỉnh/Thành phố:

[10i] Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (nếu có): Số:.....[10i.1] Ngày cấp:../.../... [10i.2] Cơ quan cấp:.....

[10k] Vốn kinh doanh (đồng):.....

[11] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[12] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

 -

--	--	--

[13] Hợp đồng đại lý thuế: Số.....ngày...../...../.....

[14] Văn bản ủy quyền (nếu có): Số.....ngày.....tháng.....năm.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Tổng doanh thu trong năm	Số thuế phải nộp		Số thuế đã khấu trừ, đã tạm nộp		Số thuế phải nộp thêm		Số thuế nộp thừa	
				GTGT	TNCN	GTGT	TNCN	GTGT	TNCN	GTGT	TNCN
			(a)	(b)	(c)	(d)	(đ)	(e)=(b)-(d)	(g)=(c)-(đ)	(h)=(d)-(b)	(i)=(đ)-(c)
1	Hoạt động đại lý xổ số	[15]									
2	Hoạt động đại lý bảo hiểm	[16]									
3	Hoạt động bán hàng đa cấp	[17]									
4	Hoạt động kinh doanh được trả thu nhập từ nước ngoài	[18]									
5	Hoạt động kinh doanh khác	[19]									
6	Tổng cộng	[20]									

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai/.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

....., ngày tháng năm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

(Áp dụng đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo từng lần phát sinh)

[01] Kỳ tính thuế: Từng lần phát sinh ngày.....tháng.....năm.....

[02] Lần đầu ☐

[03] Bổ sung lần thứ:...

1. Bên chuyển nhượng:

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

2. Bên nhận chuyển nhượng:

[06] Tên tổ chức/cá nhân nhận chuyển nhượng:

[07] Mã số thuế/số định danh cá nhân chứng minh nhân dân/số căn cước công dân (đối với cá nhân chưa có mã số thuế):

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

[08] Địa chỉ: Phường/xã..... Quận/huyện..... Tỉnh/TP.....

[09] Địa chỉ bất động sản được chuyển nhượng: [09a] Số nhà, đường phố..... [09b]

Phường/xã.....[09c] Quận/Huyện [09d] Tỉnh/TP.....

Theo Hợp đồng chuyển nhượng bất động sản: Số: ngày tháng năm có công chứng hoặc chứng thực tại UBND phường (xã) xác nhận ngày...tháng... năm....

[10] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[11] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

[12] Hợp đồng đại lý thuế: Số.....ngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Doanh thu từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	[13]	
2	Chi phí từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	[14]	
2.1	- Giá vốn của đất chuyển nhượng	[15]	
2.2	- Chi phí đền bù thiệt hại về đất	[16]	
2.3	- Chi phí đền bù thiệt hại về hoa màu	[17]	
2.4	- Chi phí cải tạo san lấp mặt bằng	[18]	
2.5	- Chi phí đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng	[19]	
2.6	- Chi phí khác	[20]	
3	Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản ([21]=[13]-[14])	[21]	
4	Thuế suất thuế TNDN	[22]	
5	Thuế TNDN phải nộp ([23]=[21] x [22])	[23]	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú:

- TNDN: Thu nhập doanh nghiệp

- Tờ khai 02/TNDN của người nộp thuế TNDN áp dụng theo phương pháp tỷ lệ trên doanh thu nộp tại CQT nơi phát sinh hoạt động chuyển nhượng BĐS.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

(Áp dụng đối với hoạt động bán toàn bộ doanh nghiệp dưới hình thức chuyển nhượng vốn có gắn với bất động sản)

[01] Kỳ tính thuế: Từ lần phát sinh ngày.....t háng.....năm.....

[02] Lần đầu ☐

[03] Bổ sung lần thứ:...

1. Bên chuyển nhượng vốn

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế:

2. Bên nhận chuyển nhượng vốn

[06] Tên tổ chức/cá nhân nhận chuyển nhượng:.....

[07] Mã số thuế/số định danh cá nhân ~~chứng minh nhân dân/số căn cước công dân~~

(đối với cá nhân chưa có mã số thuế):

[08] Địa chỉ: Phường/xã..... Quận/huyện..... Tỉnh/TP.....

[09] Địa chỉ bất động sản được chuyển nhượng: [09a] Số nhà, đường phố.....

[09b] Phường/xã.....[09c] Quận/Huyện [09d] Tỉnh/Tp.....

Theo Hợp đồng chuyển nhượng bất động sản: Số: ngày tháng năm có công chứng hoặc chứng thực tại UBND phường (xã) xác nhận ngày...tháng... năm....

[10] Tên Đại lý thuế (nếu có):.....

[11] Mã số thuế:

[12] Hợp đồng đại lý thuế: Số.....ngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Doanh thu của hoạt động bán toàn bộ doanh nghiệp có gắn với chuyển nhượng bất động sản	[13]	
2	Chi phí của hoạt động bán toàn bộ doanh nghiệp có gắn với chuyển nhượng bất động sản	[14]	
	Trong đó:		
	- Giá vốn của đất chuyển nhượng	[15]	
	- Chi phí đền bù thiệt hại về đất	[16]	
	- Chi phí đền bù thiệt hại về hoa màu	[17]	
	- Chi phí cải tạo san lấp mặt bằng	[18]	
	- Chi phí đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng	[19]	

STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
	- Chi phí khác (bao gồm cả giá mua của phần vốn chuyển nhượng)	[20]	
3	Thu nhập từ hoạt động bán toàn bộ doanh nghiệp có gắn với chuyển nhượng bất động sản ([21]=[13]-[14])	[21]	
4	Số lỗ từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản được chuyển kỳ này	[22]	
5	Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) từ hoạt động bán toàn bộ doanh nghiệp có gắn với chuyển nhượng bất động sản ([23]=[21]-[22])	[23]	
6	Thuế suất thuế TNDN (%)	[24]	
7	Thuế TNDN phải nộp ([25]=[23] x [24])	[25]	

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã kê khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú:

- TNDN: Thu nhập doanh nghiệp;

(Kèm theo Tờ khai 01/XSBHĐC kê khai vào hồ sơ khai thuế của kỳ tháng/quý cuối cùng trong năm tính thuế)

Mẫu số: 01-1/BK-XSBHĐC
(Ban hành kèm theo Thông tư số
80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

[02] Lần đầu:

[03] Bỏ sung lần thứ: ...

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

[illegible]

Đơn vị tiên: Đồng Việt Nam

STT	Họ tên cá nhân	Mã số thuế cá nhân (MST)	Số ĐCCN CMND/ CCCD/ Hộ chiếu (trường hợp cá nhân chưa có MST)	Doanh thu trong năm	Doanh thu thuộc diện khấu trừ thuế trong năm	Số thuế đã khấu trừ trong năm
[07]	[08]	[09]	[10]	[11]	[12]	[13]
I	Đối với hoạt động đại lý xổ số					
1						
2						
...						
II	Đối với hoạt động đại lý bảo hiểm					
1						
2						
...						
III	Đối với hoạt động trả phí tích lũy bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác					
1						
2						
...						
IV	Đối với hoạt động bán hàng đa cấp					
1						
2						
...						

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

....., ngày.....tháng.....năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chúng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

(Áp dụng đối với cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công khai thuế trực tiếp với cơ quan thuế)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng ... năm ... /Quý ... năm ... (Từ tháng .../... đến tháng .../...)

[02] Lần đầu: ☐

[03] Bổ sung lần thứ:...

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

 -

--	--	--	--

[06] Số định danh cá nhân:.....

[06] Địa chỉ:

[07] Quận/huyện: [08] Tỉnh/thành phố:

[097] Điện thoại:.....[108] Fax:.....[1109] Email:

[1210] Tên tổ chức trả thu nhập:.....

[131] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

 -

--	--	--	--

[142] Địa chỉ:

[153] Quận/huyện: [164] Tỉnh/thành phố:

[175] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[186] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

 -

--	--	--	--

[197] Hợp đồng đại lý thuế: Số:ngày:.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
I	Cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công:		
1	Tổng thu nhập chịu thuế phát sinh trong kỳ	{20} [18]	
2	Trong đó: Thu nhập chịu thuế được miễn giảm theo Hiệp định	{21} [19]	
3	Tổng các khoản giảm trừ ((22)=([23]+[24]+[25]+[26]+[27])) ([20]=([21]+[22]+[23]+[24]+[25]))	{22} [20]	
	a Cho bản thân	{23} [21]	
	b Cho người phụ thuộc	{24} [22]	

	c	Cho từ thiện, nhân đạo, khuyến học	{25} [23]	
	d	Các khoản đóng bảo hiểm được trừ	{26} [24]	
	e	Khoản đóng quỹ hưu trí tự nguyện được trừ	{27} [25]	
4		Tổng thu nhập tính thuế ({28} = [20] + [21] + [22]) ([26] = [18] - [19] - [20])	{28} [26]	
5		Tổng số thuế thu nhập cá nhân phát sinh trong kỳ	{29} [27]	
II	Cá nhân không cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công:			
1		Tổng thu nhập tính thuế	{30} [28]	
2		Mức thuế suất	{31} [29]	
3		Tổng số thuế thu nhập cá nhân phải nộp ({32} = [30] × [31]) ([30] = [28] × [29])	{32} [30]	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày tháng năm ...

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

Ghi chú:

1. Cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công khai thuế trực tiếp với cơ quan thuế theo Tờ khai này bao gồm:

- Cá nhân cư trú/không cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công do các tổ chức Quốc tế, Đại sứ quán, Lãnh sự quán tại Việt Nam trả nhưng chưa thực hiện khấu trừ thuế;
- Cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công do các tổ chức, cá nhân trả từ nước ngoài;
- Cá nhân không cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công phát sinh tại Việt Nam nhưng nhận tại nước ngoài;
- Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công do nhận cổ phiếu thưởng khi chuyển nhượng.

2. Trường hợp cá nhân được miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần thì nộp hồ sơ khai thuế của lần khai thuế đầu tiên cùng với Hồ sơ thông báo miễn, giảm thuế theo Hiệp định theo quy định.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN
(Áp dụng đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công)

[01] Kỳ tính thuế: Năm (từ tháng .../... đến tháng .../....)

[02] Lần đầu: ☐

[03] Bổ sung lần thứ: ...

Tờ khai quyết toán thuế kèm theo hồ sơ giảm thuế do thiên tai, hoả hoạn, tai nạn, bệnh hiểm nghèo: ☐

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

[06] Số định danh cá nhân:

[06] Địa chỉ:

[07] Quận/huyện: [08] Tỉnh/thành phố:

[097] Điện thoại: [108] Fax: [1109] Email:

[120] Tên đại lý thuế (nếu có):

[131] Mã số thuế: -

[142] Hợp đồng đại lý thuế: Số: Ngày:

[153] Tên tổ chức trả thu nhập:

[164] Mã số thuế: -

[175] Địa chỉ:

[186] Quận/huyện: [197] Tỉnh/thành phố:

STT	Chỉ tiêu	Mã chi tiêu	Đơn vị tính	Số tiền/Số người
1	Tổng thu nhập chịu thuế (TNCT) trong kỳ [20]=[21]+[23] [18]=[19]+[21]	[20] [18]	VND	
	a Tổng TNCT phát sinh tại Việt Nam	[21] [19]	VND	
	Trong đó tổng TNCT phát sinh tại Việt Nam được miễn giảm theo Hiệp định (nếu có)	[22] [20]	VND	
	b Tổng TNCT phát sinh ngoài Việt Nam	[23] [21]	VND	
2	Số người phụ thuộc	[24] [22]	Người	
3	Các khoản giảm trừ ([25]=[26]+[27]+[28]+[29]+[30]) ([23]=[24]+[25]+[26]+[27]+[28])	[25] [23]	VND	
	a Cho bản thân cá nhân	[26] [24]	VND	

	b	Cho những người phụ thuộc được giảm trừ	{27} {25}	VND	
	c	Từ thiện, nhân đạo, khuyến học	{28} {26}	VND	
	d	Các khoản đóng bảo hiểm được trừ	{29} {27}	VND	
	e	Khoản đóng quỹ hưu trí tự nguyện được trừ	{30} {28}	VND	
4	Tổng thu nhập tính thuế $\{31\} = \{20\} - \{22\} - \{25\}$ $\{29\} = \{18\} - \{20\} - \{23\}$		{31} {29}	VND	
5	Tổng số thuế thu nhập cá nhân (TNCN) phát sinh trong kỳ		{32} {30}	VND	
6	Tổng số thuế đã nộp trong kỳ $\{33\} = \{34\} + \{35\} + \{36\} - \{37\} - \{38\}$ $\{31\} = \{32\} + \{33\} + \{34\} - \{35\} - \{36\}$ Trong đó:		{33} {31}	VND	
	a	Số thuế đã khấu trừ tại tổ chức trả thu nhập	{34} {32}	VND	
	b	Số thuế đã nộp trong năm không qua tổ chức trả thu nhập	{35} {33}	VND	
	c	Số thuế đã nộp ở nước ngoài được trừ (nếu có)	{36} {34}	VND	
	d	Số thuế đã khấu trừ, đã nộp ở nước ngoài trùng do quyết toán văt năm	{37} {35}	VND	
	đ	Số thuế đã nộp trong năm không qua tổ chức trả thu nhập trùng do quyết toán văt năm	{38} {36}	VND	
7	Tổng số thuế TNCN được giảm trong kỳ $\{39\} = \{40\} + \{41\}$ $\{37\} = \{38\} + \{39\}$		{39} {37}	VND	
	a	Số thuế phải nộp trùng do quyết toán văt năm	{40} {38}	VND	
	b	Tổng số thuế TNCN được giảm khác	{41} {39}	VND	
8	Tổng số thuế còn phải nộp trong kỳ $\{42\} = (\{32\} - \{33\} - \{39\}) > 0$ $\{40\} = (\{30\} - \{31\} - \{37\}) > 0$		{42} {40}	VND	
9	Số thuế được miễn do cá nhân có số tiền thuế phải nộp sau quyết toán từ 50.000 đồng trở xuống $(0 < \{42\} \leq 50.000 \text{ đồng})$ $(0 < \{40\} \leq 50.000 \text{ đồng})$		{43} {41}	VND	
10	Tổng số thuế nộp thừa trong kỳ $\{44\} = (\{32\} - \{33\} - \{39\}) < 0$ $\{42\} = (\{30\} - \{31\} - \{37\}) < 0$		{44} {42}	VND	
11	a	Tổng số thuế đề nghị hoàn trả $\{45\} = \{46\} + \{47\}$ $\{43\} = \{44\} + \{45\}$	{45} {43}	VND	
		Trong đó: Số thuế hoàn trả cho người nộp thuế	{46} {44}	VND	
		Số thuế bù trừ cho khoản phải nộp ngân sách nhà nước khác	{47} {45}	VND	

b	Tổng số thuế bù trừ cho các phát sinh của kỳ sau [48]=[44]-[45] [46]=[42]-[43]	[48] [46]	VNĐ	
---	--	-----------	-----	--

<Trường hợp người nộp thuế đề nghị hoàn trả vào tài khoản của người nộp thuế tại chỉ tiêu [46] [44] thì ghi thêm các thông tin sau:>

Số tiền hoàn trả: Bằng số: đồng.

Hình thức hoàn trả:

☐ Chuyển khoản: Tên chủ tài khoản.....

Tài khoản số:.....Tại Ngân hàng/KBNN:.....

☐ Tiền mặt:

Tên người nhận tiền:

CMND/CCCD Số định danh cá nhân/HC số: Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:.....

Nơi nhận tiền hoàn thuế: Kho bạc Nhà nước

<Trường hợp người nộp thuế đề nghị bù trừ cho khoản phải nộp ngân sách nhà nước khác tại chỉ tiêu [47] [45] thì ghi thêm các thông tin sau:>

Khoản nợ, khoản thu phát sinh đề nghị được bù trừ:

Đơn vị tiền.....

ST T	Thông tin khoản nợ/khoản thu phát sinh										Số tiền còn phải nộp để nghị bù trừ với số tiền nộp thừa	Số tiền còn phải nộp sau bù trừ
	MS T của NNT khác (nếu có)	Tên NNT khác (nếu có)	Mã định danh khoản phải nộp (ID) (nếu có)	Nội dung khoản nợ/phát sinh	Chương	Tiêu mục	Tên CQT quản lý khoản thu	Địa bàn hành chính	Hạn nộp	Số tiền còn phải nộp		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13) = (11) - (12)

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

Phụ lục
BẢNG KÊ GIẢM TRỪ GIA CẢNH CHO NGƯỜI PHỤ THUỘC
(Kèm theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân Mẫu số 02/QTT-TNCN)

[01] Kỳ tính thuế: Năm (Từ tháng .../... đến tháng.../....)

[02] Lần đầu: ☐ [03] Bổ sung lần thứ: ...

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế:

 -

[06] Số định danh cá nhân CMND/CCCD:.....

[067] Họ và tên vợ (chồng) nếu có:

[078] Mã số thuế vợ (chồng):

 -

[089]-Số định danh cá nhân CMND/CCCD/Số hộ chiếu vợ (chồng):.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Họ và tên	Mã số thuế	Loại giấy tờ (Số DDCN/GMND/ CCCD/ Hộ chiếu/GKS)	Số giấy tờ	Ngày sinh	Quan hệ với người nộp thuế	Thời gian được tính giảm trừ trong năm tính thuế	
							Từ tháng	Đến tháng
{09} [10]	{10} [11]	{11} [12]	{12} [13]	{13} [14]	{14} [15]	{15} [16]	{16} [17]	{17} [18]
1								
2								
3								
...								

(MST: Mã số thuế; CMND: Chứng minh nhân dân; CCCD: Căn cước công dân, GKS: Giấy khai sinh Số DDCN: Số định danh cá nhân)

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày ... tháng năm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

*(Áp dụng đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản;
thu nhập từ nhận thừa kế và nhận quà tặng là bất động sản)*

[01] Kỳ tính thuế: Lần phát sinh: Ngày ... tháng ... năm ...

[02] Lần đầu: ☐

[03] Bổ sung lần thứ:...

I. THÔNG TIN NGƯỜI CHUYỂN NHƯỢNG, NHẬN THỪA KẾ, QUÀ TẶNG

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế (nếu có):

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

 -

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

[06] Số định danh cá nhân CMND/CCCD/Hộ chiếu (trường hợp cá nhân quốc tịch Việt Nam): ...

[06.1] Ngày cấp:..... [06.2] Nơi cấp:.....

[07] Hộ chiếu (trường hợp cá nhân không có quốc tịch Việt Nam):

[07.1] Ngày cấp:..... [07.2] Nơi cấp:.....

[08] Ngày/tháng/năm sinh:

[08] Địa chỉ chỗ ở hiện tại:

[09] Quận/huyện: [10] Tỉnh/Thành phố:

[1109] Điện thoại: [120] Email:

[131] Tên tổ chức, cá nhân khai thay (nếu có):.....

[142] Mã số thuế (nếu có):

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

 -

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

[2013] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[214] Mã số thuế (nếu có):

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

 -

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

[22] Địa chỉ:

[23] Quận/huyện: [24] Tỉnh/Thành phố:

[25] Điện thoại: [26] Email:

[2715] Hợp đồng đại lý thuế: [2816] Số: [2917] Ngày:.....

[3018] Giấy tờ về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất:
.....

[3018.1] Số:..... [3018.2] Do cơ quan:..... [3018.3] Cấp ngày:.....

[319] Hợp đồng mua bán nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong tương lai ký với chủ dự án cấp 1, cấp 2 hoặc Sàn giao dịch của chủ dự án:.....

[319.1] Số:..... [319.2] Ngày:.....

[320] Hợp đồng chuyển nhượng trao đổi bất động sản:

[320.4] Cơ quan chứng thực **[320.5]** Ngày chứng thực:

II. THÔNG TIN NGƯỜI NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG, NHẬN THỪA KẾ,

[3422] Mã số thuế (nếu có):

[3523] Số định danh cá nhân CMND/CCCD/Hộ chiếu (trường hợp chưa có mã số

[24] Ngày/tháng/năm sinh:

[3625.1] Nơi lập hồ sơ nhân thừa kế, quà tặng:.....

[3625.3] Cơ quan chứng thực:.....

[3625.4] Ngày chứng thực:

III. LOẠI BẤT ĐỘNG SẢN CHUYỂN NHƯỢNG, NHẬN THỪA KẾ, QUÀ TẶNG

[3827] Quyền sở hữu hoặc sử dụng nhà ở

[4029] Bất động sản khác

IV. ĐẶC ĐIỂM BẤT ĐỘNG SẢN CHUYỂN NHƯỢNG, NHẬN THỪA KẾ, QUÀ TẶNG

[4130.1] Thửa đất số (Số hiệu thửa đất).....; Tờ bản đồ số (số hiệu):.....

[4130.2] Dia chi:.....

[4130.3] Số nhà.... Toà nhà... Ngõ/hẻm..... đường/phố.....

[4130.4] Phường/xã:.....

[4130.5] Quận/huyện:.....

[4130.6] Tỉnh/thành phố:.....

[4130.7] Loại đất, vị trí thửa đất (1,2,3,4...)

+ Loại đất 1:..... Vị trí 1:..... Diện tích:.....m2

+ Loại đất 1:..... Vị trí 2:..... Diện tích:.....m2

...

+ Loại đất 2:..... Vị trí 1:..... Diện tích:.....m2

+ Loại đất 2:..... Vị trí 2:..... Diện tích:.....m2

...

[4130.8] Hệ số (nếu có):.....

[4130.9] Nguồn gốc đất: (Đất được nhà nước giao, cho thuê; Đất nhận chuyển nhượng; nhận thừa kế, hoặc nhận tặng, cho...):

[4130.10] Giá trị đất thực tế chuyển giao (nếu có):đồng

[4231] Thông tin về nhà ở, công trình xây dựng

[4231.1] Nhà ở riêng lẻ:

[4231.2] Loại 1:..... Cấp nhà ở.....Diện tích sàn xây dựng:.....m2

[4231.3] Loại 2:..... Cấp nhà ở.....Diện tích sàn xây dựng:.....m2

[4231.4] Giá trị nhà thực tế chuyển giao (nếu có):.....đồng

[4231.5] Nhà ở chung cư:

[4231.6] Chủ dự án:..... [4231.7] Địa chỉ dự án, công trình:.....

[4231.8] Diện tích xây dựng:..... [4231.9] Diện tích sàn xây dựng:.....m2

[4231.10] Diện tích sở hữu chung:.....m2 [4231.11] Diện tích sở hữu riêng:.....m2

[4231.12] Kết cấu:..... [4231.13] Số tầng nổi:..... [4231.14] Số tầng hầm:.....

[4231.15] Năm hoàn công:.....

[4231.16] Giá trị nhà thực tế chuyển giao (nếu có):.....đồng

[4231.17] Nguồn gốc nhà

Tự xây dựng ☐ [4231.18] Năm hoàn thành (hoặc năm bắt đầu sử dụng nhà):...Chuyển nhượng ☐ [4231.19] Thời điểm làm giấy tờ chuyển giao nhà:.....

[4231.20] Công trình xây dựng (trừ nhà ở)

[4231.21] Chủ dự án:.....[4231.22] Địa chỉ dự án, công trình:.....

[4231.23] Loại công trình:..... Hạng mục công trình.....Cấp công trình.....

[4231.24] Diện tích xây dựng: [4231.25] Diện tích sàn xây dựng:.....m2;

[4231.26] Hệ số (nếu có):.....

[4231.27] Đơn giá:.....

[4231.28] Giá trị công trình thực tế chuyển giao (nếu có):.....đồng

[432] Tài sản gắn liền với đất

[432.1] Loại tài sản gắn liền với đất:.....

[432.2] Giá trị tài sản gắn liền với đất thực tế chuyển giao (nếu có):.....đồng

V. THU NHẬP TỪ CHUYỂN NHƯỢNG BẤT ĐỘNG SẢN; TỪ NHẬN THỪA KẾ, QUÀ TẶNG LÀ BẤT ĐỘNG SẢN

[4433] Loại thu nhập

[4433.1] Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản

☐

[4433.2] Thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng

☐

[4534] Giá trị chuyển nhượng bất động sản và tài sản khác gắn liền với đất hoặc giá trị bất động sản nhận thừa kế, quà tặng:..... đồng

[4635] Thuế thu nhập cá nhân phát sinh đối với chuyển nhượng bất động sản ($[46] = [45] \times 2\%$) ($[35] = [34] \times 2\%$):..... đồng

[4736] Thu nhập miễn thuế:..... đồng

[4837] Thuế thu nhập cá nhân được miễn ($[48] = [47] \times 2\%$) ($[37] = [36] \times 2\%$):..... đồng

[4938] Thuế thu nhập cá nhân phải nộp đối với chuyển nhượng bất động sản: ($[49] = [46] - [48]$) ($[38] = [35] - [37]$): đồng

[5039] Thuế thu nhập cá nhân phải nộp đối với nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản:

($[50] = ([45] - [47] - 10.000.000) \times 10\%$) ($[39] = ([34] - [36] - 10.000.000) \times 10\%$):... đồng

[5140] Số thuế phải nộp, được miễn của chủ sở hữu (chỉ khai trong trường hợp có đồng sở hữu hoặc chủ sở hữu, đồng sở hữu được miễn thuế theo quy định):

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Họ và tên	Mã số thuế	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số thuế phải nộp	Số thuế được miễn	Lý do cá nhân được miễn với nhà ở, quyền sử dụng đất ở duy nhất	Lý do miễn khác
[5140.1]	[5140.2]	[5140.3]	[5140.4]	[5140.5]	[5140.6]	[5140.7]	[5140.8]
1						☐	
2						☐	
....						☐	

VII. HỒ SƠ KÈM THEO GỒM:

-

-

Tôi cam đoan những nội dung kê khai là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú:

1. Hướng dẫn khai Chi tiêu [51]:

(1) Trường hợp người nộp thuế (NNT) không có Đồng sở hữu nếu được miễn toàn bộ số thuế theo quy định về thuế thu nhập cá nhân (TNCN) đối với bất động sản chuyển nhượng, thừa kế, cho tặng

thì chỉ tích chọn vào dòng đầu tiên của cột [5140.7] hoặc nêu lý do miễn tại cột [5140.8] mà không phải kê khai các thông tin khác;

(2) Trường hợp có Đồng sở hữu (kể cả được miễn thuế hoặc không được miễn) đại diện NNT khai đầy đủ các thông tin trên Chi tiêu [5140];

(3) Trường hợp NNT không có Đồng sở hữu nhưng có số thuế TNCN được miễn 1 phần, khai các chi tiêu tương ứng:

- Đối với số thuế được miễn: NNT khai các chi tiêu [5140.2], [5140.3], [5140.4], [5140.6] và [5140.7] hoặc [5140.8]

- Đối với số thuế phải nộp: NNT khai các chi tiêu [5140.2], [5140.3], [5140.4] và chi tiêu [5140.5].

(4) Khai chi tiêu [5140.4]:

- Trường hợp có Đồng sở hữu: đại diện NNT khai tỷ lệ sở hữu của Chủ sở hữu và các Đồng sở hữu;

- Trường hợp NNT không có Đồng sở hữu mà có phát sinh số thuế được miễn một phần thì NNT tự xác định tỷ lệ sở hữu để làm căn cứ tính số thuế phải nộp, số thuế được miễn thuế TNCN đối với chuyển nhượng, thừa kế, quà tặng là bất động sản.

2. Hướng dẫn khai Mục: “ NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ”: chỉ khai thay trong trường hợp không phát sinh số thuế được miễn và trước khi ký phải ghi rõ “Khai thay”. Khai thay trong trường hợp tại nội dung Hợp đồng chuyển nhượng bất động sản có nêu người mua phải có trách nhiệm khai thuế TNCN hoặc trường hợp người nộp thuế có ủy quyền cho cá nhân khác theo quy định của Pháp luật.

[30] Mã số thuế:

[31] Địa chỉ:

[32] Quận/huyện: [33] Tỉnh/Thành phố:

[34] Điện thoại: [35] Fax: [36]-Email:

IV. CHI TIẾT TÍNH THUẾ

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Số tiền
I	Thu nhập từ chuyển nhượng vốn góp		
1	Giá chuyển nhượng	[37]	
2	Giá vốn của phần vốn góp chuyển nhượng	[38]	
3	Chi phí chuyển nhượng	[39]	
4	Thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng vốn góp [40]=[37]-[38]-[39]	[40]	
5	Số thuế phải nộp	[41]	
6	Số thuế được miễn giảm theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần	[42]	
7	Số thuế còn phải nộp [43]=[41]-[42]	[43]	
II	Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán		
1	Giá chuyển nhượng	[44]	
2	Số thuế phải nộp	[45]	
3	Số thuế được miễn giảm theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần	[46]	
4	Số thuế còn phải nộp [47]=[45]-[46]	[47]	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

..., ngày tháng ... năm ...

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KHAI THAY**

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú:

- (*) Trường hợp cá nhân được miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần thì nộp hồ sơ khai thuế của lần khai thuế đầu tiên cùng với Hồ sơ thông báo miễn, giảm thuế theo Hiệp định theo quy định.
- Cá nhân chuyển nhượng chứng khoán khai trực tiếp với cơ quan thuế là cá nhân có chứng khoán chuyển nhượng chưa được tổ chức khấu trừ theo quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 25 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 và điểm 2 Khoản 16 Điều 2 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015.

Phụ lục

BẢNG KÊ CHI TIẾT CÁ NHÂN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

(Kèm theo tờ khai 04/CNV-TNCN Áp dụng đối với tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cho nhiều cá nhân)

[01] Kỳ tính thuế:

[01a] Lần phát sinh ngày tháng ... năm..... [01b] Tháng năm /Quý..... năm

[02] Lần đầu: ☐

[03] Bổ sung lần thứ: ...

[04] Tổ chức, cá nhân khai thay:

[05] Mã số thuế:

										-			
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	---	--	--	--

I. CHUYỂN NHƯỢNG VỐN GÓP

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Thông tin cá nhân chuyển nhượng			Thông tin tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng			Hợp đồng chuyển nhượng		Giá chuyển nhượng	Giá vốn của phần vốn góp	Chi phí chuyển nhượng	Thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng vốn góp	Số thuế TNCN phải nộp	Số thuế được miễn giảm theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần	Số thuế còn phải nộp
	Họ và tên NNT	Mã số thuế	Số CMND định danh cá nhân/ Hộ chiếu CCCD (trường hợp chưa có mã số thuế)	Tên Tổ chức, cá nhân	Mã số thuế	Số CMND định danh cá nhân/ Hộ chiếu CCCD (trường hợp chưa có mã số thuế)	Số	Ngày/tháng/năm							
[06]	[07]	[08]	[09]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]	[17]	[18]=[15]-[16]-[17]	[19]	[20]	[21]=[19]-[20]
1															
2															
...															
Tổng cộng									[22]	[23]	[24]	[25]	[26]	[27]	[28]

II. CHUYỂN NHƯỢNG CHỨNG KHOẢN

STT	Thông tin cá nhân chuyển nhượng			Thông tin tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng			Hợp đồng chuyển nhượng		Số lượng chứng khoán	Giá chuyển nhượng	Số thuế TNCN phải nộp	Số thuế được miễn giảm theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần	Số thuế còn phải nộp
	Họ và tên NNT	Mã số thuế	Số CMND định danh cá nhân/ Hộ chiếu CCCD (trường hợp chưa có mã số thuế)	Tên Tổ chức, cá nhân	Mã số thuế	Số CMND định danh cá nhân/ Hộ chiếu CCCD (trường hợp chưa có mã số thuế)	Số	Ngày/ tháng/năm					
[29]	[30]	[31]	[32]	[33]	[34]	[35]	[36]	[37]	[38]	[39]	[40]	[41]	[42]= [40]-[41]
1													
2													
...													
TỔNG CỘNG										[43]	[44]	[45]	[46]

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc TÒ CHỨC,
CÁ NHÂN KHAI THAY

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

(Áp dụng đối với cá nhân nhận cổ tức bằng chứng khoán, lợi tức ghi tăng vốn, chứng khoán thưởng cho cổ đông hiện hữu khi chuyển nhượng và tổ chức, cá nhân khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân)

[01] Kỳ tính thuế: [01a] Lần phát sinh: ngày tháng ... năm....
[01b] Tháng năm /Quý..... năm

[02] Lần đầu: ☐ [03] Bổ sung lần thứ: ...

- ☐ Cá nhân được miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần (*)
☐ Tổ chức khai thuế thay cho nhiều cá nhân

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế:

[06] Địa chỉ: Số định danh cá nhân/Hộ chiếu

[07] Quận/huyện: Ngày, tháng, năm sinh..... [08] Tỉnh/thành phố: Quốc tịch.....

[09] Điện thoại:.....[10] Fax:..... [11] Email:.....

[12] Tên tổ chức, cá nhân khai thay (nếu có):.....

[13] Mã số thuế:

[14] Địa chỉ:

[15] Quận/huyện: [16] Tỉnh/Thành phố:

[17] Điện thoại: [18] Fax: [19] Email:

[20] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[21] Mã số thuế:

[22] Hợp đồng đại lý thuế: Số:Ngày:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tổ chức phát hành	Mã chứng khoán	Số lượng chứng khoán	Mệnh giá chứng khoán	Tổng giá trị cổ tức (hoặc lợi tức) được chia theo mệnh giá	Tổng giá trị theo giá sổ sách kế toán (hoặc theo giá thị trường)	Thuế phải nộp
[23]	[24]	[25]	[26]	[27]	[28]	[29]	[30]
I.	Chứng khoán trả thay cổ tức				[31]	[32]	[33]

1							
2							
...							
II.	Chứng khoán thưởng cho cổ đông hiện hữu				[34]	[35]	[36]
1							
2							
...							
III	Lợi tức ghi tăng vốn				[37]	[38]	[39]
1							
2							
...							
Tổng cộng					[40]	[41]	[42]

Tôi cam đoan những nội dung kê khai là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngàythángnăm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KHAI THAY

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú: (*) Trường hợp cá nhân được miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần thì nộp hồ sơ khai thuế của lần khai thuế đầu tiên cùng với Hồ sơ thông báo miễn, giảm thuế theo Hiệp định theo quy định.

Mẫu số: 04-1/ĐTV-TNCN
(Ban hành kèm theo Thông tư số
80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm
2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Phụ lục
BẢNG KÊ CHI TIẾT

(Kèm theo Tờ khai mẫu số 04/ĐTV-TNCN áp dụng đối với tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cho nhiều người nộp thuế)

[01] Kỳ tính thuế: [01a] Lần phát sinh ngày tháng ... năm
[01b] Tháng năm /Quý..... năm

[02] Lần đầu: ☐ [03] Bỏ sung lần thứ: ...

[04] Tên tổ chức khai thay:

[05] Mã số thuế:

Đơn vị tiên: Đồng Việt Nam

STT	Họ và tên NNT	Mã số thuế	Số CMND/ CCCD định danh cá nhân/Hộ chiếu	Tổ chức phát hành	Mã chứng khoán	Mệnh giá chứng khoán	Số lượng chứng khoán	Tổng giá trị cổ tức (hoặc lợi tức được chia theo mệnh giá)	Tổng giá trị theo giá sổ sách kế toán (hoặc theo giá thị trường)	Thuế phải nộp	Cá nhân được miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần
[06]	[07]	[08]	[09]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]	[17]
I	<i>Cá nhân nhận cổ tức bằng chứng khoán</i>						[18]	[19]	[20]	[21]	[22]
1											
...											
II	<i>Cá nhân là cổ đông hiện hữu nhận thưởng bằng chứng khoán</i>						[23]	[24]	[25]	[26]	[27]
1											
...											
III	<i>Cá nhân được ghi nhận phần vốn tăng thêm do lợi tức ghi tăng vốn</i>							[28]	[29]	[30]	[31]
1					/	/	/				
...					/	/	/				

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

....., ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

TỔ CHỨC KHAI THAY

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

(Áp dụng đối với cá nhân không cư trú có thu nhập từ kinh doanh, cá nhân có thu nhập từ đầu tư vốn, bản quyền, nhượng quyền thương mại, trúng thưởng được trả từ nước ngoài)

[01] Kỳ tính thuế: Lần phát sinh ngày ... tháng ... năm ...

[02] Lần đầu: ☐

[03] Bổ sung lần thứ: ...

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế:

 -

[06] ~~Địa chỉ~~ Số định danh cá nhân/Hộ chiếu

[07] Quận/huyện: Ngày, tháng, năm sinh..... [08] Tỉnh/thành phố: Quốc tịch.....

[09] Điện thoại:.....[10] Fax:..... [11] Email:.....

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[13] Mã số thuế:

[14] Hợp đồng đại lý thuế: Số:ngày:

[15] Tên tổ chức tại Việt Nam nơi cá nhân phát sinh hoạt động có thu nhập:.....

[16] Mã số thuế:

[17] Địa chỉ:

[18] Quận/huyện: [19] Tỉnh/Thành phố:

[20] Điện thoại: [21] Fax: [22] Email:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
I	Thu nhập từ kinh doanh của cá nhân không cư trú		
1	Tổng thu nhập tính thuế	[23]	
2	Thuế suất	[24]	
3	Tổng số thuế thu nhập cá nhân phải nộp [25]=[23]x[24]	[25]	
II	Thu nhập từ đầu tư vốn		
1	Tổng thu nhập chịu thuế	[26]	
2	Tổng số thuế phải nộp	[27]	

3	Tổng số thuế đã nộp ở nước ngoài	[28]	
4	Số thuế còn phải nộp [29]=[27]-[28]	[29]	
III	Thu nhập từ bản quyền, nhượng quyền thương mại		
1	Tổng thu nhập chịu thuế	[30]	
2	Tổng số thuế phải nộp	[31]	
3	Tổng số thuế đã nộp ở nước ngoài	[32]	
4	Số thuế còn phải nộp [33]=[31]-[32]	[33]	
IV	Thu nhập từ trúng thưởng		
1	Tổng thu nhập chịu thuế	[34]	
2	Tổng số thuế phải nộp	[35]	
3	Tổng số thuế đã nộp ở nước ngoài	[36]	
4	Số thuế còn phải nộp [37]=[35]-[36]	[37]	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

(Áp dụng đối với cá nhân nhận thừa kế, quà tặng không phải là bất động sản)

[01] Kỳ tính thuế: Lần phát sinh ngày tháng ... năm

[02] Lần đầu: ☐

[03] Bổ sung lần thứ: ...

☐ Cá nhân được miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần (*)

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN NHẬN THỪA KẾ, QUÀ TẶNG

[04] Họ và tên:.....

[05] Mã số thuế:

 -

[06] Số định danh cá nhân CMND/CCCD/Hộ chiếu:

[07] Ngày,tháng,năm sinh:

[078] Quốc tịch:

[08] Địa chỉ:

[09] Quận/huyện: [10] Tỉnh/thành phố:

[1109] Điện thoại:..... [120] Fax:..... [131] Email:.....

[142] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[153] Mã số thuế:

 -

[164] Hợp đồng đại lý thuế: Số ngày

II. VĂN BẢN GIAO NHẬN THỪA KẾ, QUÀ TẶNG

[175] Làm tại:..... ngày tháng năm.....

đã được Cơ quan công chứng chứng nhận ngày tháng năm.....

III. THÔNG TIN VỀ CÁ NHÂN CHO THỪA KẾ, QUÀ TẶNG

[186] Họ và tên:

[197] Mã số thuế:

 -

[2018] Số định danh cá nhân CMND/CCCD/Hộ chiếu:

[219] Ngày,tháng,năm sinh:

[210] Quốc tịch:

[22] Địa chỉ:

[231] Điện thoại:..... [242] Fax:..... [253] Email:.....

IV. LOẠI TÀI SẢN ĐƯỢC NHẬN THỪA KẾ, QUÀ TẶNG

[264] Chứng khoán

[275] Vốn góp

[286] Tài sản phải đăng ký sở hữu hoặc sử dụng

V(a). [297] GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG HOẶC SỞ HỮU TÀI SẢN THỪA KẾ, QUÀ TẶNG SỐ: Do cơ quan:
Cấp ngày:.....

V(b). THÔNG TIN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN HOẶC TỔ CHỨC NƠI CÁ NHÂN CÓ VỐN GÓP

[3028] Tên tổ chức:.....

[3429] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[320] Địa chỉ:

[331] Quận/huyện: **[342] Tỉnh/Thành phố:**

[353]-Điện thoại: **[364] Fax:** **[375]-Email:**

VI. THU NHẬP TỪ NHẬN THỪA KẾ, QUÀ TẶNG

[386] Số tiền:đồng

(Viết bằng chữ:.....)

VII. THU NHẬP ĐƯỢC MIỄN GIẢM THEO HIỆP ĐỊNH TRÁNH ĐÁNH THUẾ HAI LẦN

[397] Số tiền:đồng

(Viết bằng chữ:.....)

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

..., ngày tháng năm

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

Ghi chú:

- (*) Trường hợp cá nhân được miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần thì nộp hồ sơ khai thuế của lần khai thuế đầu tiên cùng với Hồ sơ thông báo miễn, giảm thuế theo Hiệp định theo quy định.

- Cá nhân nhận thừa kế, quà tặng là chứng khoán, phần vốn góp nộp hồ sơ khai thuế tại cơ quan thuế quản lý doanh nghiệp phát hành chứng khoán, doanh nghiệp có phần vốn góp. Cá nhân đồng thời nhận thừa kế, quà tặng của nhiều loại chứng khoán, phần vốn góp nộp hồ sơ khai thuế tại Chi cục Thuế nơi cá nhân cư trú.

Phụ lục
BẢNG KÊ CHI TIẾT CÁ NHÂN
THUỘC DIỆN TÍNH THUẾ THEO BIỂU LŨY TIẾN TỪNG PHẦN
(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu số 05/QTT-TNCN)

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....

[02] Lần đầu: ☐

[03] Bổ sung lần thứ: ...

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế: -

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Họ và tên	Mã số thuế	Số CMND/CCCD/ĐDCN/Hộ chiếu (trường hợp chưa có MST)	Cá nhân ủy quyền quyết toán thay	CN nước ngoài ủy quyền quyết toán dưới 12 tháng	Thu nhập chịu thuế (TNCT)				Các khoản giảm trừ					Thu nhập tính thuế ([21]=[12]-[14]-[15]-[17])	Số thuế TNCN đã khấu trừ		Chi tiết kết quả quyết toán thay cho cá nhân nộp thuế			Cá nhân có số thuế được miễn do có số thuế còn phải nộp từ 50.000 đồng trở xuống
						Tổng thu nhập chịu thuế	Trong đó: TNCT tại tổ chức trước khi điều chuyển (trường hợp có đánh dấu vào chỉ tiêu [04] tại Tờ khai 05/QTT-TNCN)	Trong đó: thu nhập chịu thuế được miễn theo quy định của Hợp đồng định	Trong đó: thu nhập chịu thuế được miễn theo quy định của Hợp đồng định	Số lượng NPT tính giảm trừ	Tổng số tiền giảm trừ gia cảnh	Từ thiện, nhân đạo, khuyến học	Bảo hiểm được trừ	Quỹ hưu trí tự nguyện được trừ		Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ	Trong đó: số thuế đã khấu trừ tại tổ chức trước khi điều chuyển (trường hợp có đánh dấu vào chỉ tiêu [04] tại Tờ khai 05/QTT)	Tổng số thuế phải nộp	Số thuế đã nộp thừa	Số thuế còn phải nộp	
[06]	[07]	[08]	[09]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]	[17]	[18]	[19]	[20]	[21]	[22]	[23]	[24]	[25]	[26]	[27]
1																					☐
2																					☐
...																					☐
Tổng						[28]	[29]	[30]	[31]	[32]	[33]	[34]	[35]	[36]	[37]	[38]	[39]	[40]	[41]	[42]	[43]

(TNCT: Thu nhập chịu thuế; TNCN: thu nhập cá nhân; NPT: người phụ thuộc; Số ĐDCN: Số định danh cá nhân)

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

Ghi chú:

- Kỳ tính thuế tại chi tiêu [01] trong mọi trường hợp quyết toán thuế TNCN của tổ chức, cá nhân trả thu nhập là theo năm dương lịch.
- Tổ chức trả thu nhập khi quyết toán thuế TNCN không phải khai thông tin chi tiết vào Bảng kê này đối với các cá nhân sau đây: Cán bộ, công chức có hệ số lương quy định tại bảng lương ban hành kèm theo Quyết định số 128/QĐ/TW ngày 14/12/2004 của Ban bí thư Trung ương Đảng; bảng lương ban hành kèm theo Nghị quyết số 730/2004/NQ-UBTVQH11 ngày 30/9/2004 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; bậc 3 Bảng 1 chuyên gia cao cấp, mức 1 - 2 Bảng lương cấp bậc quân hàm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ.

Phụ lục
BẢNG KÊ CHI TIẾT CÁ NHÂN
THUỘC ĐIỆN TÍNH THUẾ THEO THUẾ SUẤT TOÀN PHẦN
(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu số 05/QTT-TNCN)

Mẫu số: **05-2/BK-QTT-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....

[02] Lần đầu: ☐

[03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế:

Đơn vị tiền: **Đồng Việt Nam**

STT	Họ và tên	Mã số thuế	Số ĐDCN/CMND/CCCD/Hộ chiếu	Cá nhân không cư trú	Thu nhập chịu thuế (TNCT)		Trong đó thu nhập chịu thuế được miễn theo Hiệp định	Trong đó TN chịu thuế được miễn theo quy định của Hợp đồng đầu khí	Số thuế thu nhập cá nhân (TNCN) đã khấu trừ	
					Tổng số	Trong đó: TNCT từ phí mua BH nhân thọ, BH không bắt buộc khác của DN BH không thành lập tại Việt Nam cho người lao động			Tổng số	Trong đó: Số thuế từ phí mua BH nhân thọ, BH không bắt buộc khác của DN BH không thành lập tại Việt Nam cho người lao động
[06]	[07]	[08]	[09]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]
1										
2										
...										
Tổng					[17]	[18]	[19]	[20]	[21]	[22]

(BH: Bảo hiểm; DN: doanh nghiệp; Số ĐDCN: Số định danh cá nhân CMND: Chứng minh nhân dân; CCCD: Căn cước công dân)

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

..., ngày ... tháng ... năm ...

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

Phụ lục
BẢNG KÊ CHI TIẾT NGƯỜI PHỤ THUỘC GIẢM TRỪ GIA CẢNH
(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu số 05/QTT-TNCN)

Mẫu số: **05-3/BK-QTT-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....

[02] Lần đầu: ☐

[03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế:

STT	Họ và tên người nộp thuế là người lao động tại tổ chức trả thu nhập	MST của người nộp thuế là người lao động tại tổ chức trả thu nhập	Họ và tên người phụ thuộc	Ngày sinh người phụ thuộc	MST của người phụ thuộc	Loại giấy tờ (Số ĐDCN CMND/CCCD/Hộ chiếu/GKS) người phụ thuộc	Số giấy tờ	Quan hệ với người nộp thuế	Thời gian tính giảm trừ trong năm tính thuế	
									Từ tháng	Đến tháng
[06]	[07]	[08]	[09]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]
1										
2										
3										
...										

(MST: Mã số thuế; CMND: Chứng minh nhân dân; CCCD: Căn cước công dân, GKS: Giấy khai sinh, Số ĐDCN: Số định danh cá nhân)

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

...,ngàythángnăm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú: Trường hợp người phụ thuộc chưa có mã số thuế thì phải khai thông tin chi tiêu [12].

Phụ lục
BẢNG KÊ CHI TIẾT
CÁ NHÂN CÓ THU NHẬP TRONG NĂM TÍNH THUẾ
(Kèm theo Tờ khai mẫu số 06/TNCN kê khai vào hồ sơ khai thuế của tháng/quý cuối
cùng trong năm tính thuế)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng năm /Quý ... năm ...

[02] Lần đầu: ☐

[03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

A. CÁ NHÂN CÓ THU NHẬP TỪ CHUYỂN NHƯỢNG CHỨNG KHOÁN

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Họ và tên	Mã số thuế	Số ĐDCN CMND/ CCCD/ /Hộ chiếu (trường hợp chưa có MST)	Mã chứng khoán	Số lượng chứng khoán	Tổng giá trị chuyển nhượng	Số thuế phát sinh	Số thuế được giảm theo hiệp định tránh đánh thuế hai lần	Số thuế đã khấu trừ
[06]	[07]	[08]	[09]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15] =[13]-[14]
1									
2									
...									
Tổng cộng					[16]	[17]	[18]	[19]	[20]

B. CÁ NHÂN CÓ THU NHẬP TỪ CÁC KHOẢN THU KHÁC

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Họ và tên	Mã số thuế	Số ĐDCN CMND/ Hộ chiếu/CCCD (trường hợp chưa có MST)	Tổng thu nhập tính thuế	Số thuế phát sinh	Số thuế được giảm theo hiệp định tránh đánh thuế hai lần	Số thuế đã khấu trừ
[21]	[22]	[23]	[24]	[25]	[26]	[27]	[28]=[26]-[27]
I	Thu nhập từ đầu tư vốn			[29]	[30]	[31]	[32]
1							
2							
...							
II	Thu nhập từ bản quyền, nhượng quyền thương mại			[33]	[34]	[35]	[36]
1							
2							

...							
III	Thu nhập từ trúng thưởng			[37]	[38]	[39]	[40]
1							
2							
...							
IV	Doanh thu từ kinh doanh của cá nhân không cư trú			[41]	[42]	[43]	[44]
1							
2							
...							
V	Thu nhập từ chuyển nhượng vốn của cá nhân không cư trú			[45]	[46]	[47]	[48]
1							
2							
...							

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày tháng ... năm ...

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

Ghi chú:

- Trường hợp chưa có mã chứng khoán thì khai thông tin mã số thuế của tổ chức phát hành chứng khoán tại chỉ tiêu [10].
- Công ty xổ số điện toán Việt Nam thực hiện theo quy định tại Nghị định số 122/2017/NĐ-CP ngày 13/11/2017 của Chính phủ thì không kê khai vào mục III mà kê khai vào Phụ lục bảng phân bổ 05-1/PBT-KK-TNCN.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ NGƯỜI PHỤ THUỘC

[01] Kỳ tính thuế: Ngày....tháng ... năm...

[02] Lần đầu: ☐ [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Họ và tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

[06] Địa chỉ cá nhân nhận thông báo mã số thuế người phụ thuộc:.....

[07] Nơi đăng ký giảm trừ người phụ thuộc (Tổ chức, cá nhân trả thu nhập/cơ quan quản lý):.....

[08] Mã số thuế của tổ chức, cá nhân trả thu nhập:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

STT	Họ và tên người phụ thuộc	Mã số thuế người phụ thuộc	Thông tin giấy tờ của người phụ thuộc		Ngày sinh người phụ thuộc	Quan hệ với người nộp thuế	Thời điểm bắt đầu tính giảm trừ (tháng/năm)	Thời điểm kết thúc tính giảm trừ (tháng/năm)
			Loại giấy tờ: ĐDCN CMND/CCCD/Hộ chiếu/GKS (trường hợp chưa có MST NPT)	Số giấy tờ				
[09]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]	[17]
1								
2								
...								

Tôi cam đoan những nội dung kê khai là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

..., ngày ... tháng ... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

CÁ NHÂN CÓ THU NHẬP

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có) / Ký điện tử)

Ghi chú:

1. Chữ viết tắt: NPT- người phụ thuộc; CMND- Chứng minh nhân dân, CCCD- Căn cước công dân; GKS- Giấy khai sinh.
2. Chỉ tiêu [16]: là thời điểm bắt đầu tính giảm trừ NPT. Trường hợp người nộp thuế thay đổi tổ chức trả thu nhập tính giảm trừ NPT hoặc thay đổi người nộp thuế tính giảm trừ NPT thì chỉ tiêu [16] được khai là thời điểm bắt đầu tính giảm trừ NPT tại tổ chức đó hoặc thời điểm bắt đầu tính giảm trừ NPT tại người nộp thuế đó. Trường hợp người nộp thuế đăng ký giảm trừ NPT cho thời gian trước năm hiện tại do thực hiện quyết toán lại những năm trước thì chỉ tiêu [16] được khai là thời điểm bắt đầu tính giảm trừ NPT tương ứng năm quyết toán trước năm hiện tại.
3. Chỉ tiêu [17]: là thời điểm kết thúc tính giảm trừ NPT. Trường hợp người nộp thuế chưa xác định được thời điểm kết thúc tính giảm trừ NPT thì bỏ trống. Trường hợp người nộp thuế thay đổi thời điểm kết thúc tính giảm trừ NPT (bao gồm cả trường hợp đã khai hoặc bỏ trống chỉ tiêu [17]) thì người nộp thuế thực hiện khai bổ sung Bản đăng ký người phụ thuộc để cập nhật lại chỉ tiêu [17] theo thời điểm thực tế kết thúc tính giảm trừ NPT.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục
BẢNG KÊ KHAI VỀ NGƯỜI PHẢI TRỰC TIẾP NUÔI DƯỠNG

Kính gửi: Ủy ban nhân dân (UBND) xã/phường.....

Họ và tên người nộp thuế:

Mã số thuế:

Số ĐDCN ~~CMND~~/CCCD/Hộ chiếu: Ngày cấp:
.....

Nơi cấp:

Chỗ ở hiện nay:.....

Tôi kê khai người phụ thuộc sau đây tôi đang trực tiếp nuôi dưỡng:

STT	Họ và tên người phụ thuộc	Ngày, tháng, năm sinh	Số ĐDCN CMND / CCCD Hộ chiếu	Quan hệ với người khai	Địa chỉ cư trú của người phụ thuộc	Đang sống cùng với tôi	Không nơi nương tựa, tôi đang trực tiếp nuôi dưỡng
1							
2							
...							

Căn cứ theo quy định tại Luật thuế thu nhập cá nhân (TNCN), Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNCN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật thuế TNCN thì UBND xã/phường nơi người nộp thuế cư trú có trách nhiệm xác nhận người phụ thuộc đang sống cùng người nộp thuế hoặc UBND xã/phường nơi người phụ thuộc cư trú có trách nhiệm xác nhận người phụ thuộc không sống cùng người nộp thuế và không có ai nuôi dưỡng.

Tôi cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

..., ngày ... tháng năm

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ/PHƯỜNG
(nơi người nộp thuế cư trú trong trường
hợp người phụ thuộc đang sống cùng
người nộp thuế):

UBND xã/phường..... xác
nhận người được kê khai trong biểu
(nêu trên) hiện đang sống cùng ông
(bà)..... tại địa
chỉ...../.

..., ngày ... tháng ... năm ...

TM. UBND.....

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ/PHƯỜNG
(nơi người phụ thuộc cư trú trong trường
hợp người phụ thuộc không nơi nương
tựa, người nộp thuế đang trực tiếp
dưỡng):

UBND xã/phường
xác nhận người được kê khai trong
biểu (nêu trên) không nơi nương tựa,
đang sống tại địa chỉ...../.

..., ngày ... tháng ... năm ...

TM. UBND.....

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: Trường hợp người nộp thuế có nhiều người phụ thuộc cư trú tại nhiều
xã/phường khác nhau thì người nộp thuế phải lập Bản kê khai để UBND
xã/phường từng nơi người phụ thuộc cư trú xác nhận.

BẢNG TỔNG HỢP ĐĂNG KÝ NGƯỜI PHỤ THUỘC CHO NGƯỜI GIẢM TRỪ GIA CẢNH
(Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực hiện đăng ký giảm trừ người phụ thuộc cho người lao động)

[02] Lần đầu: [03] Bổ sung lần thứ: ...

[05] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--

 -

--	--	--	--	--	--

[07] Quận/huyện: **[08] Tỉnh/thành phố:**

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[13] Mã số thuế:

[14] Hợp đồng đại lý thuế: Số: ngày:

STT	Họ và tên cá nhân có thu nhập	Mã số thuế cá nhân có thu nhập	Họ và tên người phụ thuộc	Mã số thuế người phụ thuộc (MST NPT)	Thông tin giấy tờ của người phụ thuộc		Ngày sinh người phụ thuộc	Quan hệ với người nộp thuế	Thời điểm bắt đầu tính giảm trừ (tháng/năm)	Thời điểm kết thúc tính giảm trừ (tháng/năm)
					Loại giấy tờ: ĐDCN CMND/CCCD/Hộ chiếu/GKS (trường hợp chưa có MST NPT)	Số giấy tờ				
[15]	[16]	[17]	[18]	[19]	[20]	[21]	[22]	[23]	[24]	[25]
1										
2										
3										
...										

(MST: mã số thuế; NPT: người phụ thuộc; ĐDCN: Định danh cá nhân ~~CMND: Chứng minh nhân dân; CCCD: Căn cước công dân; GKS: Giấy khai sinh~~)

Tôi cam đoan những nội dung kê khai là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

[176.2] Đường/ phố:

- [176.3] Tò/thôn: [176.4] Phường/xã/thị trấn:
 [176.5] Quận/huyện: [176.6] Tỉnh/Thành phố:
 [187] Là thửa đất duy nhất: ☐
 [198] Đăng ký kê khai tổng hợp tại (Quận/Huyện):
 [2019] Đã có giấy chứng nhận ☐
 [2019.1] Số giấy chứng nhận: [2019.2] Ngày cấp:
 [2019.3] Thửa đất số: [2019.4] Tờ bản đồ số:
 [2019.5] Diện tích: [2019.6] Loại đất/ Mục đích sử dụng:
 [210] Tổng diện tích thực tế sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp:
 [210.1] Diện tích đất sử dụng đúng mục đích:
 [210.2] Diện tích đất sử dụng sai mục đích/chưa sử dụng theo đúng quy định:
 [210.3] Hạn mức (nếu có):
 [210.4] Diện tích đất lấn, chiếm:
 [221] Chưa có giấy chứng nhận: ☐
 [221.1] Diện tích: [221.2] Loại đất/ Mục đích đang sử dụng:
 [232] Thời điểm bắt đầu sử dụng đất:
 [243] Thời điểm thay đổi thông tin của thửa đất:

4. Đối với đất ở nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư [254] (tính trên diện tích sàn thực tế sử dụng):

[254.1] Loại nhà: [254.2] Diện tích: [254.3] Hệ số phân bổ:

5. Trường hợp miễn, giảm thuế [265] (ghi rõ trường hợp thuộc diện được miễn, giảm thuế như: thương binh, gia đình thương binh liệt sỹ, đối tượng chính sách, ...):

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký
 điện tử)

II. PHÂN XÁC ĐỊNH CỦA CƠ QUAN CHỨC NĂNG (Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam)

1. Người nộp thuế

[276] Họ và tên:

[287] Ngày/ tháng/ năm sinh:

[298] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[3029] Số Định danh cá nhân /CMND/Hộ chiếu/CCCD:

[310] Ngày cấp: [321] Nơi cấp:

2. Thừa đất chịu thuế

[332] Địa chỉ:

[332.1] Số nhà: [332.2] Đường/phố:

[332.3] Tổ/thôn: [332.4] Phường/xã/thị trấn:

[332.5] Quận/huyện: [332.6] Tỉnh/Thành phố:

[343] Đã có giấy chứng nhận: ☐

[343.1] Số giấy chứng nhận: [343.2] Ngày cấp:

[343.3] Thừa đất số: [343.4] Tờ bản đồ số:

[343.5] Diện tích đất phi nông nghiệp ghi trên GCN:

[343.6] Diện tích thực tế sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp:

[343.7] Loại đất/ Mục đích sử dụng:

[343.8] Hạn mức (Hạn mức tại thời điểm cấp GCN):

[354] Chưa có giấy chứng nhận: ☐

[354.1] Diện tích: [354.2] Loại đất/ Mục đích đang sử dụng:

[365] Thời điểm bắt đầu sử dụng đất:

[376] Thời điểm thay đổi thông tin của thửa đất:

3. Trường hợp miễn, giảm thuế [387] (ghi rõ trường hợp thuộc diện được miễn, giảm thuế như: thương binh, gia đình thương binh liệt sỹ, đối tượng chính sách ...):

4. Căn cứ tính thuế

[398] Diện tích đất thực tế sử dụng: [4039] Hạn mức tính thuế:

[410] Thông tin xác định giá đất:

[410.1] Loại đất/ mục đích sử dụng: [410.2] Tên đường/vùng:

[410.3] Đoạn đường/khu vực: [410.4] Loại đường:

[410.5] Vị trí/hạng: [410.6] Giá đất: [410.7] Hệ số (đường/hẻm...):

[41.8] Giá 1 m² đất (Giá đất theo mục đích sử dụng):

5. Diện tích đất tính thuế

5.1. Đất ở (Tính cho đất ở, bao gồm cả trường hợp sử dụng đất ở để kinh doanh)

Tính trên diện tích có quyền sử dụng

[421] Diện tích trong hạn mức (thuế suất: 0,03%)	[432] Diện tích vượt không quá 3 lần hạn mức (thuế suất: 0,07%)	[443] Diện tích vượt trên 3 lần hạn mức (thuế suất 0,15%)
...	...	...

5.2. Đất ở nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư (tính trên diện tích sàn thực tế sử dụng):

[454] Diện tích: **[465]** Hệ số phân bổ:

5.3. Diện tích đất sản xuất kinh doanh – Tính trên diện tích sử dụng đúng mục đích:

[476] Diện tích: **[487]** Hệ số phân bổ (đối với nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư):

5.4. Đất sử dụng không đúng mục đích hoặc chưa sử dụng theo đúng quy định:

[498] Diện tích: **[5049]** Mục đích thực tế đang sử dụng:

[510] Hệ số phân bổ (đối với nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư):

5.5. Đất lấn chiếm:

[521] Diện tích: **[532]** Mục đích thực tế đang sử dụng:

[543] Hệ số phân bổ (đối với nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư):

..., ngày..... tháng..... năm.....

CÁN BỘ ĐỊA CHÍNH XÃ/PHƯỜNG

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

..., ngày..... tháng..... năm.....

CHỦ TỊCH UBND XÃ/PHƯỜNG

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP
(Áp dụng đối với tổ chức)

[01] Kỳ tính thuế: Năm

[02] Lần đầu: ☐

[03] Bổ sung lần thứ:...

1. Người nộp thuế:

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[06] Địa chỉ trụ sở:

[06.1] Số nhà: [06.2] Đường/phố:

[06.3] Tổ/thôn: [06.4] Phường/xã/thị trấn:

[06.5] Quận/huyện: [06.6] Tỉnh/Thành phố:

2. Đại lý thuế (nếu có):

[07] Tên đại lý thuế:

[08] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[09] Hợp đồng đại lý thuế: Số: Ngày:

3. Thừa đất chịu thuế:

[10] Thông tin người sử dụng đất:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	MST	Số ĐCCN CMND/CCCD /Hộ chiếu (đối với cá nhân chưa có MST)	Tỷ lệ

[11] Địa chỉ thửa đất:

[11.1] Số nhà: [11.2] Đường/phố:

[11.3] Tổ/thôn: [11.4] Phường/xã/thị trấn:

[11.5] Quận/huyện: [11.6] Tỉnh/Thành phố:

[12] Đã có giấy chứng nhận: ☐

[12.1] Số giấy chứng nhận: [12.2] Ngày cấp:

[12.3] Thửa đất số: [12.4] Tờ bản đồ số:

[12.5] Diện tích: [12.6] Loại đất/ Mục đích sử dụng:

[13] Thời điểm bắt đầu sử dụng đất:

[14] Thời điểm thay đổi thông tin của thửa đất:

4. Đối tượng miễn, giảm thuế [15] (ghi rõ trường hợp thuộc diện được miễn, giảm thuế):

5. Căn cứ tính thuế

[16] Diện tích đất thực tế sử dụng:

[17] Thông tin xác định giá đất:

- [17.1] Loại đất/ Mục đích sử dụng:
 [17.2] Tên đường/vùng: [17.3] Đoạn đường/khu vực:
 [17.4] Loại đường: [17.5] Vị trí/hạng:
 [17.6] Giá đất: [17.7] Hệ số (đường/hẻm...):
 [17.8] Giá 1 m² đất (Giá theo mục đích sử dụng):.....

6. Tính thuế

6.1. Đất ở (tính cho đất ở, bao gồm cả trường hợp sử dụng đất ở để kinh doanh)

Tính trên diện tích có quyền sử dụng

- [18] Diện tích: [19] Số thuế phải nộp ($[19] = [18] \times [17.8] \times 0,03\%$):.....

6.2. Đất ở nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư - Tính trên diện tích sàn có quyền sử dụng

- [20] Diện tích: [21] Hệ số phân bổ:

- [22] Số thuế phải nộp ($[22] = [20] \times [21] \times [17.8] \times 0,03\%$):

6.3. Đất sản xuất kinh doanh – Tính trên diện tích sử dụng đúng mục đích:

- [23] Diện tích: [24] Hệ số phân bổ (đối với nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư): (Khi không điền hoặc để bằng 0, hệ số sẽ được tính bằng 1).

- [25] Số thuế phải nộp ($[25] = [23] \times [24] \times [17.8] \times 0,03\%$):.....

6.4. Đất sử dụng không đúng mục đích hoặc chưa sử dụng theo đúng quy định:

- [26] Mục đích đang sử dụng:

- [27] Hệ số phân bổ (đối với nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư):
 (Khi không điền hoặc để bằng 0, hệ số sẽ được tính bằng 1).

- [28] Diện tích: [29] Giá 1m² đất:

- [30] Số thuế phải nộp ($[30] = [28] \times [29] \times [27] \times 0,15\%$):

6.5. Đất lấn, chiếm:

- [31] Mục đích đang sử dụng:

- [32] Hệ số phân bổ (đối với nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư):
 (Khi không điền hoặc để bằng 0, hệ số sẽ được tính bằng 1).

- [33] Diện tích:..... [34] Giá 1m² đất:

- [35] Số thuế phải nộp ($[35] = [33] \times [34] \times [32] \times 0,2\%$):

7. Tổng số thuế phải nộp trước miễn giảm [36] ($[36] = [19] + [22] + [25] + [30] + [35]$):

.....

8. Số thuế được miễn, giảm [37]:

9. Tổng số thuế phải nộp [38] ($[38] = [36] - [37]$):

10. Nộp cho cả thời kỳ ổn định (trong chu kỳ ổn định 5 năm) [39] ($[39] = [38] \times (5 \text{ hoặc số năm còn lại của chu kỳ ổn định})$):

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: **03/TKTH-SDDPNN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số
80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TỜ KHAI TỔNG HỢP THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP
(Áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân kê khai tổng hợp đất ở)

[01] Kỳ tính thuế: Năm
[02] Lần đầu: ☐ [03] Bổ sung lần thứ:...

1. Người nộp thuế:

[04] Họ và tên: [05] Mã số thuế:

[06] Số định danh cá nhân Địa chỉ:

[06.1] Tổ/thôn: [06.2] Phường/xã/thị trấn: [06.3] Quận/huyện: [06.4] Tỉnh/Thành phố:

[07] Điện thoại:

2. Đại lý thuế (nếu có):

[08] Tên đại lý thuế: [09] Mã số thuế:

[10] Hợp đồng đại lý thuế: Số: Ngày:

3. Kê khai tổng hợp tại *: [11] Quận/Huyện: [12] Tỉnh/Thành phố: [13] Hạn mức đất lựa chọn:..... m2

4. Tổng hợp các thửa đất trong cùng Tỉnh/Thành phố:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Thửa đất chịu thuế					Diện tích đất ở trên Giấy chứng nhận	Giá 1 m ² đất	Diện tích trong hạn mức (m ²) (thuế suất 0,03%)	Diện tích vượt không quá 3 lần hạn mức (m ²) (thuế suất 0,07%)	Diện tích vượt trên 3 lần hạn mức (m ²) (thuế suất 0,15%)	Số thuế sử dụng đất phi nông nghiệp phải nộp	Số thuế phải nộp trên thông báo (chưa trừ miễn, giảm thuế)
Số nhà	Đường/Phố	Thôn/tổ	Phường/Xã	Quận/Huyện							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
A											
TỔNG CỘNG										[14]=Tổng cột (11)	[15]=Tổng cột (12)

(* Kê khai thửa đất thuộc địa bàn lựa chọn hạn mức trước. Thứ tự kê khai các thửa đất ảnh hưởng đến giá trị diện tích vượt hạn mức và số thuế phải nộp)

[16] Số thuế chênh lệch kê khai phải nộp {[16]=[14] – [15]}: đồng.

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú:

- Cột (6): Diện tích đất ở trên Giấy chứng nhận được tổng hợp từ số liệu nêu tại mục 3.1 Phần II Thông báo nộp tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp mẫu số 01/TB-SDDPNN ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.
- Cột (11) = $(8) \times (7) \times 0,03\% + (9) \times (7) \times 0,07\% + (10) \times (7) \times 0,15\%$;
- Cột (12): Số thuế phải nộp trên thông báo (chưa trừ miễn, giảm thuế) được tổng hợp từ số liệu nêu tại mục 1.1 Phần III Thông báo nộp tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp mẫu số 01/TB-SDDPNN ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP

(Áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp chuyển nhượng, thừa kế, tặng
cho quyền sử dụng đất)

[01] Kỳ tính thuế: Năm

[02] Lần đầu: ☐

[03] Bổ sung lần thứ:

I. PHẦN NGƯỜI NỘP THUẾ TỰ KHAI

1. Người nộp thuế:

[04] Họ và tên:

[05] Ngày/tháng/năm sinh:

[06] Mã số thuế:

[07] Số ĐDCN/CMND/Hộ chiếu/CCCD (trường hợp cá nhân chưa có MST):

[08] Ngày cấp: [09] Nơi cấp:

[10] Địa chỉ cư trú:

[10.1] Số nhà: [10.2] Đường/phố:

[10.3] Tổ/thôn: [10.4] Phường/xã/thị trấn:

[10.5] Quận/huyện: [10.6] Tỉnh/Thành phố:

[1108] Địa chỉ nhận thông báo thuế:

[1209] Điện thoại:

2. Đại lý thuế (nếu có):

[130] Tên đại lý thuế:

[141] Mã số thuế:

[152] Hợp đồng đại lý thuế: Số: Ngày:

3. Thửa đất chịu thuế:

[163] Thông tin người sử dụng đất:

STT	Họ và tên	MST	Số ĐDCN CMND/CCCD/ Hộ chiếu (trường hợp cá nhân chưa có MST)	Ngày, tháng, năm sinh (trường hợp cá nhân chưa có MST)	Tỷ lệ

[174] Địa chỉ thửa đất:

[174.1] Số nhà:

[174.2] Đường/ phố:

- [174.3] Tổ/thôn: [174.4] Phường/xã/thị trấn:
 [174.5] Quận/huyện: [174.6] Tỉnh/Thành phố:
 [185] Là thửa đất duy nhất: ☐
 [196] Đăng ký kê khai tổng hợp tại (Quận/Huyện):
 [2017] Đã có giấy chứng nhận ☐
 [2017.1] Sổ giấy chứng nhận: [2017.2] Ngày cấp:
 [2017.3] Thửa đất số: [2017.4] Tờ bản đồ số:
 [2017.5] Diện tích: [2017.6] Loại đất/ Mục đích sử dụng:
 [2118] Tổng diện tích thực tế sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp:
 [2118.1] Diện tích đất sử dụng đúng mục đích:
 [2118.2] Diện tích đất sử dụng sai mục đích/chưa sử dụng theo đúng quy định:
 [2118.3] Hạn mức (nếu có):
 [2118.4] Diện tích đất lấn, chiếm:
 [2219] Chưa có giấy chứng nhận ☐
 [2219.1] Diện tích: [2219.2] Loại đất/ Mục đích đang sử dụng:
 [230] Thời điểm bắt đầu sử dụng đất:
 [241] Thời điểm thay đổi thông tin của thửa đất:

4. Đối với đất ở nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư [252] (tính trên diện tích sàn thực tế sử dụng):

[252.1] Loại nhà: [252.2] Diện tích: [252.3] Hệ số phân bổ:

5. Trường hợp miễn, giảm thuế [26] (ghi rõ trường hợp thuộc diện được miễn, giảm thuế như: thương binh, gia đình thương binh liệt sỹ, đối tượng chính sách, ...):

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

..., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký
điện tử)

II. PHÂN XÁC ĐỊNH CỦA CƠ QUAN CHỨC NĂNG (Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam)

1. Người nộp thuế

[273] Họ và tên:

[284] Ngày/ tháng/ năm sinh:

[295] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[3026] Số ĐDCN/CMND/Hộ chiếu/CCCD:

[3127] Ngày cấp: [3228] Nơi cấp:

2. Thừa đất chịu thuế

[3329] Địa chỉ:

[3329.1] Số nhà: [3329.2] Đường/phố:

[3329.3] Tổ/thôn: [3329.4] Phường/xã/thị trấn:

[3329.5] Quận/huyện: [3329.6] Tỉnh/Thành phố:

[340] Đã có giấy chứng nhận: ☐

[340.1] Sổ giấy chứng nhận: [340.2] Ngày cấp:

[340.3] Thừa đất số: [340.4] Tờ bản đồ số:

[340.5] Diện tích đất phi nông nghiệp ghi trên GCN:

[340.6] Diện tích thực tế sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp:

[340.7] Loại đất/ Mục đích sử dụng:

[340.8] Hạn mức (Hạn mức tại thời điểm cấp GCN):

[351] Chưa có giấy chứng nhận: ☐

[351.1] Diện tích: [351.2] Loại đất/ Mục đích đang sử dụng:

[362] Thời điểm bắt đầu sử dụng đất:

[373] Thời điểm thay đổi thông tin của thừa đất:

3. Trường hợp miễn, giảm thuế [38] (ghi rõ trường hợp thuộc diện được miễn, giảm thuế như: thương binh, gia đình thương binh liệt sỹ, đối tượng chính sách ...):

4. Căn cứ tính thuế

[394] Diện tích đất thực tế sử dụng: [4035] Hạn mức tính thuế:

[4136] Thông tin xác định giá đất:

[4136.1] Loại đất/ mục đích sử dụng: [4136.2] Tên đường/vùng:

[4136.3] Đoạn đường/khu vực: [4136.4] Loại đường:

[4136.5] Vị trí/hạng: [4136.6] Giá đất: [4136.7] Hệ số (đường/hẻm...):

[4136.8] Giá 1 m² đất (Giá đất theo mục đích sử dụng):

5. Diện tích đất tính thuế

5.1. Đất ở (Tính cho đất ở, bao gồm cả trường hợp sử dụng đất ở để kinh doanh)

Tính trên diện tích có quyền sử dụng

[4237] Diện tích trong hạn mức (thuế suất: 0,03%)	[4338] Diện tích vượt không quá 3 lần hạn mức (thuế suất: 0,07%)	[4439] Diện tích vượt trên 3 lần hạn mức (thuế suất 0,15%)
...	...	...

5.2. Đất ở nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư (tính trên diện tích sàn thực tế sử dụng):

[450] Diện tích: **[461]** Hệ số phân bổ:

5.3. Diện tích đất sản xuất kinh doanh – Tính trên diện tích sử dụng đúng mục đích:

[472] Diện tích: **[483]** Hệ số phân bổ (đối với nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư):

5.4. Đất sử dụng không đúng mục đích hoặc chưa sử dụng theo đúng quy định:

[494] Diện tích: **[5045]** Mục đích thực tế đang sử dụng:

[5146] Hệ số phân bổ (đối với nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư):

5.5. Đất lấn chiếm:

[5247] Diện tích: **[5348]** Mục đích thực tế đang sử dụng:

[5448] Hệ số phân bổ (đối với nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư):
.....

..., ngày..... tháng..... năm.....
CÁN BỘ VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ
ĐẤT ĐAI
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

..., ngày..... tháng..... năm.....
GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ
ĐẤT ĐAI
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

UBND.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP

(Áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân có đất chịu thuế)

[01] Kỳ tính thuế: Năm

[02] Lần đầu: ☐

[03] Bổ sung lần thứ:.....

1. Người nộp thuế:

[04] Họ và tên:

[05] Ngày/tháng/năm sinh:

[06] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[07] Số Định danh cá nhân/CMND/Hộ chiếu/CCCD (trường hợp chưa có mã số thuế):

[08] Ngày cấp: [09] Nơi cấp:

[10] Địa chỉ cư trú:

— [10.1] Số nhà: [10.2] Đường/phố:

— [10.3] Tổ/thôn: [10.4] Phường/xã/thị trấn:

— [10.5] Quận/huyện: [10.6] Tỉnh/Thành phố:

[1108] Địa chỉ nhận thông báo thuế:

[1209] Điện thoại:

2. Đại lý thuế (nếu có):

[130] Tên đại lý thuế:

[141] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[152] Hợp đồng đại lý thuế: Số: Ngày:

3. Thừa đất chịu thuế:

[163] Địa chỉ:

[163.1] Số nhà: [163.2] Đường/phố:

[163.3] Tổ/thôn: [163.4] Phường/xã/thị trấn:

[163.5] Quận/huyện: [163.6] Tỉnh/Thành phố:

[174] Sổ địa chính: [185] Thừa đất số: [196] Tờ bản đồ số:

[2017] Thời điểm bắt đầu sử dụng đất:

[2118] Thời điểm thay đổi diện tích đất:

STT	Loại ruộng đất	Phần hộ gia đình, cá nhân tự khai				Phần do UBND xã, đội thuế xác định		
		Xứ đồng	Ký hiệu thửa	Diện tích (m ²)	Hạng đất	Diện tích (m ²)	Hạng đất	Thuế ghi thu (kg)
	[2219]	[230]	[241]	[252]	[263]	[274]	[285]	[296]
I	Cây hàng năm							
1	Đất trồng lúa							
2	Đất trồng cây hàng năm khác							
3	Mặt nước nuôi trồng thủy sản							
...								
	Cộng cây hàng năm							
II	Cây lâu năm							
	Cộng cây lâu năm							
	Tổng cộng							

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

..., ngày ... tháng ... năm

CHỦ HỘ
(Ký ghi rõ họ tên)

CÁN BỘ CÔNG CHỨC THUẾ
(Ký ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm

UBND XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN
(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Một xứ đồng có nhiều thửa đất thì mỗi thửa đất kê khai vào một dòng;
- UBND: Ủy ban nhân dân.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP

(Áp dụng đối với đất trồng cây lâu năm thu hoạch một lần)

[01] Kỳ tính thuế: Năm

[02] Lần đầu: ☐

[03] Bổ sung lần thứ:.....

1. Người nộp thuế:

[04] Tên tổ chức/Họ và tên:

[05] Ngày tháng năm sinh (nếu là cá nhân):

[06] Mã số thuế:

[07] Số ĐDCN/CMND/Hộ chiếu/CCCD (trường hợp cá nhân chưa có mã số thuế):

[08] Ngày cấp: [09] Nơi cấp:

[10] Địa chỉ trụ sở/Địa chỉ cư trú:

— [10.1] Số nhà: [10.2] Đường/phố:

— [10.3] Tò/thôn: [10.4] Phường/xã/thị trấn:

— [10.5] Quận/huyện: [10.6] Tỉnh/Thành phố:

[1108] Địa chỉ nhận thông báo thuế:

[1209] Điện thoại:

2. Đại lý thuế (nếu có):

[130] Tên tổ chức:

[141] Mã số thuế:

[152] Hợp đồng đại lý thuế: Số: Ngày:

3. Thừa đất chịu thuế, loại cây:

[163] Địa chỉ lô đất trồng cây lâu năm thu hoạch một lần:

[163.1] Tò/thôn: [163.2] Phường/xã/thị trấn:

[163.3] Quận/huyện: [163.4] Tỉnh/Thành phố:

[174] Số thửa: [185] Tờ bản đồ số:

[196] Diện tích lô đất trồng cây lâu năm thu hoạch một lần (ha):

[2017] Loại cây lâu năm thu hoạch một lần:(ghi tên loại cây) [2118]

Thời điểm bắt đầu sử dụng đất:

[2219] Thời điểm thay đổi diện tích đất:

4. Tính thuế:

[230] Diện tích đất khai thác cây lâu năm thu hoạch một lần (ha):

[241] Sản lượng khai thác cây lâu năm thu hoạch một lần (tấn/ha hoặc m³/ha):

[252] Giá bán một đơn vị sản phẩm tại nơi khai thác (đồng/ tấn hoặc đồng/m³):

[263] Giá trị sản lượng khai thác $[26] = [23] \times [24] \times [25]$ $[23] = [20] \times [21] \times [22]$:

[274] Thuế sử dụng đất nông nghiệp được miễn, giảm (nếu có):đồng

[285] Thuế sử dụng đất nông nghiệp phải nộp $[285] = ([263] \times 4\%) - [274]$:

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI TIỀN THUÊ ĐẤT, THUÊ MẶT NƯỚC

(Áp dụng cho đối tượng chưa có quyết định, hợp đồng cho thuê đất của Nhà nước)

[01] Kỳ tính thuế: Năm

[02] Lần đầu: ☐

[03] Bổ sung lần thứ:...

1. Người nộp thuế:

[04] Tên tổ chức/Họ và tên:

[05] Ngày/tháng/năm sinh (nếu là cá nhân):

[06] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[07] Số ĐDCN CMND/Hộ chiếu/CCCD (trường hợp chưa có mã số thuế):

[08] Ngày cấp: [09] Nơi cấp:

[10] Địa chỉ trụ sở:

[10.1] Số nhà: [10.2] Đường/phố:

[10.3] Tổ/thôn: [10.4] Phường/xã/thị trấn:

[10.5] Quận/huyện: [10.6] Tỉnh/Thành phố:

[11] Địa chỉ nhận thông báo thuế:

[12] Điện thoại:

2. Đại lý thuế (nếu có):

[13] Tên tổ chức:

[14] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[15] Hợp đồng đại lý thuế: Số: Ngày:

3. Đặc điểm đất/mặt nước thuê:

[16] Địa chỉ thửa đất/mặt nước thuê:

[16.1] Số nhà: [16.2] Đường/phố:

[16.3] Tổ/thôn: [16.4] Phường/xã/thị trấn:

[16.5] Quận/huyện: [16.6] Tỉnh/Thành phố:

[17] Vị trí thửa đất/mặt nước:

[18] Mục đích sử dụng:

[19] Diện tích:

[20] Thời điểm sử dụng đất vào mục đích thuộc đối tượng phải nộp tiền thuê đất theo quy định của Luật Đất đai:

4. Diện tích đất, mặt nước phải nộp tiền thuê (m²):

[21] Đất/mặt nước dùng cho sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp:

[22] Đất xây dựng nhà ở, cơ sở hạ tầng để cho thuê:

[23] Đất xây dựng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề:

[24] Đất/ mặt nước sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản:

[25] Đất/mặt nước dùng vào mục đích khác:

5. Thời gian sử dụng đất vào mục đích thuộc đối tượng phải nộp tiền thuê đất theo quy định của Luật Đất đai:

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ

(Áp dụng đối với nhà, đất)

[01] Kỳ tính thuế: Theo từng lần phát sinh ngày ... tháng ... năm ...

[02] Lần đầu: ☐ [03] Bổ sung lần thứ:...

☐ Tổ chức, cá nhân được ủy quyền khai thay cho người nộp thuế

[04] Người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế:

[06] Số định danh cá nhân CMND/CCCD/Hộ chiếu (trường hợp chưa có mã số thuế):

[07] Địa chỉ:.....

[08] Quận/huyện: [09] Tỉnh/Thành phố:

[10] Điện thoại: [11] Fax: [12] Email:

[13] Đại lý thuế; hoặc Tổ chức, cá nhân được ủy quyền khai thay (nếu có):

[14] Mã số thuế:

[15] Hợp đồng đại lý thuế: Số:..... ngày

ĐẶC ĐIỂM NHÀ ĐẤT:

1. Đất:

1.1. Thửa đất số (Số hiệu thửa đất):; Tờ bản đồ số:

1.2. Địa chỉ thửa đất:

1.2.1. Số nhà: Tòa nhà: Ngõ/Hẻm:

Đường/Phố:..... Thôn/xóm/ấp:

1.2.2. Phường/xã:

1.2.3. Quận/huyện:

1.2.4. Tỉnh/thành phố:

1.3. Vị trí thửa đất (mặt tiền đường phố hay ngõ, hẻm):.....

1.4. Mục đích sử dụng đất:

1.5. Diện tích (m²):

1.6. Nguồn gốc nhà đất: (đất được Nhà nước giao, cho thuê; đất nhận chuyển nhượng; nhận thừa kế, hoặc nhận tặng cho):

a) Tên tổ chức, cá nhân chuyển giao QSDĐ:

- Tên tổ chức/cá nhân chuyển giao QSDĐ:.....

- Mã số thuế:.....

- Số định danh cá nhân CMND/CCCD/Hộ chiếu (trường hợp chưa có mã số thuế):

- Địa chỉ người giao QSDĐ:

b) Thời điểm làm giấy tờ chuyển giao QSDĐ ngày tháng năm

1.7. Giá trị đất thực tế chuyển giao (nếu có):

2. Nhà:

2.1. Thông tin về nhà ở, nhà làm việc, nhà sử dụng cho mục đích khác:

Cấp nhà: Loại nhà: Hạng nhà:

Trường hợp là nhà ở chung cư:

Chủ dự án: Địa chỉ dự án, công trình:

Kết cấu: Số tầng nổi: Số tầng hầm:

Diện tích sở hữu chung (m²): Diện tích sở hữu riêng (m²):2.2. Diện tích nhà (m²):Diện tích xây dựng (m²):Diện tích sàn xây dựng (m²):

2.3. Nguồn gốc nhà:

a) Tự xây dựng:

- Năm hoàn công (hoặc năm bắt đầu sử dụng nhà):

b) Mua, thừa kế, tặng cho:

- Thời điểm làm giấy tờ chuyển giao nhà: Ngày tháng năm

2.4. Giá trị nhà (đồng):

3. Giá trị nhà, đất thực tế nhận chuyển nhượng ☐, nhận thừa kế ☐, nhận tặng cho ☐ (đồng):

4. Tài sản thuộc diện được miễn lệ phí trước bạ (lý do):

5. Thông tin đồng chủ sở hữu nhà, đất (nếu có):

STT	Tên tổ chức/cá nhân đồng sở hữu	Mã số thuế	Số ĐDCN CMND/CCCD/Hộ chiếu (trường hợp chưa có mã số thuế)	Tỷ lệ sở hữu (%)

6. Giấy tờ có liên quan, gồm:

-

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

..., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ****hoặc****TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC ỦY QUYỀN KHAI THAY**

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ

(Áp dụng đối với tàu thuyền đánh cá, tàu thuyền vận tải thủy nội địa, tàu biển và tài sản khác trừ nhà, đất)

[01] Kỳ tính thuế: Theo từng lần phát sinh ngày ... tháng ... năm ...

[02] Lần đầu ☐

[03] Bổ sung lần thứ:...

☐ Tổ chức, cá nhân được ủy quyền khai thay cho người nộp thuế

[04] Tên người nộp thuế (Chủ sở hữu, sử dụng tài sản):.....

[05] Mã số thuế (nếu có):

[06] Số định danh cá nhân CMND/CCCD/Hộ chiếu (trường hợp chưa có mã số thuế):.....

[07] Ngày cấp:..... [08] Nơi cấp:.....

[09] Địa chỉ:.....

[10] Quận/huyện:..... [11] Tỉnh/thành phố:.....

[12] Điện thoại:..... [13] Fax:..... [14] Email:.....

[15] Tên tổ chức, cá nhân được ủy quyền khai thay (nếu có):.....

[16] Mã số thuế:

[17] Địa chỉ:.....

[18] Quận/huyện:..... [19] Tỉnh/thành phố:.....

[20] Điện thoại: [21] Fax: [22] Email:

[23] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[24] Mã số thuế:

[25] Hợp đồng đại lý thuế: số:..... ngày.....

I. TÀI SẢN

1. Loại tài sản:

Số Giấy chứng nhận do cơ quan đăng kiểm Việt Nam cấp (Đối với hồ sơ khai điện tử):

2. Nhân hiệu:.....

3. Kiểu loại xe [Số loại hoặc tên thương mại hoặc mã kiểu loại (nếu không có Tên thương mại); tên thương mại và mã kiểu loại (nếu có) đối với ô tô]:.....

4. Nước sản xuất:.....

5. Năm sản xuất:.....

6. Thẻ tích làm việc/Công suất:.....

7. Trọng tải:.....

8. Số người cho phép chở (kể cả lái xe):.....

9. Chất lượng tài sản:.....

10. Số máy:.....

11. Số khung:.....

12. Biển kiểm soát:.....

13. Số đăng ký:.....
 14. Trị giá tài sản (đồng):.....
 (Viết bằng chữ:.....)
 15. Mẫu số hóa đơn:.....; 16. Ký hiệu hóa đơn:.....;
 17. Số hóa đơn:.....; 18. Ngày tháng năm:...../...../.....

II. NGUỒN GỐC TÀI SẢN

1. Tổ chức, cá nhân chuyển nhượng tài sản:
 - Tên tổ chức/cá nhân chuyển nhượng tài sản:
 - Mã số thuế:.....
 - Số định danh cá nhân CMND/CCCD/Hộ chiếu (trường hợp chưa có mã số thuế):

2. Địa chỉ:.....
 3. Thời điểm làm giấy tờ chuyển nhượng tài sản: Ngày tháng năm

III. TÀI SẢN THUỘC DIỆN ĐƯỢC MIỄN LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ (lý do):.....

IV. GIẤY TỜ CÓ LIÊN QUAN, GỒM:

.....

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Hoặc

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC ỦY QUYỀN KHAI THAY

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký
 điện tử)

Ghi chú:

Hướng dẫn kê khai các chỉ tiêu của Tờ khai lệ phí trước bạ - Mẫu số 02/LPTB - áp dụng đối với tài sản thuộc đối tượng chịu lệ phí trước bạ (trừ nhà, đất)

[01] Kỳ tính thuế: Ghi ngày phát sinh khoản lệ phí trước bạ.

[02] Lần đầu: Tích vào ô lần đầu nếu khai lần đầu với trường hợp phát sinh mới.

[03] Bổ sung lần thứ: Điền số lần khai bổ sung.

[04] Tên người nộp thuế: Họ và tên chủ tài sản.

[05] Mã số thuế (nếu có): Ghi mã số thuế của chủ sở hữu, sử dụng tài sản đã được cấp (mã số thuế cá nhân hoặc mã số thuế của cá nhân, hộ gia đình sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp, tổ

chức); trường hợp cá nhân chưa được cấp mã số thuế thì bỏ trống chỉ tiêu này, cơ quan thuế căn cứ các thông tin trên Tờ khai lệ phí trước bạ để cấp mã số thuế cho chủ sở hữu, sử dụng tài sản theo quy định.

[06], [07], [08]: Ghi số định danh cá nhân, ngày cấp, nơi cấp Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu của chủ tài sản.

[09], [10], [11] Địa chỉ: Ghi thông tin địa chỉ theo hướng dẫn như sau:

- Chủ tài sản là người Việt Nam:

+ Địa chỉ ghi theo Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân. Trường hợp chưa được cấp Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc địa chỉ nơi đăng ký thường trú ghi trong Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân không phù hợp với địa chỉ nơi đăng ký thường trú ghi trong Sổ hộ khẩu thì khai theo Sổ hộ khẩu hoặc;

+ Địa chỉ ghi theo Giấy chứng minh Công an nhân dân; Giấy chứng minh quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng hoặc Giấy tờ hợp pháp theo quy định hoặc;

+ Địa chỉ theo trường học đối với học viên, sinh viên học theo hệ tập trung từ 2 năm trở lên của các trường trung cấp, cao đẳng, đại học, học viện.

- Chủ tài sản là người Việt Nam định cư ở nước ngoài về sinh sống, làm việc tại Việt Nam, địa chỉ được ghi theo Sổ tạm trú hoặc Sổ hộ khẩu hoặc địa chỉ theo giấy tờ khác theo quy định (còn giá trị sử dụng).

- Chủ tài sản là người nước ngoài, cụ thể:

+ Người nước ngoài làm việc trong các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế, ghi địa chỉ theo Chứng minh thư ngoại giao hoặc Chứng minh thư công vụ (còn giá trị sử dụng) hoặc theo Giấy tờ hợp pháp theo quy định.

+ Người nước ngoài làm việc, sinh sống ở Việt Nam, ghi địa chỉ theo Hộ chiếu (còn giá trị sử dụng) hoặc giấy tờ khác có giá trị thay Hộ chiếu; Thẻ thường trú, Thẻ tạm trú từ một năm trở lên và giấy phép lao động theo quy định hoặc Giấy tờ hợp pháp theo quy định.

- Chủ tài sản là tổ chức: Ghi theo địa chỉ của tổ chức.

[12] Điện thoại: Ghi số điện thoại nhận được tin nhắn thông báo của cơ quan thuế về Mã số hồ sơ và số tiền lệ phí trước bạ phải nộp.

[13], [14]: Điền thông tin fax (nếu có), email của người sở hữu, sử dụng tài sản nhận được Thông báo nộp lệ phí trước bạ của Cơ quan Thuế (đối với hồ sơ khai điện tử).

[15] Ghi tên tổ chức, cá nhân được ủy quyền khai thay theo quy định của pháp luật.

[16] Mã số thuế: Ghi mã số thuế của tổ chức, cá nhân được ủy quyền khai thay (mã số thuế cá nhân hoặc mã số thuế của cá nhân kinh doanh, doanh nghiệp, tổ chức).

[17] đến [19]: Ghi thông tin địa chỉ của tổ chức, cá nhân được ủy quyền khai thay.

[20] Điện thoại: Ghi số điện thoại của tổ chức, cá nhân được ủy quyền khai thay (số điện thoại nhận được tin nhắn thông báo của cơ quan thuế về Mã số hồ sơ và số tiền lệ phí trước bạ phải nộp).

[21], [22]: Điền thông tin fax (nếu có), email của tổ chức, cá nhân được ủy quyền khai thay nhận được Thông báo nộp lệ phí trước bạ của cơ quan thuế (đối với hồ sơ khai điện tử).

[23] Ghi tên Đại lý thuế khai thay

[24] Mã số thuế: Ghi mã số thuế của Đại lý thuế

[25] Hợp đồng đại lý thuế: Ghi các thông tin về số hiệu và ngày ký kết hợp đồng giữa chủ sở hữu, sử dụng tài sản và Đại lý thuế khai thay.

I. TÀI SẢN

1. Loại tài sản

Đối với phương tiện giao thông đường bộ: Ghi theo chỉ tiêu Loại phương tiện trên Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường hoặc Giấy chứng nhận chất lượng kiểu loại hoặc Sổ kiểm định do cơ quan đăng kiểm cấp hoặc Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng hoặc từ thông tin loại phương tiện trên giấy tờ có liên quan của cơ quan có thẩm quyền.

Đối với phương tiện giao thông đường thủy, đường hàng không và các tài sản khác: Căn cứ vào các giấy tờ do cơ quan đăng kiểm cấp, giấy tờ về mua bán, chuyển giao tài sản hoặc thông tin loại tài sản thể hiện trên giấy tờ có liên quan của cơ quan có thẩm quyền để ghi loại tài sản là vỏ, tổng thành khung, tổng thành máy, tàu thủy, thuyền, máy bay, du thuyền; súng săn, súng dùng để tập luyện, thi đấu thể thao...

Số Giấy chứng nhận do cơ quan đăng kiểm Việt Nam cấp là Số hiệu của Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường hoặc Giấy chứng nhận chất lượng kiểu loại hoặc Thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường do cơ quan đăng kiểm cấp (chỉ khai đối với hồ sơ khai lệ phí trước bạ điện tử).

2. Nhân hiệu

Đối với phương tiện giao thông đường bộ: Ghi theo chỉ tiêu Nhân hiệu trên Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường hoặc Giấy chứng nhận chất lượng kiểu loại hoặc Sổ kiểm định do cơ quan đăng kiểm cấp hoặc Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng hoặc từ thông tin nhân hiệu trên giấy tờ có liên quan của cơ quan có thẩm quyền.

Đối với phương tiện giao thông đường thủy, đường hàng không, tài sản khác thì ghi theo thông tin tương ứng trên giấy tờ do cơ quan đăng kiểm cấp hoặc để trống nếu giấy tờ không thể hiện thông tin này.

3. Kiểu loại xe

- Đối với phương tiện giao thông đường bộ:

+ Đối với xe ô tô: Lấy từ các chỉ tiêu Tên thương mại (Commercial name), Số loại (Model Code), Mã kiểu loại (Model code) trên Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường hoặc Giấy chứng nhận chất lượng kiểu loại hoặc Sổ kiểm định do cơ quan đăng kiểm cấp hoặc Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng hoặc theo các thông tin tương ứng trên giấy tờ có liên quan của cơ quan có thẩm quyền, để ghi Kiểu loại xe theo cấu trúc như sau "Tên thương mại (Mã kiểu loại)" hoặc "Số loại (Mã kiểu loại)"; trường hợp trên các giấy tờ nêu trên mà chỉ tiêu Mã kiểu loại (Model code) không có hoặc có nhưng để trống thì ghi Kiểu loại xe theo cấu trúc "Tên thương mại" hoặc "Số loại".

Ví dụ minh họa: Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường thể hiện thông tin của 3 kiểu loại xe ô tô như sau:

• Xe có Nhân hiệu (Trade mark): FORD, Tên thương mại (Commercial name): EVEREST, Mã kiểu loại (Model code): zNAV9KE thì ghi Kiểu loại xe là EVEREST (zNAV9KE).

• Xe có Nhân hiệu (Trade mark): GENESIS, Tên thương mại (Commercial name): G70, Mã kiểu loại (Model code): thì ghi Kiểu loại xe là G70.

• Xe có Nhân hiệu (Trade mark): TOYOTA, Số loại (Model Code): INNOVA TGN40L-GKMRKU thì ghi Kiểu loại xe là INNOVA TGN40L-GKMRKU.

+ Đối với các loại xe khác: Lấy từ các chỉ tiêu Tên thương mại (Commercial name), Số loại (Model Code) để ghi Kiểu loại xe theo cấu trúc như sau "Tên thương mại" hoặc "Số loại".

Ví dụ minh họa: Giấy chứng nhận chất lượng kiểu loại xe mô tô, xe gắn máy có thông tin của 2 kiểu xe máy như sau:

• Xe có Nhân hiệu (Trade mark): HONDA, Số loại (Model Code): JA36 BLADE thì ghi Kiểu loại xe là JA36 BLADE.

• Xe có Nhân hiệu (Trade mark): HARLEY-DAVIDSON, Tên Thương mại (Commercial name): SUPERLOW, Mã kiểu loại (Model code): XL883L thì ghi Kiểu loại xe là SUPERLOW.

+ Trường hợp chỉ tiêu Tên thương mại (Commercial name) không có thì ghi Kiểu loại xe theo Mã kiểu loại (Model code).

- Đối với phương tiện giao thông đường thủy, đường hàng không và tài sản khác thì không cần ghi thông tin này.

Từ chỉ tiêu 4 đến 13: Ghi theo các thông tin tương ứng trên Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường hoặc Giấy chứng nhận chất lượng kiểu loại do cơ quan đăng kiểm cấp hoặc Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng (đối với xe mới) hoặc Sổ kiểm định hoặc Giấy đăng ký phương tiện (đối với xe đã qua sử dụng) hoặc Giấy tờ có liên quan khác của cơ quan có thẩm quyền, trong đó:

6: Thể tích làm việc có đơn vị tính là cm^3 hoặc kw hoặc mã lực.

7: Trọng tải có đơn vị tính là kg và được lấy theo chỉ tiêu Khối lượng hàng chuyên chở (kéo theo) cho phép tham gia giao thông trên các giấy tờ đó, trường hợp giấy tờ của xe thể hiện cả 2 chỉ tiêu Khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông và Khối lượng kéo theo cho phép tham gia giao thông thì lấy từ chỉ tiêu có giá trị lớn hơn.

9: Chất lượng tài sản ghi là “Mới” hoặc “Đã qua sử dụng”.

Trường hợp các giấy tờ nêu trên không có thông tin cần điền cho chỉ tiêu từ 4 đến 13 (trừ chỉ tiêu 9) thì để trống.

14. Trị giá tài sản (đồng): Ghi giá trị chuyển nhượng tài sản trên thị trường tại thời điểm chuyển giao quyền sở hữu, sử dụng tài sản (theo hóa đơn bán hàng hợp pháp, hợp đồng mua bán,...).

Từ chỉ tiêu 15 đến 18: Khai các chỉ tiêu này trong trường hợp nộp hồ sơ khai lệ phí trước bạ điện tử và sử dụng hóa đơn điện tử.

II. NGUỒN GỐC TÀI SẢN

1. Tổ chức, cá nhân chuyển nhượng tài sản: Ghi tên cá nhân hoặc tổ chức, doanh nghiệp thực hiện chuyển giao quyền sở hữu, sử dụng tài sản cho người đăng ký quyền sở hữu, sử dụng tài sản; ghi Mã số thuế là mã số thuế cá nhân (nếu có) hoặc mã số thuế của cá nhân, hộ gia đình sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp, tổ chức chuyển nhượng.

2. Địa chỉ: Đối với cá nhân thì ghi theo địa chỉ thường trú đăng ký tại các giấy tờ định danh (~~Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Sổ hộ khẩu hoặc hộ chiếu...~~); đối với tổ chức thì ghi theo địa chỉ của tổ chức.

3. Thời điểm làm giấy tờ chuyển nhượng tài sản: Ghi ngày tháng năm lập hoặc ngày tháng năm ký kết thể hiện trên giấy tờ về chuyển nhượng tài sản hợp pháp.

III. TÀI SẢN THUỘC DIỆN ĐƯỢC MIỄN LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ: Ghi cụ thể lý do được miễn lệ phí trước bạ theo quy định.

IV. GIẤY TỜ CÓ LIÊN QUAN, GỒM: Ghi những giấy tờ kèm theo Tờ khai lệ phí trước bạ trong Hồ sơ khai lệ phí trước bạ theo quy định.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

(Áp dụng đối với thu nhập từ chuyển nhượng quyền lợi tham gia Hợp đồng dầu khí của tổ chức tiến hành hoạt động dầu khí theo quy định của Luật Dầu khí)

[01] Kỳ tính thuế: Lần phát sinh ngày ... tháng ... năm ...

[02] Lần đầu ☐ [03] Bổ sung lần thứ: ...

[04] Mã số thuế thực hiện kê khai nộp thuế:

Bên chuyển nhượng quyền lợi:

[05] Tên tổ chức chuyển nhượng:

[06] Mã số thuế (nếu có):

[07] Địa chỉ trụ sở chính:

[08] Hợp đồng dầu khí lô:

[09] Hợp đồng chuyển nhượng số ngày

Bên nhận chuyển nhượng:

[10] Tên tổ chức hoặc cá nhân nhận chuyển nhượng:

[11] Địa chỉ trụ sở chính:

[12] Mã số thuế (đối với doanh nghiệp):

[13] Mã số thuế hoặc số định danh cá nhân ~~chứng minh nhân dân~~, số hộ chiếu (đối với cá nhân):

[14] Tên đơn vị được uỷ quyền [] hoặc Đại lý thuế []:

[15] Mã số thuế:

[16] Địa chỉ: [17] Quận/huyện: [18] Tỉnh/Thành phố:

[19] Điện thoại: [20] Fax: [21] E-mail:

[22] Hợp đồng uỷ quyền hoặc Hợp đồng đại lý thuế, số: ngày

[23] Tên tổ chức bị chuyển nhượng tại Việt Nam:

[24] Mã số thuế:

[25] Địa chỉ trụ sở chính:

[26] Hợp đồng dầu khí lô:

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Giá chuyển nhượng	[27]	USD; VND	
2	Giá mua của phần quyền lợi chuyển nhượng	[28]	USD; VND	
3	Chi phí chuyển nhượng	[29]	USD; VND	
4	Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng quyền lợi [30]=[27]-[28]-	[30]	USD; VND	

	[29]			
STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
5	Thuế suất	[31]	%	
6	Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp [32]=[30]x[31]	[32]	USD; VND	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ
XỬ LÝ SỐ TIỀN THUẾ, TIỀN CHẠM NỘP, TIỀN PHẠT NỘP THỪA

Kính gửi: <Tên cơ quan thuế>.....

I. THÔNG TIN NGƯỜI NỘP THUẾ

[01] Tên người nộp thuế:.....

[02] Mã số thuế:

[03] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[04] Mã số thuế:

[05] Hợp đồng đại lý thuế: Số..... ngày.....

II. THÔNG TIN SỐ TIỀN THUẾ, TIỀN CHẠM NỘP, TIỀN PHẠT NỘP THỪA

S T T	Nội dung khoản nộp thừa	Mã định danh khoản phải nộp (ID) (nếu có)	Chương	Tiểu mục	Tên cơ quan thu	Loại tiền	Số tiền phải nộp	Số tiền đã nộp vào NS NN	Số tiền nộp thừa
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)= (9)-(8)>0
Tổng cộng theo tiểu mục:									
Tổng cộng:									

III. ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ KHOẢN NỢ THỪA

<1. Thông tin người nộp thuế đề nghị bù trừ khoản nợ thừa với khoản nợ, khoản thu phát sinh hoặc đề nghị hoàn kiêm bù trừ thu ngân sách nhà nước>

S T T	Thông tin khoản nợ/khoản thu phát sinh											Số tiền còn phải nộp đề nghị bù trừ với số tiền nộp thừa	Số tiền còn phải nộp sau bù trừ
	MST của NNT khác (nếu có)	Tên người nộp thuế khác (nếu có)	Nội dung khoản nợ/phát sinh	Mã định danh khoản phải nộp (ID) (nếu có)	Chương	Tiểu mục	Tên cơ quan thu	Địa bàn hành chính	Hạn nộp	Loại tiền	Số tiền còn phải nộp		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)= (12)-(13)
Tổng cộng theo tiểu mục:													
Tổng cộng:													

<2. Thông tin người nộp thuế đề nghị hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước>

Số tiền hoàn trả: Bằng số: đồng.

Hình thức hoàn trả:

☐ Chuyển khoản: Tên chủ tài khoản.....

Tài khoản số:.....Tại Ngân hàng/KBNN:.....

☐ Tiền mặt:

Tên người nhận tiền:

ĐDCN CMND/CCCD/HC số:Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:.....

Nơi nhận tiền hoàn thuế: Kho bạc Nhà nước

IV. TÀI LIỆU GỬI KÈM: (ghi rõ tên tài liệu, bản chính, bản sao)

1.

2.

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký
điện tử)

TÊN TỔ CHỨC
.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Số:.....

..., ngày ... tháng ... năm ...

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
HOÀN TRẢ KHOẢN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

Kính gửi:<Cơ quan có thẩm quyền hoàn trả>....

I- Thông tin về tổ chức đề nghị hoàn trả:

[01] Tên người nộp thuế:

[02] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[03] Địa chỉ:

[04] Quận/huyện: [05] Tỉnh/thành phố:

[06] Điện thoại: [07] Fax: [08] Email:

[09] Tên đại lý thuế (nếu có):

[10] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[11] Hợp đồng đại lý thuế: Số: ngày:

II- Nội dung đề nghị hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước (NSNN):

1. Thông tin về khoản thu đề nghị hoàn trả:

STT	Loại thuế	Kỳ đề nghị hoàn thuế		Mã giao dịch điện tử của hồ sơ khai thuế đề nghị hoàn	Số tiền đề nghị hoàn trong kỳ (VNĐ)	Trường hợp đề nghị hoàn thuế	Ghi chú
		Từ kỳ	Đến kỳ				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Tổng cộng							

2. Hình thức đề nghị hoàn trả:

2.1. Bù trừ cho khoản phải nộp NSNN:

STT	Mã số thuế	Mã định danh khoản phải nộp (nếu có)	Cơ quan quản lý thu	Nội dung kinh tế (tiểu mục)	Kỳ thuế	Số tiền đề nghị bù trừ (VNĐ)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Cộng theo mã số thuế, cơ quan quản lý thu, nội dung kinh tế							
Tổng cộng							

2.2. Hoàn trả trực tiếp:

Hình thức hoàn trả:

☐ Chuyển khoản: Tên chủ tài khoản.....
 Tài khoản số: Tại Ngân hàng
 (KBNN).....

☐ Tiền mặt:

Tên người nhận tiền:.....

ĐDCN ~~CMND~~/CCCD/ Hộ chiếu số: Ngày cấp:/...../.....

Nơi cấp:

Nơi nhận tiền hoàn thuế: Kho bạc Nhà nước

III- Tài liệu gửi kèm: (ghi rõ tên tài liệu, bản chính, bản sao)

1.

2.

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú:

- “Trường hợp đề nghị hoàn thuế”: Ghi rõ đề nghị hoàn trả theo quy định tại điểm, khoản, Điều của văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;

- “Ghi chú” tại mục bù trừ: Ghi rõ phải nộp theo văn bản của Kiểm toán nhà nước, Thanh tra tài chính, Thanh tra chính phủ, cơ quan có thẩm quyền khác (nếu có);

GIẤY ĐỀ NGHỊ HOÀN THUẾ THEO HIỆP ĐỊNH TRÁNH ĐÁNH THUẾ HAI LẦN VÀ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ KHÁC

Kính gửi:(cơ quan có thẩm quyền hoàn trả)....
Hiệp định thuế/Điều ước quốc tế áp dụng:.....

Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân là đối tượng cư trú của:
Việt Nam ☐ Nước ngoài ☐

Đề nghị đánh dấu (x) vào ô trống thích hợp:

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân được hoàn thuế: ☐

	A. Tổ chức: ☐	B. Cá nhân: ☐						
1.	Tên đầy đủ:..... Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ☐ Hộ chiếu ☐ ĐDCN CAND/CCCD ☐ Số: Ngày cấp:/...../..... tại Cơ quan cấp:.....							
2.	Tên sử dụng trong giao dịch							
3.	Tư cách pháp lý <table style="width: 100%;"> <tr> <td style="width: 45%;">Pháp nhân ☐</td> <td style="width: 55%;">Cá nhân hành nghề độc lập ☐</td> </tr> <tr> <td>Liên danh không tạo pháp nhân ☐</td> <td>Cá nhân hành nghề phụ thuộc ☐</td> </tr> <tr> <td>Khác ☐</td> <td></td> </tr> </table> Nêu rõ:		Pháp nhân ☐	Cá nhân hành nghề độc lập ☐	Liên danh không tạo pháp nhân ☐	Cá nhân hành nghề phụ thuộc ☐	Khác ☐	
Pháp nhân ☐	Cá nhân hành nghề độc lập ☐							
Liên danh không tạo pháp nhân ☐	Cá nhân hành nghề phụ thuộc ☐							
Khác ☐								
4.1.	Địa chỉ tại Việt Nam: Số điện thoại: Số Fax: E-mail: Địa chỉ trên là: Trụ sở chính ☐ Nhà ở thường trú ☐ Khác ☐ Nêu rõ:							
4.2.	Địa chỉ giao dịch tại Việt Nam (nếu khác với địa chỉ nêu trên)..... Số điện thoại: Số Fax: E-mail:							
5.	Quốc tịch: <table style="width: 100%;"> <tr> <td style="width: 33%;">Việt Nam ☐</td> <td style="width: 33%;">Nước ký kết ☐</td> <td style="width: 34%;">Nước khác ☐.....</td> </tr> </table>		Việt Nam ☐	Nước ký kết ☐	Nước khác ☐			
Việt Nam ☐	Nước ký kết ☐	Nước khác ☐						
6.	Mã số thuế tại Việt Nam (nếu có):							
7.1.	Địa chỉ tại Nước ký kết: Số điện thoại: Số Fax: E-mail: Địa chỉ trên là: Văn phòng đại diện ☐ Cơ sở thường trú ☐ Nơi làm việc ☐ Nơi lưu trú ☐ Khác ☐ Nêu rõ:							
7.2.	Địa chỉ giao dịch tại Nước ký kết (nếu khác với địa chỉ nêu trên) Số điện thoại: Số Fax: E-mail:							
8.	Mã số thuế tại Nước ký kết (nếu có):.....							
9.	Thời gian có mặt tại Việt Nam hoặc thực hiện hoạt động tại Việt Nam (đối với các tổ chức, cá nhân là đối tượng cư trú của nước ngoài):							

II. Đại diện được uỷ quyền¹: ☐

1.	Tên đầy đủ: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ☐ Hộ chiếu ☐ ĐCCN CMND/CCCD ☐ Số: Ngày cấp:/...../..... tại Cơ quan cấp.....																		
2.	Địa chỉ:..... Số điện thoại: Số Fax: E-mail:																		
3.	Mã số thuế (nếu có):.....																		
4.	Tư cách pháp lý <table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <td>Pháp nhân</td> <td>☐</td> <td>Cá nhân hành nghề phụ thuộc</td> <td>☐</td> </tr> <tr> <td>Liên danh không tạo pháp nhân</td> <td>☐</td> <td>Khác</td> <td>☐</td> </tr> <tr> <td></td> <td></td> <td>Nêu rõ:</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Đại lý thuế (nếu có)</td> <td>☐</td> <td></td> <td></td> </tr> </table>			Pháp nhân	☐	Cá nhân hành nghề phụ thuộc	☐	Liên danh không tạo pháp nhân	☐	Khác	☐			Nêu rõ:		Đại lý thuế (nếu có)	☐		
Pháp nhân	☐	Cá nhân hành nghề phụ thuộc	☐																
Liên danh không tạo pháp nhân	☐	Khác	☐																
		Nêu rõ:																	
Đại lý thuế (nếu có)	☐																		

III. Nội dung đề nghị hoàn thuế:

1. Năm đề nghị áp dụng Hiệp định thuế/Điều ước quốc tế:

2. Số thu nhập thuộc diện miễn, giảm theo Điều

STT	Loại thuế	Kỳ đề nghị hoàn thuế	Số tiền đã nộp (VNĐ)	Số tiền đề nghị hoàn trong kỳ (VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Tổng cộng				

3. Hình thức đề nghị hoàn trả:**3.1. Bù trừ cho khoản phải nộp ngân sách nhà nước (NSNN):**

STT	Mã số thuế	Mã định danh khoản phải nộp (ID)	Cơ quan quản lý thu	Địa bàn hạch toán thu NS	Nội dung kinh tế (tiêu mục)	Kỳ thuế	Số tiền đề nghị bù trừ (VNĐ)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Cộng theo mã số thuế, cơ quan quản lý thu, nội dung kinh tế, kỳ thuế								
Tổng cộng								

¹ Trường hợp người nộp thuế uỷ quyền cho đại diện hợp pháp thực hiện thủ tục áp dụng Hiệp định thuế/Điều ước quốc tế, bên uỷ quyền và bên được uỷ quyền phải thực hiện các quy định về công chứng và chứng thực của pháp luật hiện hành, đồng thời bên được uỷ quyền phải kê khai đầy đủ các thông tin tại phần 1 và 2 của Giấy đề nghị này.

3.2. Hoàn trả trực tiếp:

- ☐ Chuyển khoản: Tên tổ chức/người nhận tiền.....
Tài khoản số: Tại Ngân hàng (KBNN).....
- ☐ Tiền mặt:
Tên người nhận tiền:.....
CMND/CCCD/HC/SĐDCN số: Ngày cấp:/...../.....
Nơi cấp:
Nơi nhận tiền hoàn thuế: Kho bạc Nhà nước

IV. Thông tin về giao dịch phát sinh thu nhập liên quan đến số thuế đề nghị áp dụng Hiệp định thuế/Điều ước quốc tế:

4.1. Giải trình tóm tắt về giao dịch:

.....

4.2. Giải trình khác:

.....

4.3. Tài liệu gửi kèm (ghi rõ tên tài liệu, bản chính, bản sao):

1.
2.

Tôi cam kết các thông tin và tài liệu đã cung cấp là trung thực và đầy đủ và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin và tài liệu này./.

....., ngày..... tháng..... năm.....
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký
điện tử)

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

<Trường hợp đề nghị hoàn thuế theo Điều ước quốc tế khác thì thực hiện thêm phần sau:>

PHẦN DÀNH CHO CƠ QUAN ĐỀ XUẤT KÝ KẾT ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

Tên Cơ quan:

Xác nhận:

1. (Tên Điều ước quốc tế)..... được ký ngày/...../..... Cho đến nay(Tên Điều ước quốc tế)..... đã hết/vẫn còn hiệu lực thi hành.

2. Các khoản thu nhập của(Tên nhà thầu nước ngoài)....., địa chỉ: tại Hợp đồng (Tên hợp đồng kinh tế ký kết giữa nhà thầu nước ngoài và Bên Việt Nam) (đề nghị liệt kê chi tiết các khoản thu nhập nhà thầu nước ngoài thu được từ Hợp đồng ký với Bên Việt Nam – nếu có) được quy định tại Điều ..., Khoản ... của Hợp đồng thuộc phạm vi miễn, giảm thuế quy định tại Điều ..., Khoản ... của Điều ước quốc tế nêu trên.

....., ngày tháng năm
ĐẠI DIỆN CƠ THẨM QUYỀN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ BAN HÀNH
QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ -...

..., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc hoàn thuế

CHỨC DANH THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ RA QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ các Luật thuế, Luật phí và lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Quyết định số ngày ... tháng ... năm ... của quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của <Tổng cục Thuế/Cục Chi cục Thuế/Chi cục Thuế>;

Căn cứ <Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu Ngân sách Nhà nước/Văn bản đề nghị xử lý khoản nộp thừa>, <mã giao dịch điện tử (nếu có)> số ... ngày ... tháng... năm... và các tài liệu kèm theo của: <Tên người nộp thuế, mã số thuế>;

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hoàn trả cho: ...<Tên người nộp thuế>.....

Mã số thuế:.....

Địa chỉ:.....

Tổng số tiền thuế là: đồng

(bằng chữ:).

Trong đó:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tiểu mục	Kỳ hoàn	Số tiền thuế được hoàn	Trường hợp hoàn thuế
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Tổng cộng				

<Chi tiết số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa được hoàn trả tại Phụ lục số 01/PL-HTNT kèm theo (đối với trường hợp hoàn nộp thừa)>

Hình thức hoàn trả:

☐ Chuyển khoản: Tên chủ tài khoản.....

Số tài khoản: Tại Ngân hàng (KBNN)

☐ Tiền mặt:

Tên người nhận tiền:.....

ĐDCN ~~CMND~~/CCCD/Hộ chiếu Số: Ngày cấp: .../.../... Nơi cấp:

.....

Nơi nhận tiền hoàn thuế: Kho bạc Nhà nước

Điều 2. Trả tiền lãi cho thời gian <ghi rõ số ngày> chậm giải quyết hồ sơ hoàn thuế của cơ quan thuế là đồng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

<Tên người nộp thuế>, <Trưởng các bộ phận liên quan của cơ quan thuế> chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- KK,;
- Lưu VT, ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ

BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú: Phần nội dung ghi trong dấu < > chỉ là giải thích hoặc ví dụ, cơ quan thuế căn cứ vào hồ sơ cụ thể để điền thông tin tương ứng.

- “Kỳ hoàn”: Ghi rõ từ kỳ đến kỳ đối với trường hợp kỳ hoàn thuế kéo dài trên 1 kỳ thuế;

- “Trường hợp hoàn thuế”: Ghi rõ đề nghị hoàn trả theo quy định tại điểm, khoản, Điều của văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;

- KBNN: Kho bạc Nhà nước

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ BAN HÀNH
QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ - ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc hoàn thuế kiêm bù trừ thu ngân sách nhà nước

CHỨC DANH THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ RA QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ các Luật thuế, Luật phí và lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Quyết định số ngày ... tháng ... năm ... của quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của <Tổng cục Thuế/Cục Thuế/Chi cục Thuế/Chi cục Đội Thuế>;

Căn cứ <Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu NSNN/Văn bản đề nghị xử lý khoản nộp thừa>, <mã giao dịch điện tử (nếu có)> số ... ngày ... tháng ... năm ... và các tài liệu kèm theo của: ...<Tên người nộp thuế, mã số thuế>...;

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hoàn trả cho:.....

Mã số thuế:.....

Địa chỉ:.....

Tổng số tiền thuế là: đồng

(bằng chữ:).

Trong đó:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tiêu mục	Kỳ hoàn	Số tiền thuế được hoàn	Trường hợp hoàn thuế
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Tổng cộng				

<Chi tiết số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa được hoàn trả tại Phụ lục số 01/PL-HTNT kèm theo (đối với trường hợp hoàn nộp thừa)>

Điều 2. Phân bù trừ với các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước (NSNN)

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Mã số thuế	Tiêu mục	Cơ quan quản lý thu được bù trừ	Số tiền bù trừ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

Tổng cộng				

<Chi tiết số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt được bù trừ tại Phụ lục số 01/PL-BT kèm theo>

Điều 3. Phần còn lại được hoàn trả sau khi bù trừ với các khoản còn phải nộp Ngân sách Nhà nước: đồng (*bằng chữ:*)

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tiêu mục	Kỳ hoàn	Số tiền thuế được hoàn
(1)	(2)	(3)	(4)
Tổng cộng			

<Chi tiết số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa còn lại được hoàn trả sau khi bù trừ với các khoản còn phải nộp Ngân sách Nhà nước tại Phụ lục số 01/PL-HTNT kèm theo (đối với trường hợp hoàn nộp thừa)>

Hình thức hoàn trả:

☐ Chuyển khoản: Tên chủ tài khoản.....

Số tài khoản: Tại Ngân hàng (KBNN)

☐ Tiền mặt:

Tên người nhận tiền:.....

DDCN CMND/CCCD/Hộ chiếu số: Ngày cấp: .../.../... Nơi cấp:

Nơi nhận tiền hoàn thuế: Kho bạc Nhà nước

Điều 4. Trả tiền lãi cho thời gian <ghi rõ số ngày> chậm giải quyết hồ sơ hoàn thuế của cơ quan thuế là đồng.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

<Tên người nộp thuế>, <Trưởng các bộ phận liên quan của cơ quan thuế> chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- KK,
- Lưu VT, ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ
BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú:

- Phần nội dung ghi trong dấu < > chỉ là giải thích hoặc ví dụ, cơ quan thuế căn cứ vào hồ sơ cụ thể để điền thông tin tương ứng.

- “Kỳ hoàn”: Ghi rõ từ kỳ đến kỳ đối với trường hợp kỳ hoàn thuế kéo dài trên 1 kỳ tính thuế;

- “Trường hợp hoàn thuế”: Ghi rõ đề nghị hoàn trả theo quy định tại điểm, khoản, Điều của văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;

- NSNN: Ngân sách Nhà nước

- KBNN: Kho bạc Nhà nước

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....thángnăm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ MIỄN (GIẢM)

<tên khoản thu thuộc NSNN được miễn (giảm)>

Kính gửi: ...<Tên cơ quan thuế>.....

[01] Tên người nộp thuế:

[02] Mã số thuế:

[03] Địa chỉ (đối với tổ chức):

[03a] Phường/xã.....[03b] Quận/huyện: [03c]

Tỉnh/thành phố:.....

[04] Điện thoại: [05] Fax: [06] E-mail:

[07] Mã định danh cá nhân:

Đề nghị được miễn (giảm) < tên khoản thu thuộc NSNN được miễn (giảm)> với lý do và <số tiền miễn (giảm)> cụ thể như sau:

1. Lý do đề nghị miễn (giảm):

-

<Ghi rõ loại khoản thu đề nghị miễn (giảm); căn cứ pháp lý và căn cứ thực tế đề nghị miễn (giảm) thuế: thuộc đối tượng, trường hợp được miễn (giảm) nào, lý do cụ thể như: thiên tai, dịch họa, tai nạn bất ngờ (ghi cụ thể số tài sản bị thiệt hại, số lỗ)... Trường hợp đề nghị miễn (giảm) thuế tài nguyên thì cần ghi rõ thêm loại tài nguyên, địa điểm, hình thức khai thác, nơi tiêu thụ>.

2. Xác định số thuế được miễn (giảm):

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên khoản thu thuộc NSNN được miễn (giảm)	Kỳ tính thuế/Khoảng thời gian đề nghị miễn (giảm)	Số tiền đề nghị miễn (giảm)	Số tiền đã nộp (nếu có)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1				
2				
....				
	Cộng			

3. Tài liệu gửi kèm: (ghi rõ tên tài liệu, bản chính hay bản sao)

(1)

(2)

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

<Xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (như UBND xã, phường, thị trấn/ cơ quan kiểm lâm trực tiếp quản lý rừng/....)>

Ghi chú: Phần nội dung ghi trong dấu < > chỉ là trường hợp ví dụ, người nộp thuế căn cứ vào hồ sơ cụ thể để xác nhận theo quy định.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....thángnăm

BIÊN BẢN
Xác định mức độ, giá trị thiệt hại về tài sản

Căn cứ...

Hôm nay, hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm.....

Tại:.....

Chúng tôi gồm:

1..... Chức vụ:

2..... Chức vụ:

Cá nhân/tổ chức có tài sản bị thiệt hại là:

Tên cá nhân/tổ chức:.....- Mã số

thuế:.....;

Giấy định danh cá nhân ~~CMND~~/Hộ chiếu/Chứng nhận đăng ký kinh doanh/Chứng nhận
đăng ký hoạt động số:..... do..... cấp ngày

Địa chỉ:.....

Với sự chứng kiến của:

1. Ông (bà)..... Nghề nghiệp:

Giấy định danh cá nhân ~~chứng minh nhân dân~~/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:.....

Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú:.....

2. Ông (bà)..... Nghề nghiệp:

Giấy định danh cá nhân ~~chứng minh nhân dân~~/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:.....

Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Tiến hành lập biên bản xác định mức độ, giá trị tài sản bị thiệt hại như sau:

1. Nguyên nhân gây thiệt hại:

(Nêu rõ sự kiện, địa điểm và thời điểm xảy ra sự kiện gây thiệt hại)

.....

2. Xác định mức độ, giá trị thiệt hại về tài sản:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên tài sản	Số lượng	Giá trị thiệt hại	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1				
....				
	Tổng cộng			

Biên bản này gồm có..... trang, được lập thành..... bản có nội dung và giá trị pháp lý như nhau.

Sau khi đọc lại biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản, không có ý kiến gì khác và cùng ký xác nhận vào từng trang của biên bản hoặc có ý kiến bổ sung khác (nếu có) như sau:.....

**CÁ NHÂN HOẶC ĐẠI DIỆN TÒ CHỨC
CÓ TÀI SẢN BỊ THIẾT HẠI**

Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN

Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

NGƯỜI CHỨNG KIẾN

Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN CÓ
THẨM QUYỀN**

Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ APPLICATION

Áp dụng miễn, giảm thuế theo Hiệp định thuế giữa Việt Nam và (tên Nước/Vùng lãnh thổ ký kết) đối với

For tax exemption or reduction under the Avoidance of Double Taxation Agreement between Viet Nam and (name of the Contracting State/Party) for

☐ Tổ chức (Entity)

☐ Cá nhân (Individual)

1. Đối tượng được miễn, giảm thuế theo Hiệp định thuế: ☐

1. Beneficial owner entitled to tax exemption, reduction under the Agreement

1.1	Tên đầy đủ:(viết hoa) Full name:(in capitals) Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề ☐ Business license or Profession practicing license Hộ chiếu ☐ Passport Số (No.): Ngày cấp:...../...../..... tại Cơ quan cấp..... Date of issue in issuing agency
1.2	Tên sử dụng trong giao dịch (nếu là tổ chức) Name used in transaction (for entity only)
1.3.a	Địa chỉ tại Việt Nam:..... Address in Viet Nam Số điện thoại (Tel):..... Số Fax (Fax): E-mail: Địa chỉ trên là (The above address is): Văn phòng DD ☐ Cơ sở thường trú ☐ Nơi làm việc ☐ Nơi lưu trú ☐ Rep Office Permanent Establishment Workplace Domicile Khác ☐ Nêu rõ:..... Other Specify
1.3.b	Địa chỉ giao dịch hoặc làm việc tại Việt Nam (nếu khác với địa chỉ nêu trên)..... Address of transaction or of working place in Viet Nam (if other than the above address) Số điện thoại (Tel):..... Số Fax (Fax): E-mail:
1.4	Mã số thuế tại Việt Nam: Tax identification number in Viet Nam Nếu không có nêu lý do If there is no TIN, state the reason
1.5	Thời gian dự kiến thực hiện hoạt động (hoặc ở) tại Việt Nam: Expected duration of operation carried out (or stay) in Viet Nam
1.6	Quốc tịch: Nước ký kết ☐ Nước khác ☐ Nationality Contracting State Other
1.7	Địa chỉ tại Nước ký kết: Address in Contracting State Số điện thoại (Tel):.....

	Số Fax (Fax): E-mail: Địa chỉ trên là (The above address is): Nơi làm việc ☐ Nơi thường trú ☐ Khác ☐ Nêu rõ: <i>Workplace Domicile Other Specify</i>		
1.8	Tư cách pháp lý tại Nước ký kết (Legal status in Contracting State):		
	Pháp nhân (Legal entity)	☐	Cá nhân (Individual)
	Liên danh không tạo pháp nhân <i>Partnership not forming legal entity</i>	☐	Khác (Nêu rõ.....) <i>Other (Specify)</i>
1.9	Mã số thuế tại Nước ký kết..... Tax identification number in Contracting State Nếu không có nêu lí do If there is no TIN, state the reason		

2. Đại diện được uỷ quyền: ☐

2. Authorized representative

2.1	Tên đầy đủ:(viết hoa) Full name:(in capitals) Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề ☐ <i>Business license or Profession practicing license</i> Hộ chiếu ☐ ĐDCN CMND/CCCD ☐ <i>Passport ID</i> Khác(nêu rõ) ☐ <i>Other (Specify)</i> Số (No.): Ngày cấp:...../...../..... tại Cơ quan cấp..... Date of issue in issuing agency		
2.2	Địa chỉ (address):..... Số điện thoại (Tel):..... Số Fax:..... E-mail:.....		
2.3	Mã số thuế:..... Tax identification number Nếu không có nêu lí do If there is no TIN, state the reason		
2.4	Giấy uỷ quyền số: ngày Letter of attorney dated		
2.5	Tư cách pháp lý (Legal status)		
	Pháp nhân (Legal entity)	☐	Cá nhân hành nghề độc lập <i>Individual practicing independent service</i>
	Liên danh không tạo thành pháp nhân <i>Partnership not forming legal entity</i>	☐	Khác (Nêu rõ.....) <i>Other (Specify)</i>
	Đại lý thuế (Tax agent)	☐	

3. Đối tượng chi trả thu nhập/sử dụng lao động:

3. Income payer/employer

(Trường hợp nhiều đối tượng chi trả thu nhập hoặc sử dụng lao động, phải lập bảng kê kèm theo Văn bản đề nghị này với đầy đủ các thông tin dưới đây)

(In case of more than one income payer or employer, a list thereof must be made together with this Application with all the information below)

3.1.	Tên đầy đủ (Full name):..... Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề ☐ <i>Business license or Profession practicing license</i> Hộ chiếu ☐ ĐDCN CMND/CCCD ☐ <i>Passport ID</i> Khác (nếu rõ) ☐ <i>Other (Specify)</i> Số (No.): Ngày cấp:...../...../..... tại Cơ quan cấp..... <i>Date of issue in issuing agency</i>			
3.2.	Địa chỉ (address):..... Số điện thoại (Tel):..... Số Fax:.....E-mail:.....			
3.3.	Mã số thuế:..... <i>Tax identification number</i> Nếu không có nêu lý do: <i>If there is no TIN, state the reason</i>			
3.4.	Tư cách pháp lý (Legal status)			
	Pháp nhân (Legal entity)	☐	Cá nhân hành nghề độc lập <i>Individual practicing independent service</i>	☐
	Liên danh không tạo pháp nhân <i>Partnership not forming legal entity</i>	☐	Khác (Nêu rõ:.....) <i>Other (Specify)</i>	☐

4. Nội dung miễn, giảm thuế:

Contents relating to tax exemption, reduction

4.1. Loại và tổng số thu nhập ước tính đề nghị miễn, giảm thuế

Type of income and estimated total income applying for tax exemption, reduction

4.1.1. Loại thu nhập (Type of income):

- ☐ Thu nhập từ bất động sản (Income from immovable property)
- ☐ Thu nhập kinh doanh (Business profit)
- ☐ Thu nhập từ vận tải quốc tế (Income from international traffic)
- ☐ Thu nhập từ tiền lãi cổ phần (Dividends)
- ☐ Thu nhập từ lãi tiền cho vay (Interest)
- ☐ Thu nhập từ tiền bản quyền (Royalties)
- ☐ Thu nhập từ chuyển nhượng tài sản (Gains from the alienation of property)
- ☐ Thu nhập từ hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập (Income from independent personal services)
- ☐ Thu nhập từ tiền lương, tiền công (Salaries, wages)
- ☐ Thù lao giám đốc (Directors' fees)
- ☐ Thu nhập của nghệ sĩ và Vận động viên (Entertainers and Sportsmen)
- ☐ Thu nhập từ tiền lương hưu (Pensions)
- ☐ Thu nhập từ phục vụ Chính phủ (Government service)
- ☐ Thu nhập của sinh viên và Thực tập sinh (Students and Apprentices)

☐ Thu nhập của giáo viên, Giáo sư và Nhà nghiên cứu (Teachers, Professors and Researchers)

☐ Thu nhập khác (Other income). Nêu rõ (Specify):

4.1.2. Tổng số thu nhập (Total income):

4.2. Thời gian phát sinh thu nhập:

Income-generating duration

4.3. Số thuế đề nghị miễn, giảm (hoặc mức thuế suất đề nghị áp dụng Hiệp định thuế trong trường hợp đề nghị áp dụng mức thuế suất giảm):

Tax amount applying for exemption, deduction (or tax rate applying for application of the Agreement in case of applying for the reduced tax rate)

5. Thông tin về giao dịch phát sinh thu nhập liên quan đến áp dụng Hiệp định thuế:

Information on transactions deriving the income liable to the tax amount applying for application of the Agreement

5.1. Giải trình tóm tắt về hoạt động kinh doanh/giao dịch phát sinh thu nhập:

Brief description of the business/transactions generating the income

.....

5.2. Giải trình khác

Other descriptions

.....

5.3. Tài liệu gửi kèm:

Enclosed documents

i)

ii)

iii)

.....

Tôi cam kết các thông tin và tài liệu đã cung cấp là trung thực và đầy đủ và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin và tài liệu này./.

I pledge hereby that the supplied information and documents are true and complete and I shall take responsibility before law for these information and documents./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ CERTIFIED TAX AGENT

Họ và tên:

Full name

Chứng chỉ hành nghề số:

Profession licence No.:

....., ngày.....thángnăm

....., day.....monthyear

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

TAXPAYER or

LEGAL REPRESENTATIVE OF TAXPAYER

(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

(Sign, full name, title, and seal)

GIẤY ĐỀ NGHỊ
KHẤU TRỪ THUẾ NƯỚC NGOÀI VÀO THUẾ PHẢI NỘP TẠI VIỆT NAM
THEO HIỆP ĐỊNH THUẾ GIỮA VIỆT NAM VÀ (tên Nước/Vùng lãnh thổ ký kết).....
(Áp dụng cho các tổ chức, cá nhân là đối tượng cư trú của Việt Nam)

Đề nghị đánh dấu (x) vào ô trống thích hợp:

☐ Áp dụng cho tổ chức

☐ Áp dụng cho cá nhân

I. ĐỐI TƯỢNG ĐỀ NGHỊ

1. Người nộp thuế:

1.1.	Tên đầy đủ:..... Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề ☐ ĐDCN CMND/CCCD ☐ Hộ chiếu ☐ Số: Ngày cấp:...../...../..... tại Cơ quan cấp:.....																		
1.2.	Tên sử dụng trong giao dịch:.....																		
1.3.	Tư cách pháp lý <table style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 50%; border-bottom: 1px solid black;">Pháp nhân</td> <td style="width: 5%; text-align: center;">☐</td> <td style="width: 40%; border-bottom: 1px solid black;">Cá nhân hành nghề độc lập</td> <td style="width: 5%; text-align: center;">☐</td> </tr> <tr> <td style="border-bottom: 1px solid black;">Liên danh không tạo pháp nhân</td> <td style="text-align: center;">☐</td> <td style="border-bottom: 1px solid black;">Cá nhân hành nghề phụ thuộc</td> <td style="text-align: center;">☐</td> </tr> <tr> <td style="border-bottom: 1px solid black;">Khác</td> <td style="text-align: center;">☐</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td colspan="4" style="border-bottom: 1px solid black;">Nêu rõ:.....</td> </tr> </table>			Pháp nhân	☐	Cá nhân hành nghề độc lập	☐	Liên danh không tạo pháp nhân	☐	Cá nhân hành nghề phụ thuộc	☐	Khác	☐			Nêu rõ:.....			
Pháp nhân	☐	Cá nhân hành nghề độc lập	☐																
Liên danh không tạo pháp nhân	☐	Cá nhân hành nghề phụ thuộc	☐																
Khác	☐																		
Nêu rõ:.....																			
1.4. a.	Địa chỉ tại Việt Nam:..... Số điện thoại:.....Số Fax: E-mail: Địa chỉ trên là: Trụ sở chính ☐ Nhà ở thường trú ☐ Khác ☐ Nêu rõ:																		
1.4. b.	Địa chỉ giao dịch tại Việt Nam (nếu khác với địa chỉ nêu trên)..... Số điện thoại:..... Số Fax: E-mail:																		
1.5.	Quốc tịch: <table style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 33%; border-bottom: 1px solid black;">Việt Nam ☐</td> <td style="width: 33%; border-bottom: 1px solid black;">Nước ký kết ☐</td> <td style="width: 34%; border-bottom: 1px solid black;">Nước khác☐</td> </tr> </table>			Việt Nam ☐	Nước ký kết ☐	Nước khác ☐													
Việt Nam ☐	Nước ký kết ☐	Nước khác ☐																	
1.6.	Mã số thuế tại Việt Nam (nếu có):																		
1.7. a.	Địa chỉ tại Nước ký kết:..... Số điện thoại:.....Số Fax: E-mail:..... Địa chỉ trên là: Văn phòng ☐ Cơ sở thường trú ☐ Nơi làm việc ☐ Nơi lưu trú ☐ Khác ☐ Nêu rõ:																		
1.7. b.	Địa chỉ giao dịch tại Nước ký kết (nếu khác với địa chỉ nêu trên)..... Số điện thoại:.....Số Fax: E-mail:																		
1.8.	Mã số thuế tại Nước ký kết (nếu có).....																		

2. Đại diện được uỷ quyền¹: ☐

¹ Trường hợp người nộp thuế uỷ quyền cho đại diện hợp pháp thực hiện các thủ tục áp dụng Hiệp định thuế, bên được uỷ quyền phải kê khai đầy đủ các thông tin kể cả phần I.2. của Giấy đề nghị này.

2.1.	Tên đầy đủ:..... <i>Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề</i> ☐ ĐDCN CMND/CCCD ☐ <i>Hộ chiếu</i> ☐ Số: Ngày cấp:...../...../..... tại Cơ quan cấp.....			
2.2.	Địa chỉ:..... Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:.....			
2.3.	Mã số thuế (nếu có):.....			
2.4.	Giấy uỷ quyền số: ngày			
2.5.	Tư cách pháp lý			
	<i>Pháp nhân</i>	☐	<i>Cá nhân hành nghề phụ thuộc</i>	☐
	<i>Liên danh không tạo pháp nhân</i>	☐	<i>Khác</i>	☐
	<i>Đại lý thuế</i>	☐	<i>Nêu rõ:.....</i>	

II. ĐỐI TƯỢNG CHI TRẢ THU NHẬP

(Trường hợp nhiều đối tượng chi trả thu nhập, phải lập bảng kê kèm theo Giấy đề nghị này với đầy đủ các thông tin dưới đây)

1.	Tên đầy đủ:..... <i>Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề</i> ☐ ĐDCN CMND/CCCD ☐ <i>Hộ chiếu</i> ☐ Số: Ngày cấp:...../...../..... tại Cơ quan cấp.....			
2.	Địa chỉ:..... Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:.....			
3.	Mã số thuế (nếu có):.....			
4.	Tư cách pháp lý			
	<i>Pháp nhân</i>	☐	<i>Cá nhân hành nghề phụ thuộc</i>	☐
	<i>Liên danh không tạo pháp nhân</i>	☐	<i>Khác</i>	☐
			<i>Nêu rõ:.....</i>	

III. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ

1. Năm đề nghị áp dụng Hiệp định thuế:
2. Đối tượng đề nghị khấu trừ thuế đã nộp ở nước ngoài điền các thông tin được ghi tại các mục dưới đây.
 - 2.1. Số thuế đề nghị khấu trừ trực tiếp
 - Số thu nhập chịu thuế ở nước ngoài:.....
 - Loại thu nhập:
 - Thời gian phát sinh thu nhập:
 - Thuế suất:
 - Số thuế đã nộp ở nước ngoài:
 - 2.2. Số thuế khoán đề nghị khấu trừ:
 - Số thu nhập nhận được ở nước ngoài thuộc diện khoán thuế:

- Loại thu nhập:
- Thời gian phát sinh thu nhập:
- Thuế suất:
- 2.3. Số thuế đề nghị khấu trừ gián tiếp:
- Số thu nhập chịu thuế ở nước ngoài:
- Loại thu nhập:
- Thời gian phát sinh thu nhập:
- Thuế suất:
- Số thuế đã nộp ở nước ngoài:

IV. THÔNG TIN VỀ GIAO DỊCH PHÁT SINH THU NHẬP LIÊN QUAN ĐẾN SỐ THUẾ ĐỀ NGHỊ ÁP DỤNG HIỆP ĐỊNH THUẾ

1. Giải trình tóm tắt về giao dịch:
.....
.....
2. Giải trình khác:
.....
3. Tài liệu gửi kèm:
1.
2.
3.

Tôi cam đoan các thông tin, tài liệu đã cung cấp là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, tài liệu này./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

....., ngàythángnăm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ DỰ KIẾN¹

Áp dụng miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Việt Nam và (tên Nước/Vùng lãnh thổ ký kết) đối với các tổ chức nhận tái bảo hiểm nước ngoài có thu nhập từ kinh doanh, không thực hiện chế độ kế toán Việt Nam

1. Đối tượng được miễn, giảm thuế theo Hiệp định thuế: ☐

1.1	Tên đầy đủ:(viết hoa)		
	Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề số.....		
	Ngày cấp:...../...../..... tại Cơ quan cấp.....		
1.2	Tên sử dụng trong giao dịch.....		
1.3.a	Địa chỉ tại Việt Nam:.....		
	Số điện thoại:.....Số Fax: E-mail:		
	Địa chỉ trên là:		
	A. Nơi làm việc ☐ B. Nơi lưu trú ☐ C. Văn phòng DD ☐ D. Cơ sở thường trú ☐		
	E. Khác ☐ Nêu rõ:.....		
1.3.b	Địa chỉ giao dịch tại Việt Nam (nếu khác với địa chỉ nêu trên).....		
	Số điện thoại:.....		
	Số Fax: E-mail:		
1.4	Mã số thuế tại Việt Nam): Nếu không có nêu lý do:.....		
1.5	Thời gian có mặt tại Việt Nam hoặc thực hiện hoạt động tại Việt Nam:		
1.6	Địa chỉ tại Nước ký kết:		
	Số điện thoại:.....		
	Số Fax: E-mail:		
1.7	Tư cách pháp lý tại Nước ký kết:		
	A. Pháp nhân	☐	B. Liên danh không tạo pháp nhân ☐
	AB. Khác (Nêu rõ.....)		☐
1.8	Mã số thuế tại Nước ký kết: Nếu không có nêu lý do:.....		

2. Đại diện được uỷ quyền: ☐

2.1	Tên đầy đủ:(viết hoa)		
	A. ĐDCN CMND/CCCD ☐ B. Hộ chiếu ☐ C. Giấy chứng nhận kinh doanh/đầu tư ☐		
	D. Khác(nêu rõ) ☐		
	Số:		
	Ngày cấp:...../...../..... tại Cơ quan cấp.....		
2.2	Địa chỉ:.....		
	Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:.....		
2.3	Mã số thuế:..... Nếu không có nêu lý do		
2.4	Giấy uỷ quyền số ngày.....		

¹ Văn bản đề nghị dự kiến được lập thành 02 bản: 01 bản do đối tượng đề nghị áp dụng Hiệp định thuế giữ và 01 bản lưu tại cơ quan thuế.

2.5	Tư cách pháp lý:			
	A. Pháp nhân	☐	D. Cá nhân hành nghề phụ thuộc	☐
	B. Liên danh không tạo thành pháp nhân	☐	E. Khác (Nêu rõ.....)	☐
	C. Đại lý thuế (nếu có)	☐		

3. Đối tượng chi trả thu nhập:

(Trường hợp nhiều đối tượng chi trả thu nhập, phải lập bảng kê kèm theo Văn bản đề nghị này)

3.1	Tên đầy đủ:(viết hoa) A. ĐDCN CMND/CCCD ☐ B. Hộ chiếu ☐ C. Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề ☐ D. Khác(nêu rõ) ☐ Số: Ngày cấp:...../...../..... tại Cơ quan cấp.....			
3.2	Địa chỉ:..... Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:.....			
3.3	Mã số thuế:..... Nếu không có nêu lí do			
3.4	Tư cách pháp lý:			
	A. Pháp nhân	☐	C. Cá nhân hành nghề độc lập	☐
	B. Liên danh không tạo pháp nhân	☐	D. Khác (Nêu rõ.....)	☐

4. Nội dung miễn, giảm thuế:

- 4.1. Số thuế dự kiến đề nghị miễn, giảm (nếu có):
- 4.2. Mức thuế suất đề nghị áp dụng (trong trường hợp đề nghị áp dụng mức thuế suất giảm):
- 4.3. Thời gian phát sinh thu nhập (ghi rõ năm đề nghị áp dụng Hiệp định thuế):

5. Thông tin về giao dịch phát sinh thu nhập liên quan đến áp dụng Hiệp định thuế:

- 5.1. Giải trình tóm tắt về giao dịch:

.....

.....

- 5.2. Giải trình khác:

- 5.3. Tài liệu gửi kèm:

i) Bản gốc/bản sao đã được chứng thực Giấy chứng nhận cư trú do cơ quan thuế của nước cư trú cấp đã được hợp pháp hoá lãnh sự (cho năm ngay trước năm nộp Văn bản đề nghị dự kiến²): ☐

ii) Bảng kê các hợp đồng tái bảo hiểm đã hoặc dự kiến ký kết với các tổ chức, cá nhân tại Việt Nam (mẫu số 01-1/TBH-TB ban hành kèm theo phụ lục I Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính); ☐

iii) Giấy uỷ quyền (trong trường hợp uỷ quyền); ☐

iv) Tài liệu khác (nếu có). ☐

Tôi cam đoan các thông tin, tài liệu đã cung cấp là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, tài liệu này./.

² Trường hợp đã nộp cho cơ quan thuế bản gốc Giấy chứng nhận cư trú trong năm trước đó, có thể nộp bản sao Giấy chứng nhận cư trú đã được chứng thực.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày tháng năm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ***Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu***Ghi chú:**

1. Đề nghị đánh dấu (x) vào ô trống thích hợp.
2. Trường hợp người nộp thuế ủy quyền cho đại diện hợp pháp thực hiện thủ tục áp dụng Hiệp định thuế, bên ủy quyền và bên được ủy quyền phải kê khai đầy đủ các thông tin kể cả phần 1 và 2 của Văn bản đề nghị này.

PHẦN DÀNH CHO CƠ QUAN THUẾ

Cục Thuế Chi cục Thuế

Xác nhận Công ty

Mã số thuế:

Địa chỉ:

1. Đã nộp đầy đủ Hồ sơ đề nghị dự kiến thuộc diện miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Việt Nam và

2. Công ty được tạm thời chưa phải nộp thuế TNDN đối với thu nhập phát sinh từ các hợp đồng tái bảo hiểm đã ký và sẽ ký kết với các công ty tái bảo hiểm Việt Nam trong năm (ghi rõ năm đề nghị áp dụng Hiệp định).

3. Trong vòng quý I của năm (ghi rõ năm liền kề năm đề nghị áp dụng Hiệp định thuế), Công ty có trách nhiệm gửi cho Cục Thuế Chi cục Thuế Hồ sơ đề nghị chính thức gồm:

i) Văn bản đề nghị chính thức theo mẫu số 02/TBH-TB ban hành kèm theo phụ lục I Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

ii) Bản gốc Giấy chứng nhận cư trú đã được hợp pháp hoá lãnh sự của năm tính thuế (ghi rõ năm đề nghị áp dụng Hiệp định thuế trong trường hợp tại thời điểm nộp Văn bản đề nghị (dự kiến) chưa có Giấy chứng nhận cư trú của năm đề nghị áp dụng Hiệp định thuế);

iii) Bản sao có xác nhận của người nộp thuế các Hợp đồng tái bảo hiểm đã thực hiện trong năm (bao gồm cả những hợp đồng đã có trong kế hoạch và những hợp đồng ngoài kế hoạch đã gửi cơ quan thuế) nhưng chưa nộp cho cơ quan thuế;

iv) Bảng kê các hợp đồng tái bảo hiểm đã thực hiện với tổ chức, cá nhân tại Việt Nam trong năm theo mẫu số 02-1/TBH-TB ban hành kèm theo phụ lục I Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

v) Giấy ủy quyền (trong trường hợp ủy quyền).

....., ngày tháng năm

CỤC TRƯỞNG CHI CỤC TRƯỞNG**(hoặc) KT. CỤC TRƯỞNG CHI CỤC TRƯỞNG****PHÓ CỤC TRƯỞNG CHI CỤC TRƯỞNG***(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHÍNH THỨC
(Tiếp theo Văn bản đề nghị dự kiến ngày/...../.....)

Áp dụng miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Việt Nam và đối với
các tổ chức nhận tài bảo hiểm nước ngoài có thu nhập từ kinh doanh không thực hiện chế độ kế
toán Việt Nam

1. Đối tượng được miễn, giảm thuế theo Hiệp định thuế:

1.1	Tên đầy đủ:(viết hoa)		
	Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề số:.....		
	Ngày cấp:...../...../..... tại Cơ quan cấp.....		
1.2	Tên sử dụng trong giao dịch.....		
1.3.a	Địa chỉ tại Việt Nam:.....		
	Số điện thoại:.....Số Fax: E-mail:		
	Địa chỉ trên là:		
	A. Nơi làm việc ☐ B. Nơi lưu trú ☐ C. Văn phòng ĐD ☐ D. Cơ sở thường trú ☐		
	E. Khác ☐ Nếu rõ:.....		
1.3.b	Địa chỉ giao dịch tại Việt Nam (nếu khác với địa chỉ nêu trên).....		
	Số điện thoại:.....Số Fax: E-mail:		
1.4	Mã số thuế tại Việt Nam):		
	Nếu không có nêu lí do.....		
1.5	Thời gian có mặt tại Việt Nam hoặc thực hiện hoạt động tại Việt Nam:		
1.6	Địa chỉ tại Nước ký kết:		
	Số điện thoại:.....Số Fax: E-mail:		
1.7	Tư cách pháp lý tại Nước ký kết:		
	A. Pháp nhân	☐	B. Liên danh không tạo pháp nhân
	C. Khác (Nếu rõ.....)	☐	
1.8	Mã số thuế tại Nước ký kết.....		
	Nếu không có nêu lí do		

2. Đại diện được uỷ quyền:

2.1	Tên đầy đủ:(viết hoa)		
	A. ĐDCN C/MND/CCCD ☐ B. Hộ chiếu ☐ C. Giấy chứng nhận kinh doanh/đầu tư		
	☐		
	D. Khác(nêu rõ) ☐		
	Số:		
	Ngày cấp:...../...../..... tại Cơ quan cấp.....		
2.2	Địa chỉ:.....		
	Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:.....		
2.3	Mã số thuế:.....		
	Nếu không có nêu lí do.....		
2.4	Giấy uỷ quyền sốngày.....		
2.5	Tư cách pháp lý		
	A. Pháp nhân	☐	D. Cá nhân hành nghề phụ thuộc
	B. Liên danh không tạo thành pháp nhân	☐	E. Khác
	C. Đại lý thuế	☐	(Nếu rõ.....)

3. Đối tượng chi trả thu nhập:

(Trường hợp nhiều đối tượng chi trả thu nhập, phải lập bảng kê kèm theo Văn bản đề nghị này)

3.1	Tên đầy đủ:(viết hoa) A. ĐDCN CAND/CCCD ☐ B. Hộ chiếu ☐ C. Giấy chứng nhận kinh doanh/đầu tư ☐ D. Khác(nêu rõ) ☐ Số: Ngày cấp:...../...../..... tại Cơ quan cấp.....										
3.2	Địa chỉ:..... Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:.....										
3.3	Mã số thuế:..... Nếu không có nêu lí do.....										
3.4	Tư cách pháp lý: <table border="1" style="width:100%;"> <tr> <td>A. Pháp nhân</td> <td>☐</td> <td>C. Cá nhân hành nghề độc lập</td> <td>☐</td> </tr> <tr> <td>B. Liên danh không tạo pháp nhân</td> <td>☐</td> <td>D. Khác (Nêu rõ.....)</td> <td>☐</td> </tr> </table>			A. Pháp nhân	☐	C. Cá nhân hành nghề độc lập	☐	B. Liên danh không tạo pháp nhân	☐	D. Khác (Nêu rõ.....)	☐
A. Pháp nhân	☐	C. Cá nhân hành nghề độc lập	☐								
B. Liên danh không tạo pháp nhân	☐	D. Khác (Nêu rõ.....)	☐								

4. Nội dung miễn, giảm thuế:

- 4.1. Số thuế đề nghị miễn, giảm (ghi rõ số tiền):
- 4.2. Mức thuế suất đề nghị áp dụng (trong trường hợp đề nghị áp dụng mức thuế suất giảm):
- 4.3. Thời gian phát sinh thu nhập (ghi rõ năm đề nghị áp dụng Hiệp định thuế):

5. Thông tin về giao dịch phát sinh thu nhập liên quan đến áp dụng Hiệp định thuế:

5.1. Giải trình tóm tắt về giao dịch:

.....

5.2. Giải trình khác:

5.3. Tài liệu gửi kèm:

i) Bản gốc (hoặc bản sao đã được chứng thực) Giấy chứng nhận cư trú do Cơ quan thuế của nước cư trú cấp đã được hợp pháp hoá lãnh sự trong năm tính thuế đó; ☐

ii) Bản sao có xác nhận của người nộp thuế các Hợp đồng tái bảo hiểm đã thực hiện trong năm (bao gồm cả những hợp đồng đã có trong kế hoạch và những hợp đồng ngoài kế hoạch đã gửi cơ quan thuế) nhưng chưa nộp cho cơ quan thuế; ☐

iii) Bảng kê các hợp đồng tái bảo hiểm đã thực hiện với các tổ chức, cá nhân tại Việt Nam trong năm theo mẫu số 02-1/TBH-TB ban hành kèm theo phụ lục I Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; ☐

iii) Giấy uỷ quyền (trong trường hợp uỷ quyền). ☐

Tôi cam đoan các thông tin, tài liệu đã cung cấp là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, tài liệu này./.

....., ngàythángnăm

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú:

- Đề nghị đánh dấu (x) vào ô trống thích hợp.
- Trường hợp người nộp thuế uỷ quyền cho đại diện hợp pháp thực hiện thủ tục áp dụng Hiệp định thuế, bên uỷ quyền và bên được uỷ quyền phải kê khai đầy đủ các thông tin kê cả phần 1 và 2 của Văn bản đề nghị này.

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ... /QĐ-TCT

....., ngày tháng năm.....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt
đối với ...(tên người nộp thuế)...

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THUẾ

Căn cứ Luật quản lý thuế;

Căn cứ Điều ... Thông tư số .../.../TT-BTC ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế Trưởng ban Ban Nghiệp vụ thuế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt tính đến thời điểm ngày ... tháng ... năm ... đối với(Tên người nộp thuế)...., mã số thuế ..., địa chỉ:...(1) với tổng số tiền là: ... đồng (viết bằng chữ: ...).

Lý do xóa nợ: ... (ghi trường hợp xóa nợ theo quy định tại khoản ... Điều 85 Luật Quản lý thuế)...

Số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt được xóa cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

STT	Loại thuế	Tiểu mục	Số tiền
1			
2			
...			
	Tổng cộng:		X

Người nộp thuế đồng thời được xóa khoản tiền chậm nộp phát sinh từ khoản tiền thuế, tiền phạt được xóa nêu trên (nếu có).

~~Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, thành phố~~ Chi cục trưởng Chi cục Thuế... chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu và các thông tin liên quan của hồ sơ đề nghị xóa nợ.

Điều 2. Căn cứ vào số tiền được xóa nêu tại Điều 1, ~~Cục Thuế tỉnh, thành phố/Chi cục Thuế~~ Chi cục Thuế/Đội Thuế..... điều chỉnh lại số tiền thuế nợ của ... (tên người nộp thuế)...

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh văn phòng Tổng Cục Thuế, ~~Vụ trưởng Vụ Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế~~ Trưởng ban Ban Nghiệp vụ thuế, ~~Cục trưởng Cục Thuế tỉnh/thành phố~~ Chi cục trưởng Chi cục Thuế... và (hoặc) ~~Chi cục trưởng Chi cục Thuế~~ Đội trưởng Đội Thuế... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh, TP...;
- ...;
- Lưu: VT,....

TỔNG CỤC TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(1) Trường hợp xóa nợ đối với cá nhân, cá nhân kinh doanh, chủ hộ gia đình, chủ hộ kinh doanh, chủ doanh nghiệp tư nhân và chủ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quy định tại khoản 3 Điều 85 Luật Quản lý thuế thì phải có thêm nội dung về: họ và tên, số thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân định danh cá nhân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cá nhân, cá nhân kinh doanh, chủ hộ gia đình, chủ hộ kinh doanh, chủ doanh nghiệp tư nhân và chủ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-BTC

....., ngày tháng năm.....

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt
đối với ...(tên người nộp thuế)...**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Quản lý thuế;

*Căn cứ Điều ... Thông tư số .../.../TT-BTC ngày ... tháng ... năm ... của
Bộ trưởng Bộ Tài chính;*

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng Cục Thuế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt tính đến thời điểm
ngày ... tháng ... năm ... đối với(Tên người nộp thuế)..., mã số thuế ..., địa
chỉ:...(1) với tổng số tiền là: ... đồng (viết bằng chữ: ...).

Lý do xóa nợ: ... (ghi trường hợp xóa nợ theo quy định tại khoản ... Điều
85 Luật Quản lý thuế)...

Số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt được xóa cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

STT	Loại thuế	Tiểu mục	Số tiền
1			
2			
...			
	Tổng số:		x

Người nộp thuế đồng thời được xóa khoản tiền chậm nộp phát sinh từ
khoản tiền thuế, tiền phạt được xóa nêu trên (nếu có).

~~Cục trưởng Cục Thuế tỉnh/thành phố~~ Chi cục trưởng Chi cục Thuế... chịu
trách nhiệm về tính chính xác của số liệu và các thông tin liên quan của hồ sơ đề
nghị xóa nợ.

Điều 2. Căn cứ vào số tiền được xóa nêu tại Điều 1, ~~Cục Thuế tỉnh, thành
phố/Chi cục Thuế~~ Chi cục Thuế/Đội Thuế..... điều chỉnh lại số tiền thuế nợ của
... (tên người nộp thuế)...

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh văn phòng Bộ Tài chính, ~~Tổng Cục trưởng Tổng Cục Thuế, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, thành phố~~ Chi cục trưởng Chi cục Thuế....và (hoặc) ~~Chi cục trưởng Chi cục Thuế~~ Đội trưởng Đội Thuế... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh, TP...;
- ...;
- Lưu: VT, ...

BỘ TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(1) Trường hợp xóa nợ đối với cá nhân, cá nhân kinh doanh, chủ hộ gia đình, chủ hộ kinh doanh, chủ doanh nghiệp tư nhân và chủ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quy định tại khoản 3 Điều 85 Luật Quản lý thuế thì phải có thêm nội dung về: họ và tên, số thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân định danh cá nhân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cá nhân, cá nhân kinh doanh, chủ hộ gia đình, chủ hộ kinh doanh, chủ doanh nghiệp tư nhân và chủ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-TTg

....., ngày thángnăm.....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc xoá nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt
đối với ...(tên người nộp thuế)...

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Quản lý thuế;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xoá nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt tính đến thời điểm ngày .../.../... đối với(Tên người nộp thuế)..., mã số thuế ..., địa chỉ:...(1) với tổng số tiền là: ... đồng (viết bằng chữ: ...).

Lý do xoá nợ: ... (ghi trường hợp xoá nợ theo quy định tại khoản ... Điều 85 Luật Quản lý thuế)...

Số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt được xoá cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

STT	Loại thuế	Tiểu mục	Số tiền
1			
2			
...			
	Tổng cộng:		X

Người nộp thuế đồng thời được xoá khoản tiền chậm nộp phát sinh từ khoản tiền thuế, tiền phạt được xoá nêu trên (nếu có).

~~Cục trưởng Cục Thuế tỉnh/thành phố~~ Chỉ cục trưởng Chi cục Thuế... chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu và các thông tin liên quan của hồ sơ đề nghị xoá nợ.

Điều 2. Căn cứ vào số tiền được xoá nêu tại Điều 1, ~~Cục Thuế tỉnh, thành phố/Chi cục Thuế~~ Chi cục Thuế/Đội Thuế... điều chỉnh lại số tiền thuế nợ của ... (tên người nộp thuế)...

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính, ~~Tổng~~ Cục trưởng ~~Tổng~~ Cục Thuế, ~~Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, thành phố~~ Chi cục trưởng Chi cục Thuế... và (hoặc) ~~Chi cục trưởng Chi cục Thuế~~ Đội trưởng Đội Thuế... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh, TP...;
- ...;
- Lưu: VT, ...

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(1) *Trường hợp xóa nợ đối với cá nhân, cá nhân kinh doanh, chủ hộ gia đình, chủ hộ kinh doanh, chủ doanh nghiệp tư nhân và chủ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quy định tại khoản 3 Điều 85 Luật Quản lý thuế thì phải có thêm nội dung về: họ và tên, số thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân định danh cá nhân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cá nhân, cá nhân kinh doanh, chủ hộ gia đình, chủ hộ kinh doanh, chủ doanh nghiệp tư nhân và chủ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.*

GIẤY ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN SỐ THUẾ ĐÃ NỘP TẠI VIỆT NAM
THEO HIỆP ĐỊNH THUẾ GIỮA VIỆT NAM VÀ ... (tên Nước/Vùng lãnh thổ ký kết)
(Dành cho các tổ chức, cá nhân là đối tượng cư trú nước ngoài)

Đề nghị đánh dấu (x) vào ô trống thích hợp:

☐ Áp dụng cho tổ chức

☐ Áp dụng cho cá nhân

I. ĐỐI TƯỢNG ĐỀ NGHỊ

1. Người nộp thuế:

1.1.	Tên đầy đủ:..... Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề ☐ Hộ chiếu ☐ Số: Ngày cấp:...../...../..... tại Cơ quan cấp.....																			
1.2.	Tên sử dụng trong giao dịch:.....																			
1.3.a	Địa chỉ tại Việt Nam:..... Số điện thoại:..... Số Fax: E-mail: Địa chỉ trên là: Văn phòng DD ☐ Cơ sở thường trú ☐ Nơi làm việc ☐ Nơi lưu trú ☐ Khác ☐ Nêu rõ:																			
1.3.b.	Địa chỉ giao dịch tại Việt Nam (nếu khác với địa chỉ nêu trên):..... Số điện thoại:..... Số Fax: E-mail:																			
1.4.	Mã số thuế tại Việt Nam (nếu có):																			
1.5.	Thời gian có mặt tại Việt Nam hoặc thực hiện hoạt động tại Việt Nam:																			
1.6.	Địa chỉ tại Nước ký kết: Số điện thoại:..... Số Fax: E-mail:																			
1.7.	Tư cách pháp lý <table border="1" style="width:100%"> <tr> <td>Pháp nhân</td> <td>☐</td> <td>Cá nhân hành nghề độc lập</td> <td>☐</td> </tr> <tr> <td>Liên danh không tạo pháp nhân</td> <td>☐</td> <td>Cá nhân hành nghề phụ thuộc</td> <td>☐</td> </tr> <tr> <td>Khác</td> <td>☐</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>Nêu rõ:.....</td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> </table>				Pháp nhân	☐	Cá nhân hành nghề độc lập	☐	Liên danh không tạo pháp nhân	☐	Cá nhân hành nghề phụ thuộc	☐	Khác	☐			Nêu rõ:.....			
Pháp nhân	☐	Cá nhân hành nghề độc lập	☐																	
Liên danh không tạo pháp nhân	☐	Cá nhân hành nghề phụ thuộc	☐																	
Khác	☐																			
Nêu rõ:.....																				
1.8.	Mã số thuế tại Nước ký kết (nếu có):.....																			

2. Đại diện được uỷ quyền¹: ☐

2.1.	Tên đầy đủ:..... Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề ☐ ĐDCN CAND/CCCD ☐ Hộ chiếu ☐ Số: Ngày cấp:...../...../..... tại Cơ quan cấp.....															
2.2.	Địa chỉ:..... Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:.....															
2.3.	Mã số thuế (nếu có):.....															
2.4.	Tư cách pháp lý <table border="1" style="width:100%"> <tr> <td>Pháp nhân</td> <td>☐</td> <td>Cá nhân hành nghề phụ thuộc</td> <td>☐</td> </tr> <tr> <td>Liên doanh không tạo thành pháp nhân</td> <td>☐</td> <td>Khác</td> <td>☐</td> </tr> <tr> <td>Đại lý thuế (nếu có)</td> <td>☐</td> <td>Nêu rõ:.....</td> <td></td> </tr> </table>				Pháp nhân	☐	Cá nhân hành nghề phụ thuộc	☐	Liên doanh không tạo thành pháp nhân	☐	Khác	☐	Đại lý thuế (nếu có)	☐	Nêu rõ:.....	
Pháp nhân	☐	Cá nhân hành nghề phụ thuộc	☐													
Liên doanh không tạo thành pháp nhân	☐	Khác	☐													
Đại lý thuế (nếu có)	☐	Nêu rõ:.....														

¹ Trường hợp đối tượng nộp thuế uỷ quyền cho đại diện hợp pháp thực hiện các thủ tục áp dụng Hiệp định thuế, bên được uỷ quyền phải kê khai đầy đủ các thông tin kể cả phần 1.2. của Giấy đề nghị này.

II. ĐỐI TƯỢNG CHI TRẢ THU NHẬP

(Trường hợp nhiều đối tượng chi trả thu nhập, phải lập bảng kê kèm theo Giấy đề nghị này)

1.	Tên đầy đủ:..... Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề ☐ ĐDCN CMND/CCCD ☐ Hộ chiếu ☐ Số: Ngày cấp:...../...../..... tại Cơ quan cấp.....														
2.	Địa chỉ:..... Số điện thoại:..... Số Fax:.....E-mail:.....														
3.	Mã số thuế (nếu có):.....														
4.	Tư cách pháp lý <table border="1" style="width:100%"> <tr> <td>Pháp nhân</td> <td>☐</td> <td>Cá nhân hành nghề phụ thuộc</td> <td>☐</td> </tr> <tr> <td>Liên danh không tạo pháp nhân</td> <td>☐</td> <td>Khác</td> <td>☐</td> </tr> <tr> <td colspan="2"></td> <td>Nêu rõ:.....</td> <td></td> </tr> </table>			Pháp nhân	☐	Cá nhân hành nghề phụ thuộc	☐	Liên danh không tạo pháp nhân	☐	Khác	☐			Nêu rõ:.....	
Pháp nhân	☐	Cá nhân hành nghề phụ thuộc	☐												
Liên danh không tạo pháp nhân	☐	Khác	☐												
		Nêu rõ:.....													

III. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ

1. Năm đề nghị áp dụng Hiệp định thuế:
2. Đối tượng đề nghị, tùy theo mục đích xin áp dụng Hiệp định thuế, lựa chọn và điền các thông tin được ghi tại các mục từ mục a đến b dưới đây.

a. Xác nhận số thuế đã nộp tại Việt Nam: ☐

- a.1. Số thu nhập chịu thuế tại Việt Nam:
- a.2. Loại thu nhập:
- a.3. Thời gian phát sinh thu nhập:
- a.4. Số thuế đã nộp:

b. Xác nhận số thuế phát sinh tại Việt Nam nhưng không phải nộp do được hưởng ưu đãi thuế: ☐

- b.1. Số thu nhập thuộc diện được ưu đãi:
- b.2. Loại thu nhập:.....
- b.3. Thời gian phát sinh thu nhập:.....
- b.4. Số thuế/thuế suất ưu đãi:

IV. THÔNG TIN VỀ GIAO DỊCH PHÁT SINH THU NHẬP LIÊN QUAN ĐẾN SỐ THUẾ ĐỀ NGHỊ ÁP DỤNG HIỆP ĐỊNH THUẾ

1. Giải trình tóm tắt về giao dịch:
2. Giải trình khác:
3. Tài liệu gửi kèm:
 1.
 2.
 3.

Tôi cam đoan các thông tin, tài liệu đã cung cấp là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, tài liệu này./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

Ngàythángnăm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

TỔNG CỤC THUẾ
General Department of Taxation
CỤC THUẾ CHI CỤC THUẾ
KHU VỰC.....
Tax-Department of Regional Taxation
Sub-Department No.....
Số (No.):

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Independence - Freedom - Happiness

....., ngày (day) tháng (month) năm
(year)

GIẤY XÁC NHẬN THUẾ THU NHẬP ĐÃ NỘP TẠI VIỆT NAM

Certificate of Income Tax Paid in Viet Nam

(Sử dụng cho thuế thu nhập cá nhân hoặc thu nhập doanh nghiệp)

To be used for Personal Income Tax or Business Income Tax

I. NGƯỜI NỘP THUẾ:

TAXPAYER

Đánh dấu (x) vào ô trống thích hợp:

☐ Áp dụng cho tổ chức

☐ Áp dụng cho cá nhân

Tick off (x) in the relevant box: ☐ for Entity ☐ for Individual

1.	Tên đầy đủ <i>Full name</i> Giấy phép thành lập ☐ ĐCCN ☒ CCCD ☐ Hộ chiếu ☐ <i>Incorporation license ID Passport</i> Số/No.: Ngày cấp:/...../..... tại Cơ quan cấp..... <i>Date of issue: dd/mm/yy in Issuing agency</i>
2.	Tên sử dụng trong giao dịch..... <i>Name used in transaction</i>
3.	Tư cách pháp lý (<i>Legal status</i>) Pháp nhân ☐ Cá nhân hành nghề phụ thuộc ☐ <i>Legal Entity Individual practicing dependent service</i> Liên danh không tạo pháp nhân ☐ Cá nhân hành nghề độc lập ☐ <i>Partnership not forming legal entity Individual practicing independent service</i> Khác ☐ Nêu rõ:..... <i>Other Specify</i>
4.	Đối tượng cư trú của nước <i>Resident of</i> Việt Nam ☐ Nước ký kết ☐ Nước khác ☐ <i>Viet Nam Contracting State Other</i>
5.	Giấy phép kinh doanh tại Việt Nam số (nếu có): <i>Number of business license in Viet Nam (if any)</i> Ngày cấp...../...../..... tại Cơ quan cấp..... <i>Date of issue in issuing agency</i>
6.	Mã số thuế tại Việt Nam (nếu có)..... <i>Tax Identification Number in Viet Nam (if any)</i>
7.	Địa chỉ tại Việt Nam <i>Address in Viet Nam</i> Số điện thoại/Tel:..... Số Fax/Fax:..... E-mail: Địa chỉ trên là: <i>This address is:</i> Trụ sở chính ☐ Nơi làm việc ☐

	Headquarters Văn phòng ĐD ☐ Representative Office Cơ sở thường trú ☐ Permanent Establishment	Office Nơi lưu trú ☐ Domicile Khác ☐ Nêu rõ:..... Other Specify
8.	Địa chỉ tại nước liên quan (Nước kí kết hoặc nước khác theo thông tin tại điểm I.4): <i>Address in relevant State (Contracting State or other in conformity with information in I.4 section).....</i> Số điện thoại/Tel:.....Số Fax/Fax:..... E-mail: Địa chỉ trên là: <i>This address is:</i> Trụ sở chính ☐ Nơi làm việc ☐ Headquarters Office Văn phòng ĐD ☐ Nơi lưu trú ☐ Representative Office Domicile Cơ sở thường trú ☐ Khác ☐ Nêu rõ:..... Permanent Establishment Other Specify	

II. XÁC NHẬN SỐ THUẾ ĐÃ NỘP

Certifying tax paid

1. Kỳ tính thuế

Taxable period

từ ngày...../...../.....đến...../...../.....

From dd/mm/yy

to dd/mm/yy

2. Thuế đã nộp

Tax paid

Loại thu nhập <i>Type of Income</i>	Số thu nhập chịu thuế <i>Taxable income</i>	Số thuế phải nộp <i>Tax payable</i>			Số thuế đã nộp* <i>Tax paid</i>	Ngày nộp <i>Due date</i>
		Số thuế phải nộp <i>Total of tax payable</i>	Số thuế thực phải nộp <i>Actual tax due</i>	Số thuế được miễn giảm <i>Exempted or reduced amount of tax</i>		
Tổng cộng						

* Tổng số thuế đã nộp bằng chữ (Total tax paid in words):

Cục Thuế tỉnh/thành phố Chi cục Thuế khu vựcxác nhận đã thu (và/hoặc miễn, giảm) số thuế thu nhập của đối tượng nộp thuế nêu trên.

It is hereby certified that the Tax Department of Regional Taxation Sub-Department No.has received (and/or granted the exemption, the reduction of) the mentioned income tax amount from (to) the above taxpayer.

CỤC TRƯỞNG CỤC THUẾ CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC THUẾ
Director of Tax Department of Manager of Sub-Department
 (Ký, ghi rõ họ tên, và đóng dấu) – (Sign, name and seal)

Mẫu số: 05/HTQT
(Ban hành kèm theo Thông tư số
80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm
2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TỔNG CỤC THUẾ
General Department of Taxation
Cục Thuế Chi cục Thuế khu
vực...
Tax Department of Regional
Taxation Sub-Department No. ...
Số (No.):

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence – Freedom – Happiness

....., ngày (day)..... tháng (month)..... năm (year).....

GIẤY XÁC NHẬN THUẾ THU NHẬP ĐÃ NỘP TẠI VIỆT NAM
ĐỐI VỚI THU NHẬP TỪ TIỀN LÃI CỔ PHẦN, LÃI TIỀN CHO VAY,
TIỀN BẢN QUYỀN HOẶC PHÍ DỊCH VỤ KỸ THUẬT
CERTIFICATE OF TAX PAID ON DIVIDEND, INTEREST, ROYALTY OR
TECHNICAL FEE

~~Cục Thuế tỉnh/thành phố~~ Chi cục Thuế khu vựcxác
nhận đã thu (và/hoặc miễn, giảm) số thuế thu nhập của đối tượng nộp thuế dưới đây
đối với thu nhập từ:

~~The Tax Department of Regional Taxation Sub-Department~~
~~No.....~~certifies that it has received (and/or granted the
exemption, the reduction of) the income tax amount from (to) the following taxpayer in
respect of income on:

Tiền lãi cổ phần ☐ Lãi tiền cho vay ☐ Tiền bản quyền ☐ Phí dịch vụ kỹ thuật ☐
Dividend Interest Royalty Technical fee

Đối tượng thực hưởng (beneficial owner)

Tên

(Name):.....

Địa chỉ (kinh doanh hoặc nơi cư trú):.....

Address (of business or resident place)

Mã số thuế (hoặc ĐDCN CMND/CCCD/hộ
chiếu):.....

Tax identification number (or I.D card/passport)

**Đối tượng được uỷ quyền nhận thu nhập (trong trường hợp không phải là đối tượng
thực hưởng)**

Designated person as beneficiary (other than the beneficial owner)

Tên (Name):.....

Địa chỉ (kinh doanh hoặc nơi cư trú):.....

Address (of business or resident place)

Mã số thuế (hoặc ĐDCN CMND/CCCD/hộ chiếu):.....

Tax identification number (or I.D card/passport)

Đối tượng trả thu nhập (Income payer)

Tên (Name):

Địa chỉ (kinh doanh hoặc nơi cư trú):

Address (of business or resident place)

Mã số thuế (hoặc ĐDCN CMND/CCCD/hộ chiếu):

Tax identification number (or I.D card/passport)

Lý do chi trả thu nhập (reason for which the payment is made):

.....

.....

.....

.....

Thu nhập chịu thuế <i>Taxable income</i>	Số thuế phải nộp <i>Tax payable</i>			Số thuế đã nộp* <i>Tax paid</i>	Ngày nộp <i>Due date</i>
	Tổng số thuế phải nộp <i>Total of tax payable</i>	Số thuế thực phải nộp <i>Actual tax due</i>	Số thuế được miễn giảm <i>Exempted or reduced amount of tax</i>		

* Số thuế đã nộp bằng chữ (Tax paid amount in words):

.....

CỤC TRƯỞNG CỤC THUẾ CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC THUẾ**Director of Tax Department of Manager of Sub-Department**

(Ký, ghi rõ họ tên, và đóng dấu) – (Sign, name and seal)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày.....tháng.....năm....

Kính gửi:

GIẤY ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN CƯ TRÚ CỦA VIỆT NAM
(Dành cho các tổ chức, cá nhân là đối tượng cư trú của Việt Nam)

I. Người nộp thuế:

Đánh dấu (x) vào ô trống thích hợp:

☐ Áp dụng cho tổ chức

☐ Áp dụng cho cá nhân

1.	Tên đầy đủ:..... Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề ☐ ĐDCN CMND/CCCD ☐ Hộ chiếu ☐ Số:..... Ngày cấp:/...../.....tạiCơ quan cấp.....
2.	Tên sử dụng trong giao dịch.....
3.	Tư cách pháp lý Pháp nhân ☐ Cá nhân hành nghề độc lập ☐ Liên danh không tạo pháp nhân ☐ Cá nhân hành nghề phụ thuộc ☐ Khác ☐ Nêu rõ:.....
4.a	Địa chỉ tại Việt Nam:..... Số điện thoại:.....Số Fax:E-mail: Địa chỉ trên là: Trụ sở chính ☐ Nhà ở thường trú ☐ Khác ☐ Nêu rõ.....
4.b.	Địa chỉ giao dịch tại Việt Nam (nếu khác với địa chỉ nêu trên)..... Số điện thoại:.....Số Fax:E-mail:
5.	Quốc tịch: Việt Nam ☐ Nước kí kết ☐ Nước khác ☐
6.	Mã số thuế tại Việt Nam (nếu có):
7.a	Địa chỉ tại Nước ký kết:..... Số điện thoại:.....Số Fax:E-mail: Địa chỉ trên là Văn phòng DD ☐ Cơ sở thường trú ☐ Nơi làm việc ☐ Nơi lưu trú ☐ Khác ☐ Nêu rõ.....
7.b.	Địa chỉ giao dịch tại Nước ký kết (nếu khác với địa chỉ nêu trên)..... Số điện thoại:.....Số Fax:E-mail:
8.	Mã số thuế tại Nước ký kết (nếu có):.....

Năm đề nghị xác nhận đối tượng cư trú: từ.....đến.....

Thời gian có mặt tại Việt Nam trong các năm xin xác nhận cư trú (*chỉ áp dụng đối với cá nhân*)

- 1.....
2.....
3.....

Nguồn thu nhập chủ yếu của bản thân cá nhân trong các năm nói trên phát sinh từ (*chỉ áp dụng đối với cá nhân*):

Việt Nam ☐ Nước ký kết ☐ Nước khác ☐.....

II. Đại diện được uỷ quyền¹: ☐

1.	Tên đầy đủ:..... Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề ☐ ĐDCN CMND/CCCD ☐ Hộ chiếu ☐ Số:..... Ngày cấp:/...../..... tại Cơ quan cấp.....														
2.	Địa chỉ giao dịch:..... Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:.....														
3.	Mã số thuế (nếu có):.....														
4.	Tư cách pháp lý <table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <td>Pháp nhân</td> <td>☐</td> <td>Cá nhân hành nghề phụ thuộc</td> <td>☐</td> </tr> <tr> <td>Liên danh không tạo pháp nhân</td> <td>☐</td> <td>Khác</td> <td>☐</td> </tr> <tr> <td>Đại lý thuế (nếu có)</td> <td>☐</td> <td>Nêu rõ:.....</td> <td></td> </tr> </table>			Pháp nhân	☐	Cá nhân hành nghề phụ thuộc	☐	Liên danh không tạo pháp nhân	☐	Khác	☐	Đại lý thuế (nếu có)	☐	Nêu rõ:.....	
Pháp nhân	☐	Cá nhân hành nghề phụ thuộc	☐												
Liên danh không tạo pháp nhân	☐	Khác	☐												
Đại lý thuế (nếu có)	☐	Nêu rõ:.....													

Tài liệu gửi kèm:

1.
2.
3.

Tôi cam đoan các thông tin, tài liệu đã cung cấp là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, tài liệu này./.

..., ngàythángnăm

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

¹ Trường hợp người nộp thuế uỷ quyền cho đại diện hợp pháp thực hiện các thủ tục áp dụng Hiệp định thuế, bên được uỷ quyền phải kê khai đầy đủ các thông tin kể cả phần II của Giấy đề nghị này.

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TRỰC TIẾP
TÊN CƠ QUAN THUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

BIÊN BẢN LÀM VIỆC
Về việc giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu

Căn cứ Thông báo số...../TB-..... ngày tháng năm.....của
...(tên cơ quan thuế)... về việc đề nghị người nộp thuế giải trình, bổ sung thông tin,
tài liệu.

Hôm nay, hồi giờ..... ngày tháng năm

Tại:.....

Chúng tôi gồm:

I. Đại diện cơ quan thuế:

1. Ông/Bà: - Chức vụ:

2. Ông/Bà: - Chức vụ:

II. Người nộp thuế (hoặc đại diện hợp pháp của người nộp thuế):

Ông (bà):

ĐCCN CMND/CCCD/hộ chiếu số:

Chức vụ: đại diện cho...(tên người nộp thuế)..., Mã số thuế:

Địa chỉ:

III. Nội dung làm việc:

.....
.....
.....

IV. Các tài liệu người nộp thuế cung cấp bổ sung cho cơ quan thuế:

1.....

2.....

.....

V. Đề xuất và kiến nghị:

1. Các nội dung yêu cầu người nộp thuế thực hiện:

.....

.....

2. Các nội dung chưa được làm rõ:

.....

.....

Biên bản này gồm có trang, được lập thành bản có nội dung và giá trị pháp lý như nhau. 01 bản được giao người nộp thuế.

Sau khi đọc lại biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản, không có ý kiến gì khác và cùng ký xác nhận vào từng trang của biên bản hoặc có ý kiến khác như sau:

Ý kiến bổ sung khác (nếu có):.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

1. Việc giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu trực tiếp của người nộp thuế phải được thực hiện tại trụ sở cơ quan thuế.
2. Đối với các tài liệu người nộp thuế cung cấp bổ sung cho cơ quan thuế, người lập biên bản phải ghi rõ tên tài liệu, bản chính hay bản sao.
3. Người có ý kiến khác phải tự ghi ý kiến của mình vào văn bản, nêu rõ lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

TÊN CƠ QUAN RA
QUYẾT ĐỊNH KIỂM TRA
ĐOÀN KIỂM TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
Công bố quyết định kiểm tra

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày ... tháng ... năm ... và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-.....ngày.....tháng.....năm của ..(tên cơ quan ra quyết định)... về việc kiểm tratại..... ..(tên người nộp thuế)...;

Hôm nay, hồi giờ..... ngày tháng năm

Tại:.....

.....

Chúng tôi gồm:

I. Đoàn kiểm tra thuế:

- Ông (bà)..... - Chức vụ.....- Trưởng đoàn;
- Ông (bà)..... - Chức vụ.....- Thành viên;
- Ông (bà)..... - Chức vụ.....- Thành viên;

II. Người nộp thuế (hoặc đại diện hợp pháp của người nộp thuế):

Ông (bà):

ĐDCN ~~CMND~~/CCCD/hộ chiếu số:

Chức vụ: đại diện cho

Ông (bà):

ĐDCN ~~CMND~~/CCCD/hộ chiếu số:

Chức vụ:.....

Người nộp thuế (hoặc đại diện hợp pháp người nộp thuế) đã được nghe Đoàn kiểm tra công bố nội dung Quyết định sốngày.....tháng.....năm của...(tên cơ quan ra quyết định).... về việc kiểm tra tại...(tên người nộp thuế).....

Biên bản này gồm có trang, được lập thành bản có nội dung và giá trị pháp lý như nhau. 01 (một) bản được giao người nộp thuế.

Sau khi đọc lại biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản, không có ý kiến gì khác và cùng ký xác nhận vào từng trang của biên bản hoặc có ý kiến bổ sung khác (nếu có) như sau:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký tên, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Người có ý kiến khác phải tự ghi ý kiến của mình vào biên bản, nêu rõ lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH
THANH TRA
ĐOÀN THANH TRA THEO
QUYẾT ĐỊNH.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
Về việc công bố quyết định thanh tra

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày ...tháng...năm... và các văn bản hướng dẫn thi hành;
Căn cứ Luật Thanh tra ngày ...tháng...năm... và các văn bản hướng dẫn thi hành;
Căn cứ Quyết định số.....ngày.....tháng.....năm của ..(tên cơ quan ban hành quyết định)... về việc thanh tratại..... (tên người nộp thuế)...;

Hôm nay, hồi giờ..... ngày tháng năm

Tại:.....

Chúng tôi gồm:

I. Đoàn thanh tra thuế:

- Ông (bà)..... - Chức vụ.....- Trưởng đoàn;
- Ông (bà)..... - Chức vụ.....- Thành viên;
- Ông (bà)..... - Chức vụ.....- Thành viên;

II. Người nộp thuế (hoặc đại diện hợp pháp của người nộp thuế):

- Ông (bà): ... ĐDCN ~~CMND/CCCD~~/hộ chiếu số:

Chức vụ: đại diện cho ...

- Ông (bà): ... ĐDCN ~~CMND/CCCD~~/hộ chiếu số:

Chức vụ: đại diện cho ...

Người nộp thuế (hoặc đại diện hợp pháp người nộp thuế) đã được nghe Đoàn thanh tra công bố nội dung Quyết định số ...ngày...tháng...năm... của...(tên cơ quan ban hành quyết định).... về việc thanh tra tại...(tên người nộp thuế).

Biên bản này gồm có ... trang, được lập thành ... bản có nội dung và giá trị pháp lý như nhau. 01 (một) bản được giao người nộp thuế.

Sau khi đọc lại biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản, không có ý kiến gì khác và cùng ký xác nhận vào từng trang của biên bản hoặc có ý kiến bổ sung khác (nếu có) như sau:
.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký tên, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

ĐẠI DIỆN ĐOÀN
THANH TRA
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Người có ý kiến khác phải tự ghi ý kiến của mình vào biên bản, nêu rõ lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

Mẫu số: 06/TTTrT
(Ban hành kèm theo Thông tư số
80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm
2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TRỰC TIẾP
TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT
ĐỊNH THANH TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-.....

....., ngày.....thángnăm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc tạm giữ tiền, đồ vật, giấy phép
liên quan đến hành vi trốn thuế, gian lận thuế

CHỨC DANH NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày ...tháng...năm... và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày ...tháng...năm... và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ...tháng...năm... của quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thuế/Cục Thuế/Chi cục thuế/Chi cục Đội thuế;

Căn cứ Quyết định số....ngày ..tháng...năm... của ... về việc thanh tra tại.....;

Theo đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tạm giữ tiền, đồ vật, giấy phép liên quan đến hành vi trốn thuế, gian lận thuế của:

Ông/bà/ tổ chức: – Mã số thuế:

Giấy ĐCCN ~~CMND/CCCD~~/ Hộ chiếu/ Chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Chứng nhận đăng ký hoạt động số: do..... cấp ngày.....

Địa chỉ:

Tiền, đồ vật, giấy phép bị tạm giữ bao gồm:

1.....

2.....

(hoặc Danh mục tiền, đồ vật, giấy phép bị tạm giữ được ban hành kèm theo Quyết định này).

Thời hạn tạm giữ:

Hình thức tạm giữ:

Điều 2. Người thực hiện tạm giữ:

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Ông/bà/tổ chức có tên tại Điều 1, Điều 2 và Đoàn thanh trachịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

-.....;

- Lưu: ...

CHỨC DANH NGƯỜI KÝ QUYẾT ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: Về hình thức tạm giữ ghi rõ niêm phong tại chỗ hay đưa đến nơi tạm giữ khác (ghi rõ nơi để tiền, đồ vật, giấy phép bị tạm giữ).

TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT
ĐỊNH THANH TRA
ĐOÀN THANH TRA THEO
QUYẾT ĐỊNH.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
Về việc tạm giữ tiền, đồ vật, giấy phép liên quan đến
hành vi trốn thuế, gian lận thuế

Căn cứ Quyết định số.....ngày.....tháng.....năm của về việc thanh tra ...
tại.....;

Căn cứ Quyết định số.....ngày.....tháng.....năm của về việc tạm giữ tiền, đồ vật, giấy
phép liên quan đến hành vi trốn thuế, gian lận thuế;

Hôm nay, hồi giờ..... ngày tháng năm

Tại:

Chúng tôi gồm:

A. Đoàn thanh tra:

1. Ông/Bà..... - Chức vụ:.....;

2. Ông/Bà..... - Chức vụ:.....;

**B. Người có tiền, đồ vật, giấy phép liên quan đến hành vi trốn thuế, gian lận thuế bị
tạm giữ là:**

Ông (bà)/tổ chức:..... – Mã số thuế:.....;

Giấy ĐDCN ~~CMND/CCCD~~/ Hộ chiếu/ Chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Chứng nhận
đăng ký hoạt động số: do cấp ngày.....

Địa chỉ:

C. Tổ chức, cá nhân chứng kiến:

1. Ông (bà) Nghề nghiệp:.....;

Giấy ĐDCN ~~CMND/CCCD~~/hộ chiếu số:.....; Ngày cấp:; Nơi cấp:.....;

Địa chỉ thường trú:.....;

2. Ông (bà) Nghề nghiệp:.....;

Giấy ĐDCN ~~CMND/CCCD~~/hộ chiếu số:.....; Ngày cấp:; Nơi cấp:.....;

Địa chỉ thường trú:.....;

Tiến hành lập biên bản tạm giữ tiền, đồ vật, giấy phép liên quan đến hành vi trốn thuế,
gian lận thuế gồm:

STT	Tên tiền, đồ vật, giấy phép	Số lượng	Chủng loại, tình trạng tiền, đồ vật, giấy phép	Ghi chú
-----	--------------------------------	----------	---	---------

1	(chi tiết theo từng loại)			
2				
....				

Sổ tiền, đồ vật, giấy phép nêu trên được niêm phong tại....(ghi rõ nơi niêm phong)... (trong trường hợp tiền, đồ vật, giấy phép cần được niêm phong).

Ngoài những tiền, đồ vật, giấy phép nêu trên, chúng tôi không tạm giữ (niêm phong) thêm thứ gì khác.

Biên bản này gồm có trang, được lập thành bản có nội dung và giá trị pháp lý như nhau. 01 (một) bản được giao cho cá nhân/ tổ chức có tiền, đồ vật, giấy phép bị tạm giữ.

Sau khi đọc lại biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản, không có ý kiến gì khác và cùng ký xác nhận vào từng trang của biên bản hoặc có ý kiến bổ sung khác (nếu có) như sau:

NGƯỜI THỰC HIỆN TẠM GIỮ

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI (HOẶC ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC) CÓ TIỀN, ĐỒ VẬT, GIẤY PHÉP BỊ TẠM GIỮ

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI CHỨNG KIẾN

(Trong trường hợp tiền, đồ vật, giấy phép cần được niêm phong nhưng người có tiền, đồ vật, giấy phép vắng mặt)

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN

(Trong trường hợp tiền, đồ vật, giấy phép cần được niêm phong nhưng người có tiền, đồ vật, giấy phép vắng mặt)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Trường hợp trong số những người chứng kiến có đại diện chính quyền địa phương thì phải ghi rõ họ tên và chức vụ.

(2) Trong Bảng kê tiền, đồ vật, giấy phép bị tạm giữ cần ghi chú rõ tiền, đồ vật, giấy phép có được niêm phong không, nếu có niêm phong thì trên niêm phong phải có chữ ký của người (hoặc đại diện tổ chức) có tiền, đồ vật, giấy phép bị tạm giữ, có sự chứng kiến của đại diện gia đình hay đại diện chính quyền không, nếu không có phải ghi rõ có sự chứng kiến của ông (bà)...

(3) Người có ý kiến khác phải tự ghi ý kiến của mình vào văn bản, nêu rõ lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT
ĐỊNH THANH TRA
ĐOÀN THANH TRA THEO
QUYẾT ĐỊNH.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
Về việc trả lại tiền, đồ vật, giấy phép bị tạm giữ

Căn cứ Quyết định số ...ngày.....tháng.....năm của về việc
thanh tratại...;

Căn cứ Quyết định số ...ngày.....tháng.....năm của về
việc tạm giữ tiền, đồ vật, giấy phép liên quan đến hành vi trốn thuế, gian lận
thuế;

Căn cứ Quyết định số ...ngày.....tháng.....năm của về việc
xử lý tiền, đồ vật, giấy phép bị tạm giữ;

Hôm nay, hồi giờ.... ngày tháng năm
Tại:...

Chúng tôi gồm:

A. Đoàn thanh tra:

1. Ông/Bà..... - Chức vụ:.....;
2. Ông/Bà..... - Chức vụ:.....;

B. Người có tiền, đồ vật, giấy phép bị tạm giữ được hoàn trả là:

Ông (bà)/tổ chức:..... – Mã số thuế:.....;

Giấy ĐDCN ~~CMND/CCCD~~/ Hộ chiếu/ Chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Chứng
nhận đăng ký hoạt động số: do ... cấp ngày.....

Địa chỉ:

C. Tổ chức, cá nhân chứng kiến:

1. Ông/BàNghề nghiệp:.....;

Giấy ĐDCN ~~CMND/CCCD~~/hộ chiếu số:.....; Ngày cấp:; Nơi
cấp:.....;

Địa chỉ thường trú:.....;

2. Ông /Bà Nghề nghiệp:.....;

Giấy ĐDDN ~~CMND/CCCD~~/hộ chiếu số:.....; Ngày cấp:; Nơi cấp:.....;

Địa chỉ thường trú:.....;

Tiến hành lập biên bản hoàn trả tiền, đồ vật, giấy phép bị tạm giữ gồm:

STT	Tên tiền, đồ vật, giấy phép	Số lượng	Chủng loại, tình trạng tiền, đồ vật, giấy phép	Ghi chú
1	(chi tiết theo từng loại)			
2				
....				

Biên bản này gồm có trang, được lập thành bản có nội dung và giá trị pháp lý như nhau. 01 (một) bản được giao cho cá nhân/ tổ chức có tiền, đồ vật, giấy phép được trả lại.

Sau khi đọc lại biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản, không có ý kiến gì khác và cùng ký xác nhận vào từng trang biên bản hoặc có ý kiến bổ sung khác (nếu có) như sau:.....

NGƯỜI THỰC HIỆN HOÀN TRẢ TIỀN, ĐỒ VẬT, GIẤY PHÉP

(Ký, ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI (HOẶC ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC) CÓ
TIỀN, ĐỒ VẬT, GIẤY PHÉP ĐƯỢC HOÀN
TRẢ**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI CHỨNG KIẾN

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỊA DIỆN CHÍNH QUYỀN

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ (nếu có)

Ghi chú:

(1) Trường hợp trong số những người chứng kiến có đại diện chính quyền địa phương thì phải ghi rõ họ tên và chức vụ.

(2) Trong Bảng kê tiền, đồ vật, giấy phép trả lại cần ghi chú rõ tiền, đồ vật, giấy phép có được niêm phong không và tình trạng niêm phong.

(3) Người có ý kiến khác phải tự ghi ý kiến của mình vào biên bản, nêu rõ lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT
ĐỊNH THANH TRA
ĐOÀN THANH TRA THEO
QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc niêm phong tài liệu liên quan đến
hành vi trốn thuế, gian lận thuế

CHỨC DANH NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày ...tháng...năm... và các văn bản hướng dẫn thi hành;
Căn cứ Luật Thanh tra ngày ... tháng...năm... và các văn bản hướng dẫn thi hành;
Căn cứ Quyết định số.....ngày.....tháng.....năm..... của về việc thanh tra.....
tại.....;

Theo đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Niêm phong tài liệu liên quan đến hành vi trốn thuế, gian lận thuế của:

Ông/bà/ tổ chức: – Mã số thuế:

Giấy ĐDDN ~~CMND/CCCD~~/ Hộ chiếu/ Chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Chứng nhận
đăng ký hoạt động số: do.... cấp ngày.....tháng.....năm.....

Địa chỉ:

Các tài liệu niêm phong bao gồm:

1.....

2

(hoặc Danh mục các tài liệu bị niêm phong được ban hành kèm theo Quyết định này).

Thời hạn tạm giữ:

Hình thức tạm giữ:

Điều 2. Người thực hiện tạm giữ:

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Ông/bà/tổ chức có tên tại Điều 1, Điều
2 và Đoàn thanh tra chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

-....;

- Lưu: ...

CHỨC DANH NGƯỜI KÝ

QUYẾT ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: ghi rõ nơi để tài liệu bị niêm phong.

TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT
ĐỊNH THANH TRA
ĐOÀN THANH TRA THEO
QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
Về việc niêm phong tài liệu liên quan đến
hành vi trốn thuế, gian lận thuế

Căn cứ Quyết định số.....ngày.....tháng.....năm của.....về việc
thanh tra..... tại....;

Căn cứ Quyết định sốngày.....tháng.....năm của ...về việc
niêm phong tài liệu liên quan đến hành vi trốn thuế, gian lận thuế;

Hôm nay, hồi giờ..... ngày tháng năm

Tại:.....

Chúng tôi gồm:

A. Đoàn thanh tra:

1. Ông/Bà..... - Chức vụ:.....;

2. Ông/Bà..... - Chức vụ:.....;

**B. Người có tài liệu liên quan đến hành vi trốn thuế, gian lận thuế bị niêm
phong là:**

Ông (bà)/tổ chức:..... - Mã số
thuế:.....;

Giấy ĐDCN CMND/CCCD/ Hộ chiếu/ Chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Chứng
nhận đăng ký hoạt động số: do
..... cấp ngày.....

Địa chỉ:

C. Tổ chức, cá nhân chứng kiến:

1. Ông (bà) Nghề nghiệp:.....;

Giấy ĐDCN CMND/CCCD/hộ chiếu số:.....; Ngày cấp:; Nơi
cấp:....;

Địa chỉ thường trú:.....;

2. Ông (bà) Nghề nghiệp:.....;

Giấy ĐDCN CMND/CCCD/hộ chiếu số:.....; Ngày cấp:; Nơi
cấp:....;

Địa chỉ thường trú:.....;

Tiến hành lập biên bản niêm phong tài liệu liên quan đến hành vi trốn thuế, gian lận thuế gồm:

STT	Tên tài liệu	Số lượng	Chủng loại, tình trạng tài liệu	Ghi chú

Ngoài những tài liệu nêu trên, chúng tôi không niêm phong thêm thứ gì khác.

Biên bản này gồm có ... trang, được lập thành ... bản có nội dung và giá trị pháp lý như nhau. 01 (một) bản được giao cho cá nhân/ tổ chức có tài liệu bị niêm phong.

Sau khi đọc lại biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản, không có ý kiến gì khác và cùng ký xác nhận vào từng trang của biên bản hoặc có ý kiến bổ sung khác (nếu có) như sau: ...

NGƯỜI THỰC HIỆN NIÊM PHONG

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI (HOẶC ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC) CÓ TÀI LIỆU BỊ NIÊM PHONG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI CHỨNG KIẾN

(Trong trường hợp tiền, đồ vật, giấy phép cần được niêm phong nhưng người có tiền, đồ vật, giấy phép vắng mặt)

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN

(Trong trường hợp tiền, đồ vật, giấy phép cần được niêm phong nhưng người có tiền, đồ vật, giấy phép vắng mặt)

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ đóng dấu (nếu có)

Ghi chú:

(1) Trường hợp trong số những người chứng kiến có đại diện chính quyền địa phương thì phải ghi rõ họ tên và chức vụ.

(2) Người có ý kiến khác phải tự ghi ý kiến của mình vào biên bản, nêu rõ lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT
ĐÌNH THANH TRA
ĐOÀN THANH TRA THEO
QUYẾT ĐỊNH

Số:...../QĐ-.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 13/TT-TT
(Ban hành kèm theo Thông tư số
80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm
2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CHỨC DANH NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày...tháng...năm... và các văn bản hướng dẫn thi hành;
Căn cứ Luật Thanh tra ngày...tháng...năm... và các văn bản hướng dẫn thi hành;
Căn cứ Quyết định số...ngày...tháng...năm... của về việc
thanh tra..... tại.....
Theo đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kiểm kê tài sản liên quan đến hoạt động thanh tra của:

Ông/bà/ tổ chức: – Mã số thuế:

Giấy ĐDCN ƠMND/CCCB/ Hộ chiếu/ Chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Chứng nhận
đăng ký hoạt động số:..... do..... cấp ngày.....

Địa chỉ:

Các tài sản kiểm kê bao gồm:

1.....

2.....

(Hoặc Danh mục các tài sản bị kiểm kê được ban hành kèm theo Quyết định này).

Thời gian kiểm kê:

Hình thức kiểm kê:

Điều 2. Người thực hiện kiểm kê:

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Ông/bà/tổ chức có tên tại Điều 1,
Điều 2 và Đoàn thanh tra... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này/.

CHỨC DANH NGƯỜI KÝ QUYẾT ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ tên)

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

.....;

- Lưu:

Ghi chú: ghi rõ nơi để tài liệu bị kiểm kê

TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT
ĐỊNH THANH TRA
ĐOÀN THANH TRA THEO
QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Về việc kiểm kê tài sản liên quan đến hoạt động thanh tra

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-.....ngày.....tháng.....năm
của.....về việc thanh tra..... tại.....;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-.....ngày.....tháng.....năm ... của
về việc kiểm kê tài sản liên quan đến hoạt động thanh tra;

Hôm nay, hồi giờ..... ngày tháng năm

Tại:.....

Chúng tôi gồm:

A. Đoàn thanh tra :

1. Ông/Bà..... - Chức vụ:.....;

2. Ông/Bà..... - Chức vụ:.....;

B. Người có tài sản liên quan đến hoạt động thanh tra bị kiểm kê là:

Ông (bà)/tổ chức:.....- Mã số thuế:.....;

Giấy ĐDCN ~~CMND/CCCD~~/ Hộ chiếu/ Chứng nhận đăng ký kinh doanh/
Chứng nhận đăng ký hoạt động số: do cấp ngày.....thángnăm.....

Địa chỉ:

C. Tổ chức, cá nhân chứng kiến:

1. Ông (bà) Nghề nghiệp:.....;

Giấy ĐDCN ~~CMND/CCCD~~/hộ chiếu số:.....; Ngày cấp:; Nơi
cấp:.....;

Địa chỉ thường trú:.....;

2. Ông (bà) Nghề nghiệp:.....;

Giấy ĐDCN ~~CMND~~/CCCD/hộ chiếu số:....; Ngày cấp:; Nơi cấp:....;

Địa chỉ thường trú:.....;

Tiến hành lập biên bản kiểm kê tài sản liên quan đến hoạt động thanh tra gồm:

STT	Tên tài sản	Số lượng	Chủng loại, tình trạng tài sản	Ghi chú
	(chi tiết theo từng loại)			

Ngoài những tài sản nêu trên, chúng tôi không niêm phong thêm thứ gì khác.

Biên bản này gồm có ... trang, được lập thành bản có nội dung và giá trị pháp lý như nhau. 01 (một) bản được giao cho cá nhân/ tổ chức có tài sản bị niêm phong.

Sau khi đọc lại biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản, không có ý kiến gì khác và cùng ký xác nhận vào từng trang của biên bản hoặc có ý kiến bổ sung khác (nếu có) như sau:

NGƯỜI THỰC HIỆN KIỂM KÊ

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI (HOẶC ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN

CÓ TÀI SẢN BỊ KIỂM KÊ

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

NGƯỜI CHỨNG KIẾN

ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Trường hợp trong số những người chứng kiến có đại diện chính quyền địa phương thì phải ghi rõ họ tên và chức vụ.

(2) Người có ý kiến khác phải tự ghi ý kiến của mình vào biên bản, nêu rõ lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT
ĐỊNH THANH TRA
ĐOÀN THANH TRA THEO
QUYẾT ĐỊNH ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-...

....., ngày tháng..... năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc huỷ bỏ kiểm kê tài sản

CHỨC DANH NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH

*Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày ...tháng...năm... và các văn bản hướng
dẫn thi hành ;*

*Căn cứ Luật Thanh tra ngày ...tháng...năm... và các văn bản hướng dẫn
thi hành;*

*Căn cứ Quyết định số... ngày....tháng...năm... về việc thanh tra tại... ;
Theo đề nghị của ...*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Huỷ bỏ kiểm kê tài sản tại Quyết định kiểm kê số....ngày...

Ông/bà/ tổ chức: ; Mã số thuế:

Giấy ĐDDN ~~CMND/CCCD~~/ Hộ chiếu/ Chứng nhận đăng ký kinh doanh/
Chứng nhận đăng ký hoạt động số: do..... cấp
ngày.....

Địa chỉ:

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Ông/bà/tổ chức có tên
tại Điều 1 và Đoàn thanh tra chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- ... ;
- Lưu: VT;

CHỨC DANH NGƯỜI KÝ QUYẾT ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ tên)

THUYẾT MINH DỰ THẢO THÔNG TƯ

(Sửa đổi, bổ sung Thông tư 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế, Thông tư số 40/2021/TT-BTC ngày 01 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh)

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH THÔNG TƯ

1. Cơ sở chính trị, pháp lý.

1.1. Tại khoản 10, khoản 11 Điều 6 Luật 56/2024/QH15 (sửa đổi, bổ sung Luật Quản lý thuế) quy định về thẩm quyền quyết định hoàn thuế.

1.2. Tại Quyết định số 1487/QĐ-BTC ngày 27/6/2024 của Bộ Tài chính về Kế hoạch sửa đổi, bổ sung các VBQPPL thuộc trách nhiệm chủ trì của Bộ Tài chính để thực thi các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư theo Đề án 06, có nêu Cục Thuế (trước đây là Tổng cục Thuế) sửa đổi, bổ sung các mẫu biểu nhiệm vụ sửa đổi, bổ sung 13 mẫu biểu tại Thông tư 80/2021/TT-BTC và 01 mẫu biểu tại Thông tư 40/2021/TT-BTC và sửa đổi bổ sung mẫu biểu tại Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (hiện tại, Thông tư này đã được thay thế bởi Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế).

2. Cơ sở thực tiễn.

2.1. Luật số 56/2024/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2024 trong đó tại khoản 10, khoản 11 Điều 6 sửa đổi, bổ sung Luật Quản lý thuế có bổ sung quy định:

- Tại khoản 10 Điều 6 Luật số 56/2024/QH15 quy định về nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế như sau: “Cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế đối với các trường hợp được hoàn thuế theo quy định của pháp luật về thuế; áp dụng quản lý rủi ro, ban hành các quy trình nội bộ, triển khai ứng dụng công nghệ thông tin để phân loại hồ sơ hoàn thuế thuộc diện hoàn thuế trước hoặc kiểm tra trước hoàn thuế và giải quyết hồ sơ hoàn thuế theo quy định. Cơ quan thuế quản lý khoản thu tiếp nhận hồ sơ hoàn trả tiền nộp thừa; trường hợp hoàn trả tiền nộp thừa theo quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp, quyết toán thuế thu nhập cá nhân thì cơ quan thuế tiếp nhận hồ sơ quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp, quyết toán thuế thu nhập cá nhân của người nộp thuế tiếp nhận hồ sơ hoàn trả tiền nộp thừa;”.

- Tại khoản 11 Điều 6 Luật số 56/2024/QH15 quy định về thẩm quyền quyết định hoàn thuế như sau: “Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế, Cục trưởng Cục Thuế,

Chi cục trưởng Chi cục Thuế, Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực quyết định việc hoàn thuế đối với trường hợp hoàn thuế theo quy định của pháp luật về thuế.”

Hiện tại, thẩm quyền hoàn thuế thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 27, khoản 3 Điều 36 và khoản 2 Điều 38 Thông tư số 80/2021/TT-BTC như sau:

“Điều 27. Trách nhiệm của cơ quan thuế trong việc xử lý hồ sơ hoàn thuế

...

2. Trách nhiệm tiếp nhận và giải quyết hồ sơ hoàn thuế theo quy định của pháp luật về thuế

a) Cục Thuế có trách nhiệm tiếp nhận và giải quyết hồ sơ hoàn thuế nêu tại khoản 1 Điều này (trừ trường hợp quy định tại điểm b, c khoản này) đối với người nộp thuế do Cục Thuế quản lý trực tiếp và người nộp thuế do Chi cục Thuế quản lý trực tiếp.

Riêng các Cục Thuế thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Cục trưởng Cục Thuế có thể phân công cho Chi cục Thuế tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế giá trị gia tăng của người nộp thuế do Chi cục Thuế quản lý trực tiếp và thực hiện giải quyết hồ sơ hoàn thuế của người nộp thuế, bao gồm: phân loại hồ sơ hoàn thuế thuộc diện hoàn thuế trước hoặc thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế; xác định số thuế được hoàn; xác định số tiền thuế nợ, tiền phạt, tiền chậm nộp phải bù trừ với số thuế được hoàn; dự thảo Quyết định hoàn thuế hoặc Quyết định hoàn thuế kiêm bù trừ thu ngân sách nhà nước hoặc Thông báo về việc không được hoàn thuế (nếu có); sau đó Chi cục Thuế chuyển toàn bộ hồ sơ cho Cục Thuế để tiếp tục thực hiện hoàn thuế theo quy định tại Thông tư này.”

“Điều 36. Quyết định hoàn thuế

...

3. Chi cục Thuế được phân công tiếp nhận và giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 27 Thông tư này chuyển toàn bộ hồ sơ giải quyết hoàn thuế theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này cho Cục Thuế để xem xét ban hành Quyết định hoàn thuế. Cục Thuế ban hành Quyết định hoàn thuế theo mẫu số 01/QĐHT trong trường hợp người nộp thuế không còn tiền thuế nợ hoặc Quyết định hoàn kiêm bù trừ khoản thu ngân sách nhà nước theo mẫu số 02/QĐHT, Phụ lục số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt phải nộp được bù trừ theo mẫu số 01/PL-BT (nếu có) trong trường hợp người nộp thuế còn nợ tiền thuế nợ hoặc người nộp thuế đề nghị bù trừ số thuế được hoàn trả với khoản nợ, khoản thu phát sinh của người nộp thuế khác, hoặc Quyết định thanh toán cho ngân hàng là đại lý hoàn thuế giá trị gia tăng theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30/5/2014 của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung tại khoản 15 Điều 1 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 của Bộ Tài chính đối với hoàn thuế cho ngân hàng là đại lý hoàn thuế giá trị gia tăng, Thông báo về việc không được

hoàn thuế mẫu số 04/TB-HT ban hành kèm theo phụ lục I Thông tư này. Cục Thuế chịu trách nhiệm về quyết định hoàn thuế theo quy định của pháp luật.

“Điều 38. Trả kết quả giải quyết hoàn thuế

...

2. Trường hợp Cục Thuế ban hành Quyết định hoàn thuế hoặc Quyết định hoàn thuế kiêm bù trừ thu ngân sách nhà nước hoặc Quyết định thanh toán cho ngân hàng là đại lý hoàn thuế giá trị gia tăng đối với người nộp thuế do Chi cục Thuế quản lý thì Cục Thuế gửi Quyết định cho Chi cục Thuế để theo dõi nghĩa vụ của người nộp thuế.”

Như vậy,

Luật Quản lý thuế năm 2019 (hiện hành) không giao thẩm quyền quyết định hoàn thuế cho Chi cục trưởng Chi cục Thuế, Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực nên Thông tư số 80/2021/TT-BTC hiện hành đã hướng dẫn đối với trường hợp hoàn thuế theo quy định của pháp luật thuế, Cục Thuế tiếp nhận và giải quyết hồ sơ hoàn thuế đối với người nộp thuế do Chi cục Thuế quản lý trực tiếp, Cục trưởng Cục Thuế ban hành Quyết định hoàn thuế.

Nay Luật số 56/2024/QH15 (khoản 10, khoản 11 Điều 6) quy định bổ sung thẩm quyền hoàn thuế cho Cục trưởng Cục Thuế Doanh nghiệp lớn (nay là Chi cục trưởng Chi cục Thuế Doanh nghiệp-lớn) và Chi cục trưởng Chi cục Thuế, Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực (nay là Đội thuế cấp huyện), cần sửa đổi, bổ sung Thông tư 80/2021/TT-BTC để hướng dẫn sửa đổi, bổ sung về thẩm quyền hoàn thuế theo quy định tại Luật số 56/2024/QH15. Ngoài ra, do thay đổi cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thuế nên cần có hướng dẫn về quản lý thuế theo mô hình mới (tên cơ quan thuế: Tổng cục Thuế nay là Cục Thuế, Cục Thuế, Chi cục Thuế, Chi cục Thuế khu vực nay là Chi cục Thuế khu vực, Đội thuế cấp huyện).

Ngoài ra, từ ngày 01/01/2025, các hồ sơ hoàn thuế của người nộp thuế thuộc Chi cục Thuế (nay là Đội thuế cấp huyện) quản lý trực tiếp thì thực hiện theo quy định tại Luật 56/2024/QH15: Đội thuế cấp huyện tiếp nhận, giải quyết và quyết định hoàn thuế.

Theo quy định hiện hành (điểm a khoản 2 Điều 27 và khoản 3 Điều 36 Thông tư số 80/2021/TT-BTC) thì riêng các Cục Thuế thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Cục trưởng Cục Thuế có thể phân công cho Chi cục Thuế tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế GTGT, thực hiện các bước giải quyết theo quy định sau đó chuyển Cục Thuế để xem xét ban hành Quyết định hoàn thuế.

Do đó, đối với các hồ sơ hoàn thuế thuộc trường hợp này khi Luật số 56/2024/QH15 có hiệu lực từ ngày 01/01/2025 cần có **quy định chuyển tiếp** để hướng dẫn các Cục Thuế thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai (nay là các Chi cục Thuế, Chi cục Thuế khu vực) và các Chi cục Thuế trực thuộc các Cục Thuế này (nay là các Đội Thuế cấp huyện) thực hiện.

2.2. Quyết định số 1487/QĐ-BTC - Đề án 06 có giao Cục Thuế sửa đổi, bổ sung 13 mẫu biểu tại Thông tư 80/2021/TT-BTC, 01 mẫu biểu tại Thông tư 40/2021/TT-BTC.

Để thực hiện nhiệm vụ này cần bãi bỏ/thay thế chỉ tiêu (trường thông tin) liên quan đến “**Số CCCD/CMND; Địa chỉ (Quận, huyện); Mã số thuế**” thành “**Số định danh cá nhân**” tại các mẫu biểu ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC, Thông tư số 40/2021/TT-BTC.

Trong quá trình tổng hợp ý kiến tham gia của các đơn vị trong Bộ, trong Cục và qua rà soát Thông tư số 80/2021/TT-BTC, Thông tư số 40/2021/TT-BTC, phát sinh thêm **50 mẫu biểu**, bảng kê cần sửa đổi, bổ sung để đáp ứng nhiệm vụ của Quyết định 1487/QĐ-BTC – Đề án 06, nâng tổng số mẫu biểu cần sửa đổi, bổ sung lên thành **64 mẫu biểu** (trong đó: **5 mẫu biểu** ban hành kèm theo Thông tư số 40/2021/TT-BTC; **59 mẫu biểu** ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC).

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG THÔNG TƯ

- Thực hiện chủ trương chuyển đổi số quốc gia, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính thuế theo hướng chuẩn hoá mẫu biểu hồ sơ, tạo thuận lợi cho người nộp thuế; giảm chi phí, thời gian của người nộp thuế trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

- Nội dung quy định rõ ràng, minh bạch, dễ hiểu, dễ thực hiện.

III. BỐ CỤC THÔNG TƯ VÀ CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này sửa đổi, bổ sung Thông tư số 80/2021/TT-BTC (điểm a, khoản 2 Điều 27, khoản 3 Điều 36 và khoản 2 Điều 38) để hướng dẫn về thẩm quyền hoàn thuế quy định tại khoản 10, khoản 11 Điều 6 Luật số 56/2024/QH15 và sửa đổi bổ sung các mẫu biểu ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC, Thông tư số 40/2021/TT-BTC để thực thi các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư theo Đề án 06.

2. Bố cục dự thảo Thông tư gồm 04 Điều:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 27 Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính.

Điều 2. Bãi bỏ một số khoản, Điều của Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung mẫu biểu ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/09/2021 của Bộ Tài chính, Thông tư số 40/2021/TT-BTC ngày 01/6/2021 của Bộ Tài chính.

Điều 4. Điều khoản thi hành

3. Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung cụ thể.

3.1. Nội dung đề xuất hướng dẫn thực hiện khoản 10, khoản 11 Điều 6 Luật số 56/2024/QH15.

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 27 Thông tư số 80/2019/TT-BTC (Điều 1 dự thảo Thông tư):

“2. Trách nhiệm tiếp nhận và giải quyết hồ sơ hoàn thuế theo quy định của pháp luật về thuế

a) Cục Thuế Cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế có trách nhiệm tiếp nhận và giải quyết hồ sơ hoàn thuế nêu tại khoản 1 Điều này (trừ trường hợp quy định tại điểm b, c khoản này). ~~đối với người nộp thuế do Cục Thuế quản lý trực tiếp và người nộp thuế do Chi cục Thuế quản lý trực tiếp.~~

~~Riêng các Cục Thuế thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Cục trưởng Cục Thuế có thể phân công cho Chi cục Thuế tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế giá trị gia tăng của người nộp thuế do Chi cục Thuế quản lý trực tiếp và thực hiện giải quyết hồ sơ hoàn thuế của người nộp thuế, bao gồm: phân loại hồ sơ hoàn thuế thuộc diện hoàn thuế trước hoặc thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế; xác định số thuế được hoàn; xác định số tiền thuế nợ, tiền phạt, tiền chậm nộp phải bù trừ với số thuế được hoàn; dự thảo Quyết định hoàn thuế hoặc Quyết định hoàn thuế kiêm bù trừ thu ngân sách nhà nước hoặc Thông báo về việc không được hoàn thuế (nếu có); sau đó Chi cục Thuế chuyển toàn bộ hồ sơ cho Cục Thuế để tiếp tục thực hiện hoàn thuế theo quy định tại Thông tư này.”~~

b) Bãi bỏ một số Điều của Thông tư số 80/2021/TT-BTC (Điều 2 dự thảo Thông tư) như sau:

* Bãi bỏ khoản 3 Điều 36.

~~“3. Chi cục Thuế được phân công tiếp nhận và giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 27 Thông tư này chuyển toàn bộ hồ sơ giải quyết hoàn thuế theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này cho Cục Thuế để xem xét ban hành Quyết định hoàn thuế. Cục Thuế ban hành Quyết định hoàn thuế theo mẫu số 01/QĐHT trong trường hợp người nộp thuế không còn tiền thuế nợ hoặc Quyết định hoàn kiêm bù trừ khoản thu ngân sách nhà nước theo mẫu số 02/QĐHT, Phụ lục số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt phải nộp được bù trừ theo mẫu số 01/PL-BT (nếu có) trong trường hợp người nộp thuế còn nợ tiền thuế nợ hoặc người nộp thuế đề nghị bù trừ số thuế được hoàn trả với khoản nợ, khoản thu phát sinh của người nộp thuế khác, hoặc Quyết định thanh toán cho ngân hàng là đại lý hoàn thuế giá trị gia tăng theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30/5/2014 của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung tại khoản 15 Điều 1 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 của Bộ Tài chính đối với hoàn thuế cho ngân hàng là đại lý hoàn thuế giá trị gia tăng, Thông báo về việc không được hoàn thuế mẫu số 04/TB-HT ban hành kèm theo phụ lục I Thông tư này. Cục Thuế chịu trách nhiệm về quyết định hoàn thuế theo quy định của pháp luật.”~~

* Bãi bỏ khoản 2 Điều 38.

~~“2. Trường hợp Cục Thuế ban hành Quyết định hoàn thuế hoặc Quyết định hoàn thuế kiêm bù trừ thu ngân sách nhà nước hoặc Quyết định thanh toán cho ngân hàng là đại lý hoàn thuế giá trị gia tăng đối với người nộp thuế do Chi cục Thuế quản lý thì Cục Thuế gửi Quyết định cho Chi cục Thuế để theo dõi nghĩa vụ của người nộp thuế.”~~

3.2. Quy định chuyển tiếp (khoản 2 Điều 4 dự thảo Thông tư) như sau:

a) Đối với các Chi cục Thuế (nay là Đội Thuế cấp huyện) thuộc 4 Cục Thuế tỉnh/thành phố: Hà Nội (nay là Chi cục Thuế khu vực I), Hồ Chí Minh (nay là Chi cục Thuế khu vực II), Bình Dương (nay là Chi cục Thuế khu vực XVI), Đồng Nai (nay là Chi cục Thuế khu vực XV) đã tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế giá trị gia tăng của người nộp thuế do Chi cục Thuế (nay là Đội Thuế cấp huyện) quản lý trực tiếp trước ngày 01/01/2025 nhưng đến ngày Luật số 56/2024/QH15 có hiệu lực thi hành, Chi cục Thuế (nay là Đội Thuế cấp huyện) chưa chuyển hồ sơ cho Cục Thuế (nay là Chi cục Thuế khu vực) thì Chi cục Thuế (nay là Đội Thuế cấp huyện) tiếp tục thực hiện giải quyết hoàn thuế cho người nộp thuế theo quy định.

b) Đối với các hồ sơ đề nghị hoàn thuế của người nộp thuế do Chi cục Thuế (nay là Đội Thuế cấp huyện) quản lý trực tiếp, trừ 4 Cục Thuế tỉnh/thành phố: Hà Nội (nay là Chi cục Thuế khu vực I), Hồ Chí Minh (nay là Chi cục Thuế khu vực II), Bình Dương (nay là Chi cục Thuế khu vực XVI), Đồng Nai (nay là Chi cục Thuế khu vực XV) quy định tại điểm a Khoản này) được Cục Thuế (nay là Chi cục Thuế khu vực) tiếp nhận trước ngày 01/01/2025 nhưng đến ngày Luật số 56/2024/QH15 có hiệu lực thi hành, Cục Thuế (nay là Chi cục Thuế khu vực) chưa ban hành Quyết định hoàn thuế hoặc Quyết định hoàn thuế kiêm bù trừ thu ngân sách nhà nước hoặc Thông báo về việc không hoàn thuế (nếu có) thì Cục Thuế (nay là Chi cục Thuế khu vực) tiếp tục thực hiện các bước công việc chưa hoàn thành theo trình tự, thủ tục quy định tại Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/09/2021 của Bộ Tài chính để giải quyết hoàn thuế cho người nộp thuế.

3.3. Nội dung đề xuất để thực thi các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến nhiệm vụ tại Quyết định số 1487 - Đề án 06 (Điều 3 dự thảo Thông tư).

Sửa đổi, bổ sung các mẫu biểu ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/09/2021 của Bộ Tài chính, Thông tư số 40/2021/TT-BTC ngày 01/6/2021 của Bộ Tài chính để thực thi các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư và các mẫu biểu thực hiện quy định tại khoản 10 và khoản 11 Điều 6 Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024.